

NGUYỄN NGỌC TƯ

GÓC NHỎ MIỀN TÂY

*Bánh trái
mùa xưa*



NXB Hội Nhà văn



Phạm Văn Bình

Table of Contents

Lời Giới Thiệu
Rạch Rập
Một gian nhớ đầy
Dời bến
Khoảnh khắc của hoa quỳnh
Bánh trái mùa xưa
Cửa sau
Đãi bạn
Mùa bông cháy
Của nước và gió
Những cây gòn lác
Tình khúc Ba mươi
Xe miền Tây
Mua vài đồng nhớ
Hiên trước nhà một bà già tốt bụng
Chập chờn lau sậy...
Sân nhà
Mưa Vĩnh Hưng
Ngủ ở Mũi
Hạt gửi mùa sau
Lục bình
Xóm cũ
Mưa tháng Mười hai
Những mảnh nhớ cũ
Rơm rạ xốn xang
Mùa phơi sân trước
Sa mưa
Chợ nhóm bên đường
Gió mùa thao thức
Cuộc diễu hành lặng lẽ

[Những chân trời khép](#)

[Ông Cà Bi ở Xẻo Quao](#)

[Xe đêm....](#)

[Nhớ đất](#)

[Xa đầm Thị Tường](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời Giới Thiệu

Thân thương như tên gọi, “**Bánh trái mùa xưa**” đầy ắp cảm xúc và những lời thủ thỉ. Tác giả kể về đầm, về đất, về nhà, về sông, về gió... nhưng trong tất cả những thứ được gọi bằng tên đó, có nhiều thứ không thể gọi thành tên. Bởi nó là tình yêu, là kỉ niệm, là những thứ vô hình không nắm bắt được.

Trong “Cửa nước và gió”, có đoạn “ *Người ta sống trên nó, rửa chân và vắt rác lên nó nhưng quên lãng nó. Và một buổi sáng mở cửa sau, sông bỗng tràn đầy trong mắt.* ”. Đâu dễ gì quên được thiên nhiên, như là hơi thở, như là tình yêu vậy. Trong “Khoảnh khắc của hoa quỳnh” là sự tiếc đất, tiếc người, để rồi giữa con người và thiên nhiên, giữa cái hữu hình và vô hình, tác giả đứng trước một sự đổi thay đành thốt lên: “ *Như là tôi vừa chứng kiến xong một cuộc hoa quỳnh nở, rồi tàn nhanh, mang theo một vẻ đẹp tuyệt tích.* ”. Trên “Xe miền Tây” cũng khác, cũng đáng để yêu: “ *Thôi thì chân chất, ừ thì quê mùa ... miền Tây mà, vẫn hoang dã vẫn xa xôi. Đây không phải Sài Gòn, Hà Nội, đây là một thế giới khác rồi. Thế giới mà người ta vẫn còn mua bắp luộc, bánh mì ở bến xe đem về xứ làm quà, trẻ con vẫn reo mừng tổ mả ... Những người miền Tây quần queo lam lũ thật thà này, bolero này, dầu gió này mình không bao giờ gặp trên những chuyến bay ...* ”.

Đôi khi đầm thắm, đôi khi cà tàng với lối viết kiểu đặc trưng người vui tánh mà thâm sâu Nam bộ, trong “Ông Cà Bi ở Xẻo Quao”, triết lý sống cũng được đề cập tới. Đời này không biết ai tội nghiệp ai. Người giàu tội người nghèo hay người nghèo tội người giàu. Cái sướng thì không ai giống ai, chớ cái khổ thì giống cả: sợ mất của, sợ già, sợ chết. Ông Cà Bi quan điểm, sướng là không nhiều tiền của, bởi “ *Có tiền nhiều giống như có con vợ đẹp, mắc công giữ ...* ”.

Mỗi khi được đọc tản văn của Nguyễn Ngọc Tư, như được sống lại với chính mình và những nơi “nhớ đầy”.

BBT Sách Phương Nam

Rạch Rập

Tên thì rõ ràng là rạch, nhưng đoạn chảy gần chợ người ta lại gọi kinh, và dòng chảy bị bóp nghẹt bởi hai dãy nhà sàn san sát. Rạch Rập chảy sâu về phía Nam thì rộng dần ra, qua những ruộng vườn xanh ngắt nghe trẻ con rủ nhau *tắm sông tại đây* ơ.

Hồi tôi bảy tuổi, đó là con sông rộng nhất trần đời. Nhất là những buổi chiều tàn ngần nhìn ông ngoại chống xuồng đưa má qua sông, rồi má một mình lội men theo bờ ruộng lên lộ xe, đi thêm gần chục cây số nữa, là đến nhà. Cái tổ đó tôi chui rúc cho đến năm bảy tuổi, cái tuổi cần tới trường mà ngoảnh đi ngoảnh lại trường nào cũng xa, đường nào tới chữ cũng bị mưa nhấn chìm ngoi ngóp. Má đưa tôi về ở với ngoại, trường học cách nhà ngoại chỉ một mảnh vườn, còn gì tiện bằng. Chủ nhật tôi tha thẩn chạy chơi ở đâu cũng ráng dỏng lỗ tai ngóng bên sông coi có ai kêu ới lên không. Phía đó lao xao có nghĩa là má vô thăm, có khi đi cùng ba, cùng anh hay chị. Buổi má ra về, chắc thấy nắng úa dần trên đám lá dừa nước trước nhà ngoại chưa đủ cho tôi mũi lòng, mấy con bìm bịp còn đem rải tiếng kêu rầu rĩ lên mặt sông đang đầy cho buổi tiền đưa sâu sâu thêm nữa.

Chắc hồi ấy tôi hơi buồn, nên ký ức về sông Rạch Rập cũng khoác một vẻ buồn thảm suốt. Với những rặng dừa nước, những cây bần, cây vẹt mọc nghiêng nghiêng chênh mảng ven bờ. Những hàng đăng đó lơ phơ chồi sậy, những cái vỏ cát gác chéch lên hóng gió sau một đêm sũng nước. Những chiếc ghe hàng bông neo lại bên rặng mắm nấu cơm chiều om lên vài lọn khói còm nhom. Hai bên sông nhà cửa thưa thớt, núp ló sau những bụi rậm mọc hoang những ô rô, chùm gọng, ráng, choại...

Sông buồn đến có thể ngủ được, khi ngồi ngoài bến. Thoảng trôi lại mùi của những cái bập dừa ngâm trong nước lâu ngày, mùi lá ráng mục nát, mùi sinh non đùn trên ổ con chù ụ, và mùi những bông tra, bông quao nằm chơi với trên bãi chờ nước lớn để bắt đầu cuộc đi hoang.

Một dòng sông lẻ, chảy hiền, dáng vẻ hơi hiu quạnh như thể ở bên rìa đời, không nhiều người biết, không nhiều người lại qua nhưng nó vẫn sống tấp nập một đời sông. Cũng chảy ngược xuôi mê mải, cũng nhiều tôm cá, cũng nước ngầu ngầu phù sa, cũng nước lớn tràn bờ, rông phời bãi. Mỗi lần vớt chiếc dép còn mới, con búp bê nhựa bị mất tay, hay cái bình trà mất nắp... tôi vẫn chờ đợi một ngày nào đó sông sẽ đem tới cho mình phần còn lại của chúng. Bà ngoại kể những năm chiến sự ác liệt, ra sông gặp một đoạn chi người tấp vô ven đó là chuyện thường. Một năm sau cái Tết Mậu Thân, bà ngoại vẫn không ăn tôm cá ngoài sông vì ghê sợ chúng đã từng sống nhờ vào những mảnh người trôi dạt. “Là máu thịt đồng bào mình...”, ngoại ngậm ngùi. Trận đó thương vong lớn, kẻ khuất sông đưa về đồng bãi, kẻ sống sông che chở trong lòng, nhiều người không rút kịp ngụp lặn dưới những dãy nhà sàn tồi tàn lụp xụp, lần lượt cũng qua khốn khó.

Những câu chuyện kể của ngoại đã có tác dụng đáng kể, nó tác dụng ngay lập tức lên trí tưởng tượng phong phú của tôi, ngoại khỏi phải giữ chẳng chẳng cháu bà lên xuống sông tắm nữa. Nó sợ.

Nên Rạch Rập với tôi vừa thân thiết vừa bí hiểm, vừa thương vừa giận. Những ngày bên sông im lìm không tiếng ới, tôi đòi ông ngoại cho tập chèo xuồng. Ngoại cười, tướng chỉ cao hơn cây cột chèo mà đòi chèo... rồi ngùi ngùi hỏi nhớ má hủ, để ngoại chở về. Ông ngoại chèo giỏi, nghe nói hồi chiến tranh ông chèo đi công tác hàng trăm cây số cũng thường. Và quãng đường gần tám cây số đường sông giữa nhà và nhà ngoại, giữa những chuyến đi về, tôi học làm người.

Đi xuồng phải ngồi day lại, nhìn nhau. Vì sao hủ, vì cái lưng con người ta là ngó buồn nhứt hạng. Ông ngoại tôi nói vậy khi cười cái tướng tôi ngồi đằng mũi nhóc mỗ ngóng như chó chờ xương. Bỗng nhớ tới lưng má mình mỗi khi qua sông và chìm lút trong đám lức trên đường mòn. Tôi ái ngại xoay mặt lại về phía lái, mới hay áo ông ngoại ướt đầm, mà trước đó tôi còn căn nhắc ông chèo chậm, ngồi mỗi quá chừng vẫn chưa tới nhà má.

Bài học nhỏ về sự vô tâm đó, và cái lưng gây buồn ám ảnh tôi, nhất là những lúc nhìn lưng ấy ơ ải à xa khuất. Tôi còn mang theo nhiều thứ nữa từ con bé bảy tuổi ngày xưa, từ những chuyến ngồi xuống cà tich cà tang xuôi sông Rạch Rập. Con bé nhận ra nồn nóng cũng chẳng ích gì, sao không thử cảm nỗi lẻ loi của chị kia đang chèo một mình cắt cái mũi xuống lều đều đi giữa dòng gió, thử ngửi sự hiu quạnh của ngôi đình Tân Hưng nằm lút dưới những tàng cây rợp tối, thử nhìn mây trời mà tưởng tượng mơ mộng, thử học mốt chút nào sự khoáng đạt của sông...

Quãng đường đó dễ chừng hơn mười lăm năm tôi không quay lại. Khi đi khỏi nó tôi vẫn chưa biết chèo, ông ngoại nói chuyện chèo chống con nít không phải làm. Rạch Rập nước vẫn chảy, mỗi lần cắt ngang dòng để đi qua thắp nhang cho ngoại, lại nhớ chiều dọc mà hai ông cháu từng đi, nhớ những chòi vó, rạp xuống nằm núp ló trong tán cây, nhớ tiếng hỏi han hỗn hển của những người quen đi ngược chiều.

Dòng sông chỉ chảy qua đời tôi hai năm chẵn, nhưng đã mặc định mãi mãi trong tôi rằng, sông thì buồn. Tôi té xuống sông Tiền, đi thuyền trên sông Hàm Luông, ra chơi giữa sông Hồng, thò chân xuống sông Nho Quế, nghe Sereprok sôi réo... thì vẫn không nguôi được cảm giác buồn của sông. Muôn thuở. Cửa chia cắt, của thẳm lặng, của những cuộc luân lạc gần như bất tận, của sự cho đi, chỉ có cho đi.

Một gian nhớ đầy

Nhà mình hình như là giống cái, nên dễ sai. Nhà trước nhà sau sẵn rồi, lâu lâu ba mình lại nối thêm vài ba căn nữa, nào là nhà kho, mái che sà nước, chái nấu bếp củi... Cây có sẵn trong vườn làm nên kèo cột, tận dụng những tấm tôn cũ, chỉ lá lợp mái hay dùng vách đôi khi phải mua... ba dựng lên những chái nhà nhỏ nhỏ đầy ngẫu hứng. Chúng giản dị, nhẹ nhõm, không tham vọng. Chỗ này để cất những vật dụng lâu không dùng tới, chỗ kia cánh phụ nữ hay ngồi rửa rau làm cá nên cần che chắn nắng mưa, chỗ kia nữa để nấu nướng cho hết mớ củi vụn, bẹ dừa khô... nằm lổn nhổn ở vườn sau. Nhưng những chái nhà không tồn tại đơn điệu như tên gọi, bước vào kho là vấp chân vào kỷ niệm; sà nước ban trưa gió lồng là chỗ mấy má con ưa ngồi hong tóc, nhổ những sợi bạc, hoặc bày ra đĩa xoài chua, cóc chua chấm muối ớt. Và nơi đặt mấy cái cà ràng khói ám má mình giăng cái võng dù tranh thủ ngã lưng trong lúc chờ cơm sôi, chờ khoai chín trong nồi.

Ngó thấy má nằm trong khói bếp cay mù chắc là ba thấy áy náy, thấy ngứa ngáy chân tay. Bên hè lại mọc lên căn nhà hai mái lợp lá dày, bốn bề trống trơn không phen vách. Ba nói “Làm chỗ này cho má mầy giăng võng nằm chơi”. Món quà ba dành cho má nhưng ai nấy đều mê. Nhà có năm người mà treo gần chục cái võng, chia nhau nằm không hết, để võng trống cho gió thốc thấu quãng quặt tơi bời.

Trước cả nhà chỉ gặp nhau ở mâm cơm, giờ buổi chạng vạng trong nhà võng cũng đông đủ mặt. Muỗi cỏ bay dìu dặt, ba quạt cái mẽ ung. Nằm giữa đám khói thơm thơm phảng phất từ mấy gộc củi mục, trong tiếng võng kêu cọt két cọt kẹt, trong gió hiu hiu, mưa liu liu, chỉ thiếu tiếng ai đó ầu ơ là đủ bộ sướng rồi.

Bên nhà chồng mình cũng có cái võng, nhưng nhà ở chợ hẹp te không gió, giá võng công nghiệp nhỏ xíu nên khó đòng đưa. Lần mang thai bạn nhỏ đầu lòng, mình ngủ trên võng thấy có bà già không rõ mặt cứ nắm đầu võng dục dặc bảo mình xuống. Vía mình nói để tui nằm thêm tí nữa nhưng bà giật một giật hai nói xuống mau xuống mau cho bà tháo võng đi... giật. Tỉnh dậy nghĩ ngay tới bà mẹ chồng đã khuất núi của mình. Mấy bà già xưa không cho phụ nữ đang cần thai nằm võng, họ sợ rủi đứt dây hoặc tác động lên tư thể bào thai sẽ khó sinh. Mình tính lì lợm không sợ ma, nên mấy bữa sau lại lên võng ngủ trưa, lần nay thì bà già giận lắm, chẳng nói chẳng rằng lù lù tới nắm võng toan hất vía mình xuống. Mình nể (hương hồn) mẹ chồng nên lúc sau này chạy về nhà má định bụng nằm võng cho sướng, nhưng vừa đặt lưng xuống là bị cấn nhằn cử nhử. Bộ điệu xua đuổi cũng giống hệt bà già kia, chỉ khác là bà già này còn sống chân chấm đất mạnh giỏi.

Quãng đó đi ngang cái võng thấy thềm thường vô kể.

Chẳng giải thích được cơn thèm đó, có thể do mình vừa rời lòng mẹ là đã sà xuống lòng võng rồi. Những lúc đi huyện công tác bằng xe máy, cứ ngang qua một cái quán võng là cả người nhũn ra rồi buồn ngủ. Không chống đỡ được, mình tấp vô sà xuống võng ngủ một giấc đã đời, nhiều khi không kịp đợi uống ly nước dừa của dì chủ quán mang tới. May mà có rất nhiều quán võng nằm bên đường gió bụi sẵn dành cho khách đi đường gió bụi như mình. Ghé lại đòng đưa cho một nhọc tan đi, đôi lần mình còn được đãi những lời ru ngọt lịm từ bà mẹ trẻ phía nhà trong, nhưng lần sau ghé lại chỉ thấy cái casset ca văng vẳng bên võng trẻ con, tự động nghe nước dừa lạt nhách.

Giờ nhà võng mà ba cất lên cũng rộng thênh thang gió như những cái quán bên đường, mình cũng làm khách của ba, cứ một vài ngày là ghé lại. Nằm võng ở đây chỉ là sướng một, sướng hai là được quây quần cùng với cả nhà, nghe chung bài vọng cổ, nói chung một câu chuyện. Sướng ba là ngắm những món đồ cũ treo trên mấy cây xà ngang dọc, những nông cụ đã lâu mình không thấy lại, từ hồi người ta trồng cái nhà máy trên đất ruộng nhà mình.

Ngó thấy chị em mình quá phần khích, ba thừa thắng xông lên biến nhà võng như một bảo tàng

thương nhớ đồng quê. Ba sưu tầm về những thứ khiến mình phải tròn cái miệng trở con mắt động đậy lòng. Gàu dai những năm xưa mình từng dùng tát nước ruộng, đĩa. Cái đèn manchon lừng lẩy một thời - chưa - có - điện. Những cái chum vại bằng sành đủ cỡ. Cái cối xay bột dẻo từ đá xám. Ít vật dụng được bên, chằm bằng lá dừa nước mà lúc nào nhìn thấy mình cũng nhớ tới bà ngoại một đời đan lát khéo tay. Và cái nhà võng không đơn thuần để giăng võng nằm chơi mà nằm nhớ đứng nhớ ngang qua nhớ.

Cũng bất ngờ, nó trở thành phòng khách, bởi ai tới nhà chơi cũng thích tạt qua sà xuống mấy cái võng, cũng trầm trồ những món nhà quê bày biện chung quanh. Chúng nhắc nhớ những vụ mùa, những liếp rau bờ chuối, những xóm làng quê xứ... Hoặc chúng chẳng nhắc nhớ gì, người ta thấy ngộ quá thích quá vậy thôi.

Mà ba cất căn nhà này nào có tham vọng gì đâu, chỉ cho má một chỗ giăng võng ngã lưng sau buổi lui cui làm lụng. Thơm thảo, má chia quà cho cả những người xa lạ...

Dời bến

Bà con của một người bà con dẫn cô lên giúp việc nhà họ vào một bữa trời mưa. Cô vắt đôi tà áo ướt đầm nước, tròn con mắt phân trần, “Xứ gì ngộ quá, đâu cũng có nhà mà không có chỗ đụt mưa. Ở đâu cũng tường rào kín mít, kiếm đồ con mắt mới gặp được mái hiên, tui mới đứng chút xíu đã bị kêu tránh ra cho người ta buôn bán. Phải ở dưới quê bà con còn đem ghế cho ngồi...”.

Ngay cái ngày đầu tiên đó cô đã mang một chuẩn mực mới đến với gia đình họ, tạm gọi là “*phải ở dưới quê...*”. Ngó mấy con cá rô nằm cạnh rổ cải bắp, cô thần thờ, “Trời ơi, phải ở dưới quê, mình nấu cá rô với bông so đũa, ngọt nước dữ lắm”. Bông so đũa mùa này trổ trắng trên mấy bờ kinh, mật ơ là mật. Hàng xóm cãi nhau, cô ngó qua rào, “Phải ở dưới quê thể nào cũng có người chạy tới can, người ngoài nói tiếng ngọt tiếng lạt, cũng đỡ căng lắm...”. Sau mỗi bữa ăn, cô tần ngần, “Phải ở dưới quê, đồ ăn dư như vậy là nuôi được mấy con heo...”.

Cả nhà chủ vừa buồn cười, vừa khó chịu. Họ đã sống một cuộc sống được xem là hiện đại, đầy đủ, họ hài lòng với những gì mình có. Nhưng cô giúp việc tỏ ra không mấy hài lòng, suốt ngày đi so sánh, mà so sánh với nếp quê mới kỳ cục. Phải ở dưới quê, ra vườn chút xíu là kiếm được rổ rau rồi, đâu phải mua chi cho uổng tiền. Phải ở dưới quê, mùa này gió chướng thả cửa, ở trong nhà hả hống đón gió sông, mặc sức mà... run, mở máy lạnh làm chi, ngộp quá chừng. Phải ở dưới quê, chặt cây chuối ra ao tập lợi, khỏi mắc công đi hồ bơi. Phải ở dưới quê...

Mỗi ngày qua, cô lại đưa ra một vài kiểu so sánh mới, chi tiết và tinh tế đến mức cô đặt cả bụi và cỏ lên bàn cân. Cỏ ở thị thành cũng vô duyên, phải ở quê, cỏ phơi khô, đem đốt, lấy tro trồng đậu, trồng dưa. Chủ nhà quen dần, thấy miễn cái cách nói thẳng thừng, gọn lỏn, ngắn gọn, tỉnh bơ như thể cái xóm nhỏ heo hút kia mới chính là thiên đường. Và cô, dù đã xa mảnh thiên đường đó mà lòng còn cảm sào ở bến sông, níu mãi bụi ô rô, đọt nhãn lồng, hàng lơ nước xanh rêu, con gà mái quỳnh quáng gọi đàn con đến bên ổ mới. Cô hòa nhập chậm, bởi bước chân cô kéo theo hàng hàng ký ức, lớp lớp nổi nhớ. Để gì...

Mỗi người có một chuẩn mực của riêng mình để vịn vào, đối chiếu, so sánh. Chủ nhà từng nghĩ cuộc sống hiện đại, sung túc là thiên đường. Nhưng bây giờ thì họ hoang mang, thế giới mơ ước của họ có nguy cơ đổ vỡ trước cô giúp việc ương bướng, bởi cô không nghĩ vậy, gì chứ, quê cô là nhất. Cô là người không dễ bị thuyết phục, kể cả lúc buộc phải đồng tình, ừ cái bếp này không khói, khói bị chảy nước mắt, nhưng không khói thì không thơm mùi củ ươt, mùi những con mối nhỏ, trứng kiến bị cháy vàng, mùi khoai lang vùi trong than. Mỗi khi cô “nhưng” nhà chủ thót tim, vì thấy mình thua là cái chắc. Nhiều lúc nằm nhìn cái máy điều hòa thấy mặc cảm dễ sợ, mặc cảm với những ngọn gió phóng khoáng thổi nước chảy tràn lên những bờ sông quê cô. Và việc có nhiều tiền cũng đôi khi làm nhà chủ bẽ mặt, họ không bao giờ mua được cái chốn nhớ cho mình, với khói đốt đồng, bông kế rưng, mấy con ong bầu vo ve đục kèo nhà làm tổ.

Sáu tháng, cô chỉ có cái lý duy nhất “phải ở dưới quê...” mà xiêu lạc cả nhà chủ. Họ bắt đầu cảm thấy cái nơi mà họ chưa từng đặt chân đến mới là thiên đường. Bữa cô về quê dự đám giỗ, họ nôn nao như chính mình trở về, đám trẻ con dậy sớm, lẳng xăng dặn, “Chị Hai về nhớ đi câu thác lác, bứt bông súng, hái chùm ruột đem lên cho tui em ăn nghen”. Người lớn rào qua rào lại, ngó cô giúp việc nháo nhác bên cái giỏ, chỉ mấy hộp bánh tây, trà lài mà cô nhét vào, xổ ra, rồi lại nhét vào, mắc tức. Chút nữa thôi, chuyến tàu trưa sẽ đưa cô về lại thiên đường riêng mình. Nhà chủ ngó cái lưng cô giúp việc khuất dần và nghĩ thầm, mình đã từng có thiên đường, nhưng giờ nó không còn nữa.

Cô trở lại nhà chủ cũng một bữa mưa rào. Dường như mưa cuối mùa. Lui cui rửa đôi dép, cô cần nhẫn, “Rầu quá, dưới quê bước ra là gặp sinh lầy, dơ muốn chết, phải ở thành phố...”.

Chủ nhà hơi khựng lại, ngỡ ngàng. Cô vẫn hồn nhiên, “Đám giỗ làm bánh lủ khủ, phải ở thành phố, chạy ra chợ mua cho gọn...”. Lòng cô đã không còn buộc dây nơi bến cũ, thiên đường của cô cũng tan biến mất rồi. Rốt cuộc không có thiên đường nào hết. Chuyện bình thường thôi, cô đã được tiện nghi thành thị nuông chiều, nhận ra một chuẩn mực mới. Một trò chơi nhỏ của thời gian, nhưng mà chơi ác.

Biết vậy, nhưng nhà chủ vẫn buồn, vì lòng họ đã neo vào một cô giúp việc quê mùa, hồn nhiên, chân chất của mưa xưa.

Khoảnh khắc của hoa quỳnh

Tôi đưa nhóm bạn về trắng sen chơi . Mỗi lần quay lại là thêm một lần thở phào nhìn thấy sen kia sủng nộ, cây cỏ ấy vẫn còn nguyên đó. Nước vẫn trong veo, hết mùa sen thì đến lượt mây trời nở. Quang cảnh chưa sút mẻ xiu nào. Trong lúc tôi ngồi ở sàn nhà thông chân dùng đưa khóa nước, ngấm ngơi về sự dễ vỡ của thiên nhiên thì đằng kia vợ chồng anh chủ nhà đang ngơi ca chất lượng của mớ mật ong mà anh lấy được từ rừng, gợi ý sẵn sàng bán cho đám nhỏ Sài Gòn với giá rẻ làm quen. Chị vợ cũng rạng rỡ phụ họa theo, vừa mới đây thôi chị còn chù ụ quau đeo vì khách mang bia theo trong khi nhà chị cũng trữ bia để bán. Chữ “mật” ướp giọng chị ngọt lừ như chưa từng cau có bên vách với cô con dâu, “Đãi đám khách này cá nhỏ thôi, biết tội nó trả được bao nhiêu tiền mà cho ăn cá lớn...”. Tôi nghĩ chắc mình bị ảo giác, anh chồng kia làm gì lại tỏ ra cay cú việc tôi mượn đồ khác mà không kêu đồ nhà anh đưa đón.

Năm trước, khi lần đầu đến vùng đồng rừng hoang dã này chơi, bệnh bồn chồn trong tôi trỗi dậy. Tôi sợ mất. Ngồi ở nhà của một người dân neo sống bên bìa trắng ngó cánh rừng u tịch bên kia màn mưa bụi, tôi đã nghĩ có khi đây là lần cuối cùng mình trông thấy quang cảnh tĩnh lặng này. Ngày mai người ta sẽ đổ xô tới đây làm du lịch, sẽ cặm lên giữa trắng sen mình mông cây cầu bê tông, nhà hàng bê tông cùng những cô tiếp viên ca ra rả những bài vọng cổ vô hồn như tua mãi một đoạn băng cũ. Và cái chái đậu xuống kia, mái nhà lợp lá chằm đóp kia, những tấm ván sàn thô xẻ từ những thân dừa kia, những chiếc xuống ba lá ọp ẹp kia... rồi cuộc chỉ còn trong tranh ảnh của bạn bè tôi, và trong ký ức của những người đã từng ngồi ở đây trong một trưa mưa xiên bụi ngời.

Bữa ấy anh chủ nhà nói lo khỉ gì, tới đâu hay tới đó, cứ nhậu cho đã đời. Mâm cơm bày ra rồi, dường như ở nhà có bao nhiêu thức ăn đều đã vét hết ra đãi khách. Sơ giao mà chủ nông hậu hồ hởi đến nỗi tôi nghĩ nếu nhà hết củi nấu cơm, chắc họ rút cây ven vách ra chụm luôn. Người bản xứ nổi tiếng hào phóng chịu chơi, nếu cần sẵn sàng xức lúa giống cho láng giềng mượn ăn qua mùa giáp hạt.

Sau này tôi vẫn thường đưa bạn bè trở lại ngôi nhà sàn bên trắng nước đó, phiên cái gia đình nhỏ nọ giúp cho bữa cơm trưa. Căng bụng với cá đồng, rau rừng, gió trời, và ấm lòng bởi vợ chồng chủ nhà nhậu bat mạng, ca mùi. Lúc về bọn tôi hay gửi chút tiền gọi là “mua sữa cho mấy nhóc”, như một cách để bù đắp lại thùng gạo nhà họ vừa bị bọn tôi vét sạch, cũng để nhẹ món nợ ơn nợ nghĩa. Những tờ giấy bạc cứ bở ngỡ ngập ngừng trên tay người vợ đen đúa mà trên môi chẳng bao giờ tắt nụ cười.

Cảnh đẹp, người hay, bạn nào từng tới chơi cũng kêu trời vì thích, vì không khám phá ra chỗ này sớm hơn. Mai một dây trắng sen bị những nhà quy hoạch nông nổi trét sơn phấn lên, là tiêu tan một chốn đến.

Nhưng giờ cái gia đình nhỏ kia nhắc tôi nhớ rằng, con người còn dễ bị đánh mất hơn cả thiên nhiên, vì người có khả năng tự mình đánh mất mình. Những món tiền tội tôi gửi lại đã đánh thức tính thực dụng của những người quê hồn hậu. Họ bắt đầu vào cuộc bán mua ráo riết. Như những em bé Sa Pa giấu mặt, xòe tay đòi tiền trước ống kính máy ảnh. Như một quán ăn Tam Đảo đội giá tô phở chỉ vì khách nói giọng Nam Bộ. Như anh xe ôm Huế không chịu chỉ đường mà sốt sắng dẫn khách đến tận nơi, để đòi tiền công.

Tôi tự an ủi thôi thà vậy cho sòng phẳng, cho khỏi ơn nghĩa, cho đi khỏi nhớ. Nhưng mà trời ơi, tôi vẫn không nén được niềm thương nhớ những người đã từng mang nỗi kho quẹt ra để tội tôi qua cơn đói cùng cơm cháy, những người từng áy náy, lâu lâu có khách ghé nhà mà trong bếp không có gì tử tế, để đãi.

Như là tôi vừa chứng kiến xong một cuộc hoa quỳnh nở, rồi tàn nhanh, mang theo một vẻ đẹp tuyệt tích.

Bánh trái mùa xưa

Một lần Tết, cùng hai lần đám giỗ, cậu lại ra nhà người anh cùng cha khác mẹ với mình. Lành như củ khoai, lành như đất, lành như một người kém trí, như cái tên Út Khờ. Đi lần nào cũng quên vài thứ, không quên mang dép thì cũng quên đội nón, nhưng có thứ cậu không bao giờ quên mang tới nhà anh chị cậu, là bánh. Giỗ này cậu đem bánh bột đậu, giỗ sau cậu góp cỗ ngàò đường, Tết thường có bánh kẹp cuốn, bánh bông lan, bột đậu. Những thứ bánh trái quê mùa, nằm vơ vất trên bàn thờ, giữa những món đồ cúng đẹp đẽ khác. Vợ vất như thân phận của cậu: con riêng của ông nội với người đàn bà khác.

Anh chị và đám cháu không mê bánh nhà quê đó. Chỉ con nhỏ giúp việc nhà anh cậu là đón mừng nhiệt tình. Ăn một cái bánh nghe ngon nhức cả ký ức. Bánh của cậu gọi nhớ má nó đang nằm ho ở cái quê mị cà tha nào đó. Nó biết để có mớ bánh này, mợ (cũng hiền hậu thiệt thà y như cậu) đã phải nhồi bột đánh trứng từ hôm qua. Bột trứng dẻo dẻo, cầm bàn chup đánh mỗi nhừ tay, thì bột mới dậy, nở bung trong diêm, rồi được đem đi nướng. Than rực dưới đáy khuôn bánh, rải ủ đều trên cái nắp bằng gang nữa, cho hai mặt bánh vàng đều. Những mẻ bánh đầu hoặc khét quá hoặc chưa được vàng ươm như ý, mợ để lại nhà. Mớ bánh cậu mang đi phải là mớ bánh đẹp nhất, ngọt nhất sau khi mợ trần trở lửa trên lửa dưới. Mợ còn cắt giấy màu thành những sợi mảnh, rải vào keo bánh vừa để hút ẩm vừa trang trí cho đẹp.

Cậu mợ không biết rằng ra khỏi xóm làng rồi, vẻ đẹp ấy trở nên lạc lõng, bơ vơ. Chị dâu cậu thường cảm râm, “Đã nói đem bánh trái ra chi mắc công, có ai ăn đâu” ... Cậu hiền lắm, nói mười hiểu hai, cười cười, “Cúng ba má mà đi tay không, coi sao được chị”.

Má con nhỏ giúp việc cũng thường nói vậy, khi lụi hụi chuẩn bị bột, nhân, lá để làm bánh này nọ đi cúng quảy ở nhà họ hàng. Cái hồi người ta chưa bán bột làm sẵn, má nó còn phải ngâm gạo nếp qua đêm, có khi ngâm với khóm cho gạo mau mềm, để xay làm bột. Làm bánh, nói gọn lỏn vậy mà có bao nhiêu chuyện lắt nhắt phải lo, đến nỗi tàu lá đem ra phơi nắng cho vừa héo để gói bánh, trẻ con cũng không phụ được, vì không biết cỡ nào mới vừa. Má nó lo toan hết. Chị em nó mười, mười hai tuổi đã được má dạy làm bánh, thành con gái rồi má nó vẫn lo “Mấy đứa làm chưa khéo...”. Chị nó lấy chồng năm rồi, chuẩn bị cho đám gã, má nướng bánh bột đậu, bánh kẹp từ năm ngày trước.

Một cái đám ở quê thường được nhắc nhớ bởi những món ăn ngon. Bây giờ người ta vẫn nhắc món bánh bò bông má nó làm hôm gã chị. Mịn và xốp, những múi bánh như cánh hoa nở đều đặn, tươi tắn. Làm ra một món ăn ngon, hay một cái bánh ngon, thì đến lửa nhỏ lửa lớn mình cũng phải chăm chút nữa. Má con nhỏ giúp việc không nói vậy, nhưng nó tự học từ cái cách bà nắn nót rút bớt cây củi ra khỏi bếp, hoặc thêm vào mấy cục than.

Hồi đó, mỗi lần má con nhỏ làm bánh là cả một cuộc hội hè. Ngoài những thứ bánh được gọi là sang chỉ có ở những dịp giỗ Chạp hay dịp tảo mộ, còn có những tiệc tùng đơn sơ hơn, ít tốn kém hơn, mà vẫn thấm đậm hương vị. Xay lá mơn tam thể với bột, đắp vào lá mít hấp lên chan nước cốt dừa, vậy là con nhỏ được ăn bánh rau mơn. Bột trắng cán bằng chai, xong xắt sợi thả vào xoong nước đường, bột chín nổi lên mặt nước vậy là thành bánh canh ngọt cho đám nhỏ sì sụp. Hôm nào có cá lóc thì má nó nấu bánh canh mặn. Rồi thì bánh chuối hấp, chuối chiên, bánh cam nhân đậu... Bột bánh ít thừa ra từ lần làm bánh trước, má nó đem treo giàn bếp, hôm nào mưa dầm bà đem chiên lên, chị em nó lại được gặm món bánh tổ nóng hổi.

Con nhỏ giúp việc, lần đầu tới nhà chủ, nó khoe nó biết làm nhiều loại bánh, kể cả mấy loại bánh ngon hết xẩy như kẹp cuốn, tai yến, tàng ong... tất nhiên là không ngon bằng má nó làm. Nhưng bà chủ phúi đi, nhà bà không làm bánh bao giờ, muốn thì bước ra cửa, thiếu cha gì món ngon, ị ạch làm gì cực thân. Bà cũng từng nói với thằng em chồng khờ khạo của mình cậu đó.

Và cậu Út hiền lắm, nói mười hiểu ba, lại nhoẻn cười bảo, “Nhưng vui lắm, chị”.

Con nhỏ giúp việc cũng từng nghe câu nói đó từ người mẹ của mình. Cực mà vui. Chỉ là không biết giải thích làm sao với người khác niềm vui sướng khi lấy từ khuôn gang nóng rực ra những cái bánh thơm lừng, ngui ngút khói. Mẻ bánh đầu đời đó, con nhỏ vẫn còn nhớ, những hạt đậu phộng rang nó ấn vào giữa cái bánh như một nhụy hoa, nhưng bánh nướng xong thì đậu rơi mất, bánh bột đậu trở thành bánh bột. Má nó nói phải học từ chuyện nhỏ xiu vậy, mới làm được cái bánh vừa đẹp vừa ngon.

Ta chỉ cần ví cảm giác đó với cảm giác cô nghệ sỹ múa ba lê vừa hoàn thành một cú xoay khó. Kinh điển, với chỉ chừng ấy động tác, nhưng từ đời này sang đời khác, từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, người nghệ sỹ vẫn đổ mồ hôi để cố hoàn thiện nó. Nhưng câu hiền đến ngớ ngẩn, nên chỉ có thể nói cực mà vui, để nhận được từ con nhỏ giúp việc một cái gật đầu đồng tình, đúng đó, vui. Người chợ thì nhăn mặt ngán ngẩm, nói gần nói xa mà không đẹp được vụ bánh trái quê mùa này.

Cũng phải, đẹp cả một nền văn hóa thảo thơm đồng bãi, đâu có dễ...

Cửa sau

Ở quê mình nhà nào cũng có cửa sau. Mỗi khi đi xa nhớ nhà, nhớ luôn cái ngạch cửa trước, nhớ cái chái cửa sau. Rồi chợt hiểu vì mắc mớ gì mà người con gái xưa thầm lên “chiều chiều ra đứng cửa sau” để “trông về quê mẹ”, để “ruột đau chín chiều”.

Cửa sau nhà mình nhìn ra vườn cây xanh mướt, trắng loang loáng ngoài kia là chòm mả ông bà. Những chiều xa nhà, ngồi dưới đèn đi dọc theo các triền sông nhìn cửa sau của những ngôi nhà trầm lắng trong nắng héo. Không hiểu sao mình cảm thấy tội nghiệp mình ghê lắm. Người ta có nhà còn nghề nghiệp mình thì giang hồ mãi tận đâu đâu. Mình nhớ cửa sau nhà mình. Không phải chỉ là nơi để đi ra đi vào, cửa trở thành một khung tranh. Chị mình vẽ cảnh ngồi giặt áo trong cái nền sẫm đỏ của hoàng hôn. Ba mình vẽ vào khung một thân mình chắc nịch, đổ au vì nắng gió trên đồng, những làn nước trong văng trong vắt từ cái lu nước nhỏ bên cửa bắn tung tóe mỗi lần ba tắm. Bà nội mình ngồi trên cái đôn cửa bằng gỗ mù u, vẽ vào cửa sau một cái nhìn khắc khoải, ngoài vườn chiều kia, dưới trăng chiều kia có mộ ông, có mộ các chú nằm xuống khi tuổi còn rất trẻ. Nên mắt bà đã mờ mà như ướt lem nhem? Hay tại khói cay bay cao bay sà từ chiếc lò cà ràng, ùng ục nồi cám heo sôi trên bếp? Trên khung tranh còn má mình chiều nào cũng ngồi dưới chái đâm từ cửa sau, trước mặt má là thúng rau, sĩa ngò đang lật đở, bó dõ... Tay má nhăn, tái xanh vì ngâm nước lâu, trán má nhăn vì lo toan, vắt vả, chỉ có cái cười của má thì vui, vui lắm, vui không kể xiết. Nhất là khi má nhìn đứa cháu nhỏ xịu, ngong ngồng ở trường nhảy lạch chạch trong cái thau nước đặt trên sàn lán (giống mình hồi nhỏ quá đi thôi). Cảnh đó, có phải mình không vậy ta, có phải mình đang ngồi chòm hồm trước nồi cơm đầy lợ, trong bức tranh chiều, dường như có tiếng cạo cơm cháy sồn sột và tiếng trẻ nít cười rân.

Đêm đầy sao, mở cửa sau chợt hương bông cau, bông bưởi ủa vào đầy ứ mũi. Muốn thở chỉ sợ hương tan. Nghe con chim heo kêu nghe sợ mơ hồ, chạy cuống chạy cuồng qua cửa rồi mà hương vẫn còn theo.

Cửa sau, với mình, ít nhiều mang cảm giác thiêng liêng của sự đầm ấm, sum vầy. Cho nên nhớ hoài, nhớ mãi, nhớ không thôi. Cái số mình, thầy bói nói, là số giang hồ, giang hồ vật.

Ra giữa đời, về phố chợ, đất chật, người đông, sau nhà không có cửa nữa. Bởi phía sau không trăng, không hương, không người vẽ lên đó những bức tranh đầm ấm. Mà, ở đây cửa sau mang ý nghĩa khác mất rồi.

Người ta đưa hai tiếng cửa sau vào ngoặc kép, “cửa sau” làm nhà nước thất thoát hàng tỉ tỉ đồng, mồ hôi nhân dân đổ xuống nhiều hơn, nước mắt vì nỗi nhọc nhằn cạn đi (còn đâu nữa mà rơi). “Cửa sau” làm người ta không trọng nhau, không thương nhau, không tin nhau.

Cửa sau có muốn đâu, cửa muốn vẽ những bức tranh dung dị, bình thường về những con người bình thường, những cảnh vật bình thường.

Nhưng bây giờ người ta hay vẽ, một đám người chen nhau đứng đằng sau cánh cửa, quà trên tay chất vượt mặt, gõ cửa bằng chân. Cuộc sống có thể người ta mới vẽ thế.

Không, cửa sau mình nhớ dứt khoát không phải vậy. Thiệt đó, tin mình đi.

Đãi bạn

Đưa em gái lấy chồng , ngày cưới tôi không xin nghỉ được, đêm đãi bạn buộc phải đi. Bữa đó mưa đủ kiểu, khi tôi ra xe thì mưa nhỏ, lâm râm, bụng nghĩ, ông trời thương mình rồi. Nhưng ông trời ngạo nghệ cười, *sức mấy mà ta chiều bấy*, vậy là mưa ào tới, nó đón tôi ở một khúc quanh trên đường, rồi thì dầm dề mưa, mưa dầm con đường lún mãi vào làn nước. Tới nhà em thì ướt ngoi ngóp.

Ngồi lau tóc bỗng nhớ ra, hình như lâu lắm rồi mình không đi những buổi tiệc kiểu này. Bà con, bạn bè cưới thì đợi đúng giờ cái thiệp tới nhà hàng, nhào vô ăn. Nhiều lúc ra về mà quên coi cô dâu mặc áo cưới màu gì. Lần gần nhất là thằng em cô cậu lấy vợ, cũng đã ba năm trước. Một buổi tối đãi bạn lạt lẽo. Thức ăn đặt sẵn ở nhà hàng. Dân âm thanh cứ dội vào tai, vào óc, vào tim mấy bài nhạc đám cưới “ *Ôi vui quá xá là vui...* ”. Ngồi giữa đám đông mà xơ lơ xáo láo, chẳng biết nói gì, có nói cũng không ai nghe được tiếng ai, đành cắn hột dưa chịu trận. Sáng hôm sau thì chảy máu cam.

Nhưng tôi không tiếc gì ít giọt máu đó mà chẳng chịu quay lại những đêm đãi bạn khác. Chỉ là cái cảm giác chán, nhạt, rỗng không, vô vị. Vì vậy mà bạn cũng bất ngờ, khi thấy cái cây làm biếng (tụi nó gọi tôi vậy) đã mọc quá nhiều rễ ra khỏi nhà. Bạn không biết nhóm họ với tôi như mối tình đã phai rồi. Gặp lại một cái tên quen thuộc, nhưng diện mạo và tâm hồn gã đã khác xưa. Cho nên ngồi ngay trong lòng gã tôi đi thương nhớ gã.

Nhớ cái hồi gã hay làm tôi xao xuyến bởi những cái thiệp mời nhỏ xíu, nằm gọn trong lòng tay. Người cầm thiệp đến thường là bạn trong xóm, rất then thùng, dặn thêm, “Đãi bạn, nhớ tới chơi nghen”. Sao mà không, chỉ hai tiếng “đãi bạn” thôi đã làm lòng tôi rộn lên rồi, đã gọi lên biết bao nhiêu hình ảnh. Những miếng mặn, cóc, ổi nhỏ xíu, trái xoài nhỏ xíu đợc đính quanh trái khóm đã được gọt vỏ, tía tốt rất đẹp bày ở giữa bàn. Còn có mấy đĩa hột dưa, mấy đĩa bánh bò, bánh bông lan, bánh kếp. Bọn tôi, vừa bước qua thời con nít, nhưng lại chưa đủ cứng chạch để dự tiệc cưới chính thức nên được giành cho một buổi tối xí xốn, cắn hột dưa, mời nhau miếng mặn nhỏ xíu, then thùng hỏi, “Bạn tên gì *lận*?”. Tụi con trai thì chỉ một bài, “Bạn ở đâu *lận*”, sao tui thấy bạn quen quá *hà*”. Sau đó, để nuốt cục mắc cỡ vào bụng, cả bọn uống... nước ngọt, uống đến môi đỏ rực lên (do nước rẻ tiền, nhiều phẩm màu, chứ lúc đó làm gì có pepsi, hay coca cola), sau đó nhà bếp sẽ mang cháo khuya ra. Và bọn tôi ra về, lao xao dài theo xóm, lẫn trong tiếng chó sủa vang là tiếng đàn ca vẳng từ đám cưới. Bài “ *Tình anh bán chiếu* ” liêu xiêu dằng dặc theo gió làm xốn xang những đứa trẻ mười tám tuổi, cái ngày mình lấy chồng, có ai đến hát bài này để nuôi tiếc một cuộc tình thầm lặng không?

Trong ký ức tôi, cái gã mang tên “đãi bạn” là hiện thân của những bồi hồi. Từ nhận thiệp mời, là chọn rộn lo không biết hôm đó mình... mặc bộ đồ gì, tặng bạn món quà gì. Mà những món quà xưa đó nhớ lại buồn cười không chịu nổi, bức tranh sơn mài nhỏ đôi uyên ương đậu nhánh mai, quyển album hình, hay có khi là cái... đồng hồ treo tường rẻ tiền, nhiều tới mức đôi vợ chồng son chẳng biết làm gì với chúng. Quà vợ vẫn, cho một buổi tiệc vợ vẫn nhưng là tất cả sự xao động. Nên buổi tối trước cưới cả ngọn gió cũng xốn xang. Man mác. Bâng quơ. Phải rất dịu dàng mới bắt được một cái nhìn buồn, mới thấu nỗi lòng gởi vào tiếng ca, mới nhận ra người đang ngổn ngang với chính mình. Ai đó sắp từ giã những ngày rong chơi, ai đó sắp xa mãi mối tình cam, ai đó vợ vẫn tự hỏi bao giờ thì đến lượt mình mang thiệp mời đi khắp xóm. Và ai đó ngồi nhìn người đang da diết hát bài chia biệt, chỉ cần người ấy ngoái nhìn lại phía sau lưng, sẽ gặp một ánh mắt thật buồn.

Nhưng người đó không quay lưng lại. Và nhỏ bạn tôi đòi uống rượu. Đó là cái ký ức rõ ràng nhất của những đêm đãi bạn, tất nhiên, cũng phải kể thêm lần đầu chạm tay *ai* ở lối rẽ vào nhà. Lãng mạn, thơ mộng đã man.

Cho nên bây giờ tôi chỉ biết ngồi... cắn hột dưa để nhớ về “gã” mà tôi yêu hôm xưa. Tối nay,

“gã” ngồi uống bia trong lúc vài ca sỹ của dàn nhạc thuê về ca mấy bài tình éo uột mà mặt trơ trơ. Mưa tạnh lâu rồi. Tôi định về. Nhưng thằng bạn học cứ rủ ở lại thêm chút nữa, chút nữa, chút nữa thôi. Nó vốn thích em tôi, giờ không biết còn không, nhưng coi bộ nó say, nên đòi hát. Và lần đầu tiên kể từ khi biết nhau, một thằng kỹ sư cơ khí khô khan, héo hắt với cặp kính cận dày như đít chai, tôi mới nghe bạn hát. Dở ẹt. Vì ghen ngào, *“Tôi đưa em sang sông. Chiều xưa mưa rơi âm thầm...”*.

Trời ơi, hình như cái “gã” mang tên “Đãi Bạ” vẫn còn là cái “gã” mơ mộng, man mác, dù thời gian đã làm “gã” thay đổi, sang trọng, bệ vệ, xa cách hơn. Nhưng mãi mãi, “gã” vẫn làm người ta bồi hồi, xao xuyến, vẫn mang ý nghĩa của một đêm đưa tiễn, người tiễn người, người tiễn mình, ta tiễn ta... Muộn rồi, nhưng có còn dịp nào nữa để hát *“ Người ta đã có đôi rồi, chiều chẵn đầu ăm bằng người tình chung...?”*

Tôi ngồi liếm đôi môi rát, mai mình sẽ chảy máu cam. Nhưng trong cái tiệc đãi bạn tối này, có người chảy máu trong lòng nữa kia.

Mùa bông cháy

Tôi dừng xe dưới hàng trăm bông vàng tam trổ cái nắng rừng rực trên đầu. Uốn dẻo thân người đang cứng đờ như manocanh vì ngồi xe máy suốt mấy giờ đồng hồ, rồi ngẩn ngơ nhìn khoảng sân tràn ngập bông giấy bên kia sông. Hoa đỏ như cháy.

Hạn đang chếch cuối mùa. Đi dọc theo những con đường xóm quăng này thường ấn tượng những giàn bông giấy cứ rực lên dưới nắng. Có cây nở bung như pháo hoa, không còn một chiếc lá nào, chỉ cành cong bông trấu. Có cây bông lấp mắt cành. Gặp bông trắng cảm giác như dịu nắng, gặp bông đỏ tưởng đầu lửa của bông loang sức nóng ra trời.

Những xóm làng nằm theo con lộ làng mê mỗi thiu thiu giấc ban trưa. Bên đường thưa vắng người. Lâu lắm mới thấy vài bà cụ già vừa nhai trầu vừa phe phẩy nón trước hàng ba. Vài con chó nằm ườn ra thềm lưới thỏ dốc. Nhiều con mường cạn trơ lòng, chơ vơ cái cầu ao thành ra không thấy con nít tắm trường. Cũng chỉ gặp năm ba đứa chạy chơi vào cái ban trưa thoi trổ ngủ. Cỏ cây tàn tạ, lớp cháy sém, rui ngọn, lớp còi cọc. Chỉ những cây phượng, cây bò cạp nước, râm bụt và đặc biệt là cây bông giấy bắt chắp cái hạn dài khắc nghiệt, tuôn đổ hoa ra biển nắng. Những loài cây hơi giống nhau, khi hoa bắt đầu bung nở đến kín cành thì lá thưa vắng hẳn.

Thứ bông giấy này chịu nắng giỏi nhứt hạng, đất nào cũng chịu, tưới càng ít nước, càng cần cỗi càng chịu trổ bông. Người bán quán nước xập xệ bên đường khoe vậy, khi tôi sầm soi cây bông giấy già bên rào. Chị nói trồng nó từ hồi mới về nhà chồng, giờ thằng con đầu đã mười hai tuổi. Chồng chị mấy bữa rày đi tiếp chữa cháy rừng bên lâm trường. Mà bình thường anh cũng vắng nhà đi làm mướn suốt. “Đang mùa giáp hạt mà, làm có vài công đất thì xài đâu vô đâu. Có năm chưa hạn là chạy gạo rồi, nên giờ ‘ai có móng nấy bươi’...” Nghe giọng chị không phải người miền này, chị nói “Bà già ằm tôi ngoài Quảng dạt vô, lúc đó tôi nhỏ quá nên quên trần ai cơ cực ở xứ đó rồi. Nên nhiều khi thấy khổ quá tôi than là bị bà già cắn nhằn, nói, khổ cùng khổ tận như tao mà sống được tới giờ...”.

Ly mủ gòn chi làm đúng điệu miền Tây, trong khi nước đá đầy ứ tới miệng ly thì đường cũng ngọt lừ dưới đáy, lẫn trong hương dầu chuối có mùi đậu phộng rang. Nước mát đến nổi chạy tới đâu hay tới đó. Ban nãy khi tiễn tôi ra khỏi cái quán tuềnh toàng của chị, người phụ nữ khum tay che nắng chói, nói thấy mây dùn ở chân trời đen kịt thấy ham quá, không biết chừng nào ông trời mới chịu nhỏ hột xuống cho nhờ...

Nhưng cũng ngó về chân mây xám đó, một anh bán kem vừa trờ tới đụt nắng chung với tôi dưới hàng trăm bông vàng, đã thở hắt lo âu. “Sắp tới mùa mưa rồi, kiếm miếng ăn vất vả cho mà coi. Mấy thành mưa là cái đường xóm này sẽ thành bùn sình lầy lội, đi bộ còn vất vả nói chi lái dất xe kem”, anh bán kem than. Áo anh ướt rượt mồ hôi, văng ra một mùi vừa mặn vừa chua khẳm. Chiếc xe đạp đeo theo thùng kem cũ mềm đang dựa vào một gốc cây và nó vẫn văng ra một điệu nhạc quen nhàu nhĩ. Bộ dạng anh bán kem lồm khồm như một ông Chà Và ngồi thổi sáo dụ rắn ra khỏi hang nhưng tiếng sáo vừa khàn vừa hụt hơi nên rắn không ra múa. Bớt liên tưởng và vắn vẻ đi là bầy con nít không bu theo anh như hồi xưa tôi từng sợ run sợ rẩy khi người bán cà rem lắc cái chuông leng keng từ đằng xa. Trẻ con giờ có nhiều đồ ăn ngon hơn món kem làm bằng đường và hương liệu công nghiệp rẻ tiền. Hoặc tui nó cũng thèm kem lắm nhưng nhà chúng như những xóm nghèo khác đang ở mùa giáp hạt. Mùa chạy gạo.

Mùa hoa cháy. Anh bán kem cũng ưa bông giấy, nhân tiện ngó về chân trời mây đen đang dùn ngọn, thấy hoa chói chang bên sông. Anh nói nắng tới nỗi người ta còn héo ngắc ngoài mà bông giấy trổ thấy ham, thấy cánh mỏng dính vậy mà chịu trận mạnh dạn thiệt. Ở thì cái phen người của chúng ta cũng mỏng manh vậy, mà ham sống thôi là ham, tôi nghĩ bụng. Lúc chuẩn

bị chở bài hát cà rem đi tiếp, bỗng anh khoe, “Lay lắt vậy mà thằng nhỏ tôi sắp qua được năm nhứt đại học Cần Thơ rồi đó cô...”.

Tôi thấy thật sững sờ khi so sánh người đàn ông đen đúa khô khòng này với cái cây bông giấy đang cháy hết mình như lửa, ở bên sông. Nhưng tôi vẫn không thể không liên tưởng vậy. Trong mắt tôi lúc này chỉ có anh bán kem hối hả đi về phía mây đen và cây bông giấy đỏ.

Không biết hạn năm sau tôi có được gặp anh đụt nắng dưới hàng cây này để khoe thằng con đã sắp hết năm hai, hiển nhiên như gặp lại những vầng bông cháy.

Của nước và gió

Tôi từ già căn nhà cũ đứng mùa nước rong. Chị tôi nói, may, nếu còn ở lại lội nước mệt xỉu. Con sông sau nhà bắt đầu đầy khi gió chướng gió Nam hui hút giành ngọn. Sóng vỗ ì oạp vào sàn nhà mỗi khi có chiếc tàu nhỏ chạy qua. Một bữa ngồi viết ba cái lẵng nhăng, thông chân xuống định đứng lên vắn vẹo người cho đỡ mỏi thì chum, chân dầm trong nước. Sông đã lẵng lẽ dờ dờ vô hơn nửa... nhà. Mặc cười, tôi nhắn tin cho người bạn ở xa, “nước sông dâng tới chỗ tui ngồi viết”. Không hiểu sao tôi nghĩ tin nhắn của mình sẽ làm anh bạn chạy tới tủ sách lôi những cuốn của nhà văn Đoàn Giỏi, Sơn Nam, Nguyễn Quang Sáng... ra đọc lại, cho đỡ thèm, đỡ nhớ phương Nam.

Tôi không nhớ trong những cuốn sách đó có bao nhiêu trang, bao nhiêu câu chuyện liên quan đến con nước rong. Dường như là không có câu văn nào về dòng sông sau nhà tôi. Chảy qua thành phố với cái tên Tắc Thủ, dòng sông nhỏ bị che khuất bởi những dãy nhà ken dày hai bên bờ, và cứ vậy, nó chảy thăm suốt một mùa mưa. Người ta sống trên nó, rửa chân và vất rác lên nó nhưng quên lẵng nó. Và một buổi sáng mở cửa sau, sông bỗng tràn đầy trong mắt.

Sự trở lại lẫm liệt và rục rĩ tới mức người ta phải kêu lên, *trời đất ơi, nước rong*. Nước tràn trên những con đường trong thành phố. Tôi lâu không ngược nhìn trắng bỗng gặp trắng sóng sánh dưới chân mình. Chị tôi kê tủ giày, thùng gạo, mấy vật dụng bằng sắt lên cao, sóng đánh vói theo. Hết rằm, con nước tự bò ra khỏi nhà, nhưng vẫn đầy lấp ló. Tôi quét nhà, trong mấy hốc kẹt còn sót lại nhiều rác rưởi, cùng những trái mắm, trái đước lên mắm. Tôi thả chúng vào sông, hơi lo, vói mớ rế đã khô se, chúng có đủ sức sống để mọc lên ở một bãi bùn xa xôi nào. Và trên những con sông gần biển, lũ cá dứa chắc không còn nhiều nữa, nên những trái mắm mới trôi dạt đến nơi này.

Phần lớn những con sông của Cà Mau không có lục bình. Chúng chỉ mang những trái mắm, hay đước, vẹt, bẹ dừa nước, lưỡi mèo phèn... trong lòng nước ngẫu đục phù sa của mình. Những lúc thôi nhìn chữ nghĩa, ra ngó sông, thấy trái dừa chuột khoét lưng lửng trôi ngang qua, tôi vui như gặp bạn cũ. Nước càng đầy thì cuộc trôi dạt càng đông đúc, là những trái mắm như trái tim sắp vỡ ra từng lớp, là cái bắp chuối đỏ, là những bông tra vàng, trái quao cong... Cái đầu mơ mộng của tôi nghĩ tụi nó đang nói với nhau, *nước rong tính ra chợ sống, nhưng kiếm không ra cục sinh cấm rế, thôi về*. Chúng không dừng lại. Cuộc diễu hành của sự sống đồng bãi như vô tận, như không bao giờ chấm dứt.

Và không có gì ngăn chặn được những cuộc trôi đi khi mà gió chướng càng thổi sâu vào mùa, nước càng đầy. Sông vào những ngôi nhà ven sông đòi lại đôi bờ đã bị con người xâm chiếm. Rác của con người vất xuống, sông thản nhiên trả lại cho người. Nhưng trong sông vẫn còn sự tử tế, thay vì dâng lên nhà người cái dòng chảy ô nhiễm đen ngòm, sông liếm láp đôi chân tôi bằng thứ nước lợn cợn phù sa.

Nhưng vào cái mùa sông đẹp nhất, tôi chuyển nhà đi. Giờ thì mở cửa sau không còn mênh mông nước, dù tối ra đường vẫn xẻ trắng dưới bánh xe lăn. Tôi nhìn gió. Gió trong suốt vô hình. Nhưng có thể nhìn thấy chúng trên bãi lau sậy bát ngát sau nhà. Sậy đang mùa bạc đầu, tôi vẫn thường cầm trái ổi ngồi nhai chèm chẹp trong khi bông sậy già bị gió thổi bay lả tả chung quanh. Bông sậy li ti, phải nhìn qua tia nắng xiên mới thấy chúng bông bành, nhẹ nhõm, chênh chao giữa không trung. Ngồi nhìn cái chậu rửa chén văng bông sậy trên mặt, thấy bình an đến nỗi không dám nhúng tay vào.

Chỗ bãi sậy người ta định xây trường mẫu giáo. Nhưng trẻ con chưa thấy đã thấy hoa cỏ mọc đầy. Gió chướng được một chỗ chạy chơi, với tất cả sự hoang dã và mơ mộng của mình. Ở đâu đó, các con sông đang trình diễn cuộc nổi trôi thì gió cũng trình diễn cơn phiêu bạt. Mang trong mình sự cảm dỗ mang mùi đất, gió thổi làm bông sậy lay lắt, bông tràm chút bay chút đậu, và những hạt cỏ đã khô se trên ngọn cũng lặn đi. Không biết chúng sẽ theo gió tới tận đâu,

tôi bỏ chữ một bên ra nhìn, và lại hỏi thăm.

Nhưng để được trọn vẹn lời đáp những hoa cỏ đã đậu lại ở đâu, đã chết khô hay nảy mầm sống mãnh liệt, chỉ có gió chướng mới biết. Tôi chỉ có một phần của câu trả lời khi mưa xuống trên bãi cỏ hoang. Lau sậy đã loang ra xa. Có vài cây lúc mọc sát bờ rào, và một bữa nào tôi đi công tác về, chợt nhìn giữa xanh cỏ dại là tím biếc của hoa mua.

Nhìn hoa, bỗng nhớ lại mùa trôi giạt trên dòng sông cũ. Những trái mắt héo queo ở góc nhà khi về với đồng bãi, biết đâu đã sống đàng hoàng, xanh lá.

Tôi lại nhắn tin cho người bạn xa mấy câu thơ của nhà thơ Đinh Trầm Ca “ *Bèo bữa trước vì sông mà trôi giạt. Chợ chở hoa về rợp bóng quê nhà. Thì sá gì cuộc nổi trôi ta* ”. Bạn nói, bao giờ gió chướng thì cho hay, bạn về.

Thì đây, bây giờ đây. Mùa của cuộc rong chơi. Mùa đi.

Những cây gòn lạc

Cả bọn len lỏi tìm một chỗ ngồi trong khuôn viên quán nhậu eo sèo. Chiều xuống rồi mà cả người nhể nhại mồ hôi. Đã vậy, các cô tiếp viên mặt đẹp mà quau đeo. Bạn khoát tay, “Chịu cực một chút, ở đây chim sẻ nướng muối ớt ngon dã man. Đi nhậu chớ có phải làm thơ đâu mà tìm chỗ đẹp”. Lâu lắm mới gặp nó, nhưng chẳng thể trò chuyện, chung quanh ồn đến mức chỉ có thể ngó nhau cười cười gật gật, cuối cùng (hay bắt đầu?) là cụng ly.

Và trong cái không gian bừa bộn, nhộn nhạo đó, những cây gòn lạc lỏng đứng bên rào, chỗ góc sân. Gòn tháng Ba, nhiều trái đã khô, và vài trái khô nứt mình lộ ra chùm bông trắng muốt. Bần ta ngồi, bông gòn rơi xuống. Đó là lúc ta thấy mình sắp chết đến nơi, thấy mình đuối như một câu văn dài ngoằng không biết bao giờ mới ngắt dòng bao giờ dừng lại, và nhúm bông gòn lìa cây đậu phọt trên tay ta, như một hơi thở khê khàng, như lời chào dè dặt, như một dấu chấm câu. Hụt chết. Mừng quá, buột miệng kêu, trời, bông gòn, thằng bạn hưởng ứng, “Hả? Ờ, dzô cái cho xôm đi”.

Ta chỉ lên đầu, gòn kia. Bạn cũng ngược lên trời, nhìn mãi theo tay ta thì chỉ thấy những trái gòn lủng lẳng trên cành, nhìn mãi thì cũng không hiểu sao con bạn nó lại xúc động vì những cái cây. Bạn cười hơ hơ, cây gì mà vô duyên quá trời, chỉ toàn trái, không hoa lá, trụi lủi, trụi trơ. Ta nhớ ngày xưa, ta cũng nói với má câu này, má cười nói, cây gòn phải hy sinh để dồn sức nuôi trái gòn lớn đàng hoàng chớ. So dũa cũng vậy, trái càng lớn lá càng thừa. Ta còn nhỏ, không hiểu rằng cây cũng giống hệt cái cách má vì con của má...

Ta bây giờ chẳng lớn bao nhiêu, chẳng khôn nhiều nhưng ngó những cây gòn cuối hạn bỗng thương. Bỗng buồn, khi chúng đứng chơi vui giữa đám khói bốc lên từ những con chim sẻ nướng. Bỗng nhớ những cây gòn nơi xóm cũ. Không ai trồng, nhưng những cây gòn mọc dài theo bờ kinh xáng, gòn chen chúc làm thành hàng rào trước nhà, gòn chênh vênh trên liếp. Dứt mưa, gòn dãi đám trẻ nghèo những trái gòn non, giữa lúc chúng thả diều, giữa lúc đá banh, giữa lúc nghe ruột cồn cào nhưng còn tiếc cuộc chơi, giữa những xế trưa trốn ngủ lén ra vườn chơi nhà chòi. Tháng Ba, trong nắng “trời ơi”, (bởi không kêu trời thì không biết ta thán với ai cái nắng vàng sẫm, nóng rực, như đổ lửa, như đúc thành khối. Trời đứng trăn, gió đứng trăn, cây cỏ đứng trăn, đi mãi mà không gặp con nít chơi ngoài sân. Lú đầu ra khỏi nhà phải buột miệng: Nắng! Trời ơi!), mọi thứ cố trốn tránh, im lặng để chờ mùa mưa tới, thì những trái gòn trơ trọi giữa trời nứt ra rồi tách vỏ hần, vỏ cũng rơi xuống đất, cây chỉ còn treo những chùm bông trắng tinh. Đám trẻ lấy bao hái những cục tuyết lủng lơ giữa trời đó về cho má dồn vào gối mới.

Đó là món quà duy nhất mà cây gòn tặng cho người, cho giấc ngủ của người. Lá ăn chẳng ra gì, hoa cũng không ấn tượng, trái non thì có thể ăn tạm, nhưng vì nghèo, thiếu thốn trẻ con mới ăn. Thân cây xốp, bở nên không ai thèm xẻ ván đóng tủ, giường, thậm chí bắc cầu qua mương, hay làm củi chụm cũng tệ. Nhưng mỗi cuối mùa nắng, gòn lại chứng tỏ mình không sống cuộc đời vô duyên, vô ích. Có lẽ vì vậy mà những cây gòn, dù không ai trồng tỉa vẫn được sống trên khắp đất quê.

Và trong ký ức không thể chỉnh sửa của những đứa trẻ ngày đó, gòn chỉ đứng nơi bờ kinh, bờ ruộng, bên khẩu đìa, bên những cây quao, cây trâm bầu... nên thấy gòn giữa thành phố, giữa cái quán nhậu chật chội bức bối hơi người, có kẻ kêu lên, “Trời, sao mấy cây gòn lại lạc ở đây”. Nửa mừng, vì cái cảm giác như bạn thời thơ ấu, bạn thời ghé chóc mọc trên đầu từ quê cũ lặn lội ra thăm. Nửa buồn, như thấy chính mình cố bươn vào đám đông, chen chúc để chờ đèn xanh, như thấy đám rau càng cua mọc bên thềm chợ, như nghe con đế gáy trên vỉa hè, tự hỏi, giạt mình, cảm giác chúng và ta thuộc về một nơi nào xa xôi lắm, sao tụi nó ở đây? Mà, sao ta lại ở đây?

Sao những cây gòn lại ở đây, để ngày ngày chúng kiến ban cũ của mình - những con chim sẻ - bị nướng vàng nằm phoir trên đĩa, bị ngốn ngấu trong miệng của con người - nhiều người trong họ cũng là bạn cũ. Sao gòn không về bờ kinh, liếp chuối, về cái nơi còn những người nghèo chờ

tháng Ba về hái bông gòn để chăm chút nâng niu giấc ngủ cho người thân? Sao những cây gòn lại đứng đây, treo chùm trái trên cao, như những dấu chấm than buông lửng bên trời, buốt nhúc.

Những cây gòn đi lạc? Hay chính đứa trẻ xưa đã lạc?

Tình khúc Ba mươi

Năm nào cũng vậy, do thức dậy sớm đi chợ sớm, nên má là người đầu tiên mở ngày Ba mươi Tết ra. Không biết có phải số má cực, vía má cực không mà hôm đó cả nhà đều phải làm công chuyện tối mắt tối mũi. Đến nỗi, nhắc tới Tết là thấy chữ “Ba mươi” chình ịch, choán chát cả ký ức.

Đó là cái ngày duy nhất trong năm cả nhà sum họp mà không sum họp. Ai nấy túi bụi với chuyện của mình. Cánh đàn ông con trai lãnh phần dọn dẹp, lau chùi, làm đẹp nhà. Nào là quét mạng nhện trên trần, lau cửa kính, tủ bàn, kỳ cọ mấy cái lư đồng, đem phơi nắng. Một phờ. Lúc dọn dẹp, bày biện bàn thờ thì mùi chiên xào dưới bếp bay lên, trời, lại phải bỏ ngang công việc đang làm dở, chuẩn bị mâm bàn cúng rước ông bà. Xế chiều rồi, chớ giỡn...

Cúng kiếng xong, cánh đàn ông tiếp tục chuyển sang đánh trận ngoài sân, còn má vẫn hì hụi trong bếp, vừa trông chừng nồi thịt kho, vừa làm thịt nguội. Sau lưng má, củ cải với dưa leo đang chờ tới phiên mình trở thành món dưa chua. Tết của má dài thăm thẳm, phải kể từ hôm tát đĩa bắt cá làm mắm, xẻ khô. Cá còn phơi trên mấy hàng bông búp má bắt tay vào làm củ kiệu. Hồi chị còn nhỏ, má lãnh luôn phần làm mứt, nướng bánh kẹp, bánh bông lan. Chị lớn, chị giành lấy, nói để chị làm, nên cả ngày Ba mươi tụi nhỏ không thấy chị liếc, chị rầy, bởi chị cũng cầm đầu làm mứt, nào là mứt chùm ruột, mứt gừng, không biết ai ăn cho hết mà ôm đồm, vừa ngào chảo mứt dừa vừa chạy ra coi mớ mứt tắc (quất) phơi ngoài sân không biết có kiến bò lên không. Cái dáng chị khum khum, tay đấm lia lịa vào lưng, than mỗi quả nhưng vẻ mặt thì tươi rói, ngây ngất. Giống hệt cả nhà, miệng kêu cực mà hớn hỏ, như thể ngày cuối năm này không có việc gì làm mới là niềm đau khổ lớn.

Tụi con nít cũng bận lắm, chạy đi chạy lại, “Lấy dùm ba cây bàn chải”, “Chặt dùm má mấy trái dừa”, “Ê, coi chừng mấy con chó chạy giỡn làm đổ mớ mứt đang phơi...”, “Chạy đi mua cho má mấy bịch muối, cho đầy hủ, nhỏ ơ”. Trên đường chạy đầu này đầu nọ, tụi con nít không quên thò đầu vô tủ vuốt ve mấy bộ đồ mới, ứa nước miếng, trông mau tới chiều để mặc, nên có khi má kêu hai ba lần mới chịu đi làm, bịu xịu càu nhàu trong bụng, không biết ông trời sinh ra Ba mươi Tết làm chi, công chuyện quá trời.

Mà, việc nào cũng quan trọng, quan trọng khủng khiếp, không thể để đến ngày mai. Tuyệt nhiên, chẳng ai chần chừ, “để làm sau”. Cứ như là không còn ngày mai nữa, cả nhà làm cho bằng hết việc, đến xanh mắt, mướt mồ hôi, như ai đó đuổi đằng sau, như làm bây giờ để mai một không động tay vào bất cứ việc gì nữa.

Tụi con nít buồn cười, vì cứ kiếng lắm thì chỉ thành thơi được ngày mừng Một, bữa sau ba má cũng ra vườn tưới rau, chị nhất định phải rửa chén, giặt đồ, anh đến cơ quan, mọi người trở lại với công việc thường ngày của mình, mắc chi mà làm muốn nín thở?

Tụi nhỏ không biết, thật sự của Tết là bữa Ba mươi này. Khi tụi nhỏ mặc bộ đồ mới đi khoe dài dái xóm, khi ba và anh tắm táp xong ra hàng ba ngơ ngẩn ngẩn hoa sáo nhái đốt lửa vàng run rẩy trước sân, khi má nhốt than trong những bếp lửa tàn, khi chị đứng chải tóc trước gương, thì Tết đã chớm hết, mừng Một, mừng Hai là Tết phai; mừng Ba mừng Bốn Tết tàn.

Tụi nhỏ không biết, mãi về sau, khi lớn lên, trong ký ức Tết ấu thơ, những ngày mừng rất nhạt, đơn điệu, chỉ chơi và chơi. Nhưng bữa Ba mươi luôn sống động, lung linh những mồ hôi, những nụ cười, những khoan khoái, những ngọt ngào...

Xe miền Tây

Người ta mở một đường bay từ Sài Gòn về Cà Mau. Mỗi khi có dịp đi khỏi nhà, mình lại có thêm một lựa chọn hoặc nín thở chờ đợi máy bay vượt dặm dài hoặc leo lên xe đò đi tít tắp; hoặc loay hoay ngồi chờ ấm chỗ đã vut đến nhà hoặc rì rọ tám giờ đồng hồ ê ẩm mông, đau nhừ lưng, chờ cả cổ. Và mình thường chọn cách thứ hai.

Mình gọi đó là “liệu pháp đường xa” mỗi khi cần phải chống sốc vì phải đi về giữa hai môi trường sống, hai thế giới khác biệt. Quả thật thần kinh mình hơi... mỏng. Nên hoang mang gửi lại ngã ba Trung Lương. Đãi bôi bỏ bên cầu Mỹ Thuận. Ấm lạnh người đời mình thả xuống bắc Cần Thơ. Hội hè miền man bỏ lại ở quán ăn bên đường, cùng với được mất đắng cay sau những ngày rời tổ. Có quá nhiều thứ phải bỏ lại, và mình cần có thời gian. Cũng may đường rất dài mà xe chạy thì chậm rãi, nhà cũng xa vừa vịn để mình trở lại là mình (hoặc gần giống mình).

Cũng có khi đi xa tới vùng đất nào đó rất xa, nhớ miền Tây quá lúc quay về mình dứt khoát leo xe đò. Vì ở đó có ít nhất ba thứ đặc miền Tây mà hầu như trên chuyến xe miền Tây nào cũng có: nhạc bolero (hoặc vọng cổ), dầu gió, và... người miền Tây (thí dụ như mình).

Thứ nào mình cũng chịu được, nhất là chịu được cả mùi dầu gió Kim, Nhị Thiên Đường, Trường Sơn... nồng nặc trên một chiếc xe kín mít rù rì máy lạnh. Người miền khác ưa không vô. Có lần ngồi cạnh một anh cứ phe phẩy tay trước mũi chề hôi, mình muốn... nhéo anh ta bầm dập để anh thuộc cho rành cái câu nhập gia tùy tục. Thừa anh xứ này người ta bôi dầu gió lên mũi cho ấm, chà xát lên lưng trừ cảm cúm thông thường, uống cả dầu gió những khi đau bụng, hôi gì mà hôi. Tôi đây nè, mới chui ra khỏi bụng mẹ đã được tắm dầu khuynh diệp, chưa đầy tuổi đã ngủ cùng bà ngoại, nghiện mùi cốt trẩu, dầu gió đến nỗi không ngủ được lúc bà đi đâu vắng.

Mình không quen chủ doanh nghiệp nào bán dầu gió để hỏi coi miền Tây hoang dại này mua của anh (chị) nhiều bao nhiêu, nhưng rõ ràng là miền Tây vẫn còn ăn dầu gió thờ dầu gió. Ngồi xe đò thì thấy rõ, có nhiều thím bị say xe cứ như tưới tắm bằng dầu. Mình vài ba năm trước cũng hay say, trước khi đi chuẩn bị nào gừng nào củ sắn nào dầu gió xanh... trước khi lên xe còn lượm cục đá bỏ vô giỏ. Nghĩa là vài ba năm trước mình còn... hôi, theo như cách nghĩ của anh bạn đường đến từ xứ khác, xa xôi.

Dù vậy, mình cũng thòm thèm xoắn áo động tay, vì chề bai dầu gió chán anh lại than vãn mấy cái bài bolero đang ca trong xe vắng vắng. Bài “*Gió thổi bên sông*” quận lòng là vậy mà anh ta phì cười đã thấy giân rồi, chuyển qua “*Đôi thôn hai mộ*”, “*Chuyến đò không em*” cảm động gần chết, mà anh nhăn nhó vậy có phải khó coi, ứa gan không? Nếu vậy thì “Anh tài xế ời, có nhạc nào mùi hơn nữa thì mở lớn lớn nghe chơi. Hương Lan, Thanh Thúy hay Cẩm Ly... cũng được”, mình chọc tức anh chơi mà cả xe nhao nhao góp lời, “Ừa, được đó”.

Thôi anh chịu khó, xe đò miền Tây nó vậy, bolero cũng như dầu gió, không có sao thành... miền Tây. Nếu anh đừng nôn nóng, đừng phủi như phủi bụi ngay từ đầu, anh sẽ thấy trong mỗi bài ca có một vài câu được lắm, ngọc nằm trong đá chớ đâu. Đây Phố đêm “*đèn mờ giăng giăng/ Màu trắng như vì sao gối đầu ngủ yên...*”; đây Đường xưa lối cũ “*có em tôi tóc xanh bay mơ màng/ Đường chiều dịu nắng, bóng em đi áo nâu in đường trăng*”; đây Dòng đời “*ngược xuôi bèo mây tan tác ...*”; đây Thói đời “*cười ra nước mắt khi trắng tay gọi tên bằng hữu, giờ giàu sang quên kẻ thâm giao ...*”.

Mình thiệt tình không dám chắc là chúng hay, nhưng biết đâu anh bạn cũng có mỗi tình dở dang như vậy, từng buồn như vậy, từng than thở như vậy, rằng “*nếu không dang dở làm sao trọn đời nhớ em...*”. Năm ba bữa nữa anh còn ở lại miền Tây là còn gặp bolero dài dài, ở quán ăn, chiếu nhậu, ở những chiếc xe bán nước giải khát rong ngoài đường. Nếu may (tôi nhấn mạnh là may), anh sẽ nhận ra vẻ đẹp của bolero vào một chiều tắt ngòi bên dòng sông mênh mang, ngó lục bình trôi dưới trời mưa mỏng; hay một buổi trưa hoang hoải ngó những cây

thốt nốt trầm ngâm, kiêu hãnh cô độc đứng trên đồng; hay chút nữa đây xe sẽ trôi vào đêm tối, khung cảnh ngoài kia chìm trong mù mịt, anh nghe Cuộc kêu bên trời “ *ta gổi lá ngấm trắng lên, hoa bần rơi trắng đôi bờ kinh...* ”, biết đâu anh không còn bấu môi chê nhạc gì mà sến chảy nước, tới bán bia ôm, đi xe đồ cũng viết thành bài hát nữa là sao? Nhưng không bolero thì lấy đâu ra những bài hát cho những người thân phận mỏng, anh?

Mình thu năm đấm (tưởng tượng) lại, thôi kệ anh cứ ghét đi, ghét cũng là nhớ, nhiều khi còn nhớ hơn thương, chớ giận. Cũng có thể anh đúng, biết đâu... Có thể mình giãy nảy lên vì mình ham miền Tây đến mù quáng mất rồi. Ví dụ như xe đồ miền Tây này đâu có gì hay, ngồi mòn mỏi mất thời gian, phải ngồi máy bay thì đã tới nhà từ lâu lắm, ngủ một giấc đã đời, bỗng trẻ con đi chơi. Nhưng mình vẫn chọn xe đồ, lý do gì thì mình đã kể ở đây, ở những trang viết khác. Mình thấy không có gì là phiền phức nếu chị nọ ngủ say cứ tựa đầu vào vai mình, hay cái cách rút chân lên ngồi chồm hồm trên ghế của anh kia. Hay cái ông ngồi đằng sau chuông điện thoại cứ gióng lên câu vọng cổ “ *Diệp ơ mai anh lên chốn thành đô nhà xe rục rở, xin đừng quên bến đò ngang con sông nhỏ...* ”, mà bao giờ chờ xuống xề ông mới chịu bắt máy trả lời. Kiểu nói chuyện điện thoại mình thường gặp trên xe, giọng oang oang, đầu thì gật lắc, tay xua xua, hấp háy mắt, như thể người bên đầu dây kia đang ngồi trước mặt.

Thôi thì chân chất, ừ thì quê mùa... miền Tây mà, vẫn hoang dã vẫn xa xôi. Đây không phải Sài Gòn, Hà Nội, đây là một thế giới khác rồi. Thế giới mà người ta vẫn còn mua bắp luộc, bánh mì ở bến xe đem về xứ làm quà, trẻ con vẫn reo mừng tổ mả. Xe ghé quán ăn dọc đường, nhiều người ngồi chồm hồm chờ ngoài sân không dám ghé mông ngồi vào ghế, sợ thức ăn đất đỏ. Đi qua quầy trái cây mình thấy có người đứng đằng xa ngó, tay nắn hai túi áo bà ba mỏng, trên miệng túi cài cái kim tây. Có lần mình ngồi cạnh một bà già, cứ ngồi lặn lấy mấy hạt lúa từ trong nẹp áo, cắn lóc cóc.

Những người miền Tây quần queo lam lũ thật thà này, bolero này, dầu gió này mình không bao giờ gặp trên những chuyến bay. Lý do có vẻ ngớ ngẩn, nên thấy mình ham xe đồ có bạn bè cười, mình chống chế bằng một câu danh ngôn nổi tiếng, những gì thuộc về con người thì không xa lạ với tôi. Nhưng trong bụng nghĩ, thôi bà sến thì nói đại là sến cho rồi, có sao đâu...

Mua vài đồng nhớ

Có đôi khi mất nửa giờ để đi xuyên qua cái thềm chợ chỉ rộng chừng ba mét, tôi tự hỏi, cái gì đã níu bước chân mình? Mớ rổ nan xếp hàng, mấy chú gà con mới thay áo lá bòn chồn vỗ đôi cánh trụi, hay vì cảnh đôi vợ chồng tóc bạc bẻ gói xôi thành hai nửa để chia nhau. Hay tất cả những hình ảnh đó đã khiến tôi nửa bước nửa dừng?!

Một tháng vài ba lần, đôi vợ chồng già bán rổ lại tới cái chợ nhỏ bên đường. Ông mắt sâu, cao lồng không, tay chân xương xẩu nhỏ ra bén ngót, lúc cười thấy còn lơ phơ hai cái răng. Bà già nhỏ nhắn, mặt tròn mắt tròn, môi đỏ, miệng nhai trầu móm xom. Những cái rổ úp thành hàng như những dấu ba chấm lẻ loi giữa cái trang giấy chợ đời nhốn nháo những dấu câu gấp rĩ. Đôi lúc, có cái rổ ngửa ra, nạm nịu trong đó là mấy trái bình bát, lêkima chín vàng, vài chùm dâu... cuống còn dính dập nhựa, như thể khi ông gánh mớ rổ trên vai, bà đi đằng sau tiện tay thấy gì hái nấy, cứ vậy mang ra chợ.

Nhìn những món hàng con con, tôi hình dung được mảnh vườn xa xôi đó. Những bụi tre bụi trúc, bình bát mọc theo mép đìa, vài cây vú sữa, vài cây lêkima, vài cây dâu... Và chúng đều đã già, hay đất già mà kiệt trái, nhỏ teo. Có bầy gà, bầy vịt túc tắc chạy chơi giữa những rau cỏ dại. Rau đắng đất, rau má mọc cạnh mấy dây bí. Đôi vợ chồng già mang mảnh vườn bày ra nơi thềm chợ. Người đã từng ở quê đi qua ngậy ngô nhớ, người chẳng đan dít gì cũng đứng lại ngậm ngùi. Ở cái tuổi thất thập cổ lai hy rồi, mà họ còn vất vả mưu sinh, đôi bàn tay chai khô chỉ chít nhiều vết cắt. Cái rổ nan giá chỉ vài ngàn, thương quá mua về không biết dùng để làm gì, để dâu cho khỏi lạc lõng giữa những vật dụng hiện đại và hào nhoáng khác.

Ông bà già cũng vậy, ngồi ở chợ mà chỏng chơ, chực rơi khỏi chợ. Bởi hai mái đầu bạc trắng, bởi bộ đồ cũ kỹ quần queo, bởi những món hàng quê mùa lỗi thời mà họ mang tới từ cái rạch Ó Ó xa xôi... Lạ lùng, có vẻ hai người không thấy buồn vì điều đó. Ngồi bên nhau, ông bà tươi rói nói cười, có khi ngật nghẻo như trẻ con lên bảy lên mười. Mặt trời vói qua mái hiên quán hủ tiếu mì, ông già xích ra sau lưng bà già, che nắng. Củ khoai luộc luôn được bẻ làm hai nửa, rồi lại bẻ hai củ kế tiếp. Khách ghé qua, bà nói “Rổ này xài bền vô phượng”. Ông nói “Bả đương rổ tiếng tăm từ hồi con gái”. Bà lại nói “Ông nứt vành khéo, chắc chắn lắm”. Ông lại nói, “Bả vót nan đều trôn, đó, thím coi”...

Nồng ấm và âu yếm. Bà ngồi bên phải thì ông già sẽ hơi nghiêng vai về bên phải. Hôm bà lui hui bên trái vai ông lệch hẳn về trái. Cái kiểu ngồi làm tôi vừa mắc cười vừa cảm động. Không cố tình, nhưng lúc nào hai ông bà cũng làm tôi đi chậm, bởi cái ngón trỏ trên tay ông bà còn nguyên cuộn vải cũ sờn dùng để vót nan, như thể sớm nay họ đang ngồi đan rổ thì nghe tiếng tàu chạy, vậy là họ xỏ dép mau mau đùm túm đi; bởi mấy con vịt con lông vàng như rạ đứng trong rổ lao nhao rửa gạo nát trên đầu nhau; bởi mớ trái nhãn lồng chín cây này đã lâu ngày tôi mới nhìn thấy lại.

Và bởi hai ông bà nói năng duyên dáng, dùng nhiều chữ lạ. Ông nói, “Ngó người ta đi ăn xin lang thang lưới thười thấy thương”. Ông kể vụ mất trộm gà, “Nhà có con chó chậm chạp như bà già đi âm phủ, con chó này làm kiếng lâu quá rồi chắc phải làm gói thôi”. Bà già nói “Bữa nay đi lúc trời còn lu, sương nhiều hột ướt sượt cái đầu. Mấy nải chuối chín mùi rụng rún này ngọt mật phải biết. Bữa nay im trời dữ. Dì Hai buôn bán để ợt mà con, đâu có ke re cắc rắc từng đồng từng cắc. Hồi trẻ tui với ống thương nhau bén chết, giờ già rồi, nên mần cũng thùng thảng khê khọt thôi. Nhà mót dữ lắm cũng chỉ có hai mạng già, ăn lạp váp ba hột cơm cho rồi bữa...”.

Ngồi nghe ông bà già nói chuyện, suốt đường về nhà tôi cứ thấp thỏm sợ quên luôn thì tiếc. Lúc ghi lại vào sổ tay thấy từ ngữ bỗng trơ, thiếu mất vẻ đẹp, sự sống động như khi chúng phát

ra từ đôi môi héo móm, từ cái miệng phập phều chỉ có hai cái răng nằm xiêu lạc, và ánh mắt đã dần mờ đục nhưng vẫn hồn hậu hấp háy, hấp háy...

Những ngày đôi vợ chồng già không tới, qua thềm chợ tôi vẫn chậm, vì nhớ. Biền biệt một quãng ngày ngày, một sáng chỉ mình bà già quay lại, với gánh rổ nan toồng teng trên vai. Cái chợ chật chội nhưng rộng lòng nhón cho bà một khoảng trống nhỏ nhoi. Bà già chợ vợ ngồi đó, nắng rọi cái bóng lẻ thiệt buồn. Khách hỏi mua cái rổ, bà ngơ ngẩn, ờ ờ. Hỏi ông già đâu không thấy, bà ngơ ngẩn ờ ờ, bỗng dựng mắt kèm nhèm nước. Ngồi chợ không tha thiết bán mua, bà tới đây để nhớ người bạn đời đã về với đất rồi.

Nhưng sao khi đứng nhìn những buổi chợ tan ban trưa, khói nắng vẫn thường hiện lên trước mắt tôi một ảo ảnh, có ông già cao lổng khổng gánh mớ rổ ế đi trên đường, bà già nhỏ nhắn lúp xúp bên cạnh, tay cầm cái nón lá quạt mồ hôi cho chồng, như tát cạn vũng nắng đi.

Hiên trước nhà một bà già tốt bụng

Tôi định hôm nào về xóm Chệt, ghé lại nhà quen, uống một bụng nước mưa đã dòi, xong rồi nằm chò co chỗ bộ vạc đằng trước nhà ngủ một giấc thật sâu. Rồi nghĩ, chắc là không ngủ được, vì nhớ...

Tôi chắc dù đất xóm Chệt có thay đổi cỡ nào, tôi có già cóc thùng thiếc đi, mình vẫn nhận ra ngôi nhà ấy, ngôi nhà của một bà già hiền như bà nội, bà ngoại mình. Tôi không nhớ rõ khuôn mặt của bà, có thể mặt bà đầy những nếp nhăn, có thể lưng bà còng, có thể bà cũng nhai trầu bồm bồm như bao nhiêu bà má quê khác. Cái tôi mừng tượng rõ nhất là đằng trước nhà bà, chỗ sát hàng ba, lúc nào cũng có cái lu nước mưa với bộ vạc cau và hai cái đôn sứ hình con voi đã gãy mất vòi.

Hồi đó, lần nào đi học ngang tôi cũng ghé lại. Uống một gáo nước mát dạ lúc khát khô, ngồi nghĩ cho chân đỡ mỏi vì đường xa, đút mưa, trốn nắng. Đã bao nhiêu năm, bao nhiêu lượt người ghé lại, đám học trò nhỏ ngày xưa đã sắp bạc tóc dài râu, qua nhà lại nhớ bà, già mà thiết thính tai, nghe chúng tôi khóa gáo đã biết nước giựt tới đâu, mau mau hối con cháu châm đầy cho tụi nhỏ dễ múc. Cái nắp lu bằng sành bà sợ nặng, ngồi tỉ mẩn chăm lá để đây, nên nước trong lu mát lạnh tới tận óc, ngọt ngào, lại thơm thoang thoang mùi cà bắp của đám dừa nước ven sông. Cái gáo đen mịt cui đầu chống mông lên cây trúc cặm kể bên cũng thơm ngậy ngậy mùi gỗ đã ngâm nước lâu ngày.

Bộ vạc đằng trước đã thay nhiều xác cau. Có bữa ghé đút mưa đám học trò chúng tôi buồn tình ngồi vẽ trầu, vẽ sáo, ghi chi chít “con Út Cò Hương + Thăng Bàu = 2 Vợ chồng”... Vạc cũ dơ ra, bà biểu con gái đem chum củi hết rồi, từ bấy đến nay không biết con Út Cò Hương có lấy Thăng Bàu không nữa?

Nhà bà đã một lần bị bom, một lần bị bão, mấy đận cất mới, mấy lượt sửa sang, nhưng có thay đổi mấy bà vẫn nhắc con giữ nguyên cái lu với bộ vạc. Và một ngọn đèn, ừ, thêm một ngọn đèn chong...

Đèn chỉ tắt những đêm tốt trời, trăng sáng rồi thì cháy đỏ một tháng hai mươi mấy ngày. Hồi đó, đồn Chệt đóng kế bên nhà, hễ chạng vạng là đám lính thấy bà đem cái đèn (loại dùng để đặt đó) ra treo ngoài hàng ba. Họ theo tra hỏi hoài, “Làm ám hiệu gì cho Việt Cộng vậy bà già, hay là soi đèn cho tụi nó bắn tĩa tôi?”. Bà cười ung dung: “Ám hiệu ám hiếp gì đâu, tui treo đèn là để mấy đứa nhỏ đi đêm khỏi sợ”. Đèn nhỏ, ngọn lửa chỉ le lói đỏ nhưng lạ lùng, đêm càng tối đèn càng sáng lung linh. Cái vầng sáng đó hắt ra tới tận bờ lá, nhuộm hồng cả một khúc đường. Tối nào má tôi sai đi mua dầu hôi nước mắt ở quán chú Sồi, tôi cầm đầu chạy đến đây thì dừng lại thở, nhìn cái đèn với một lòng biết ơn mệnh mông. Tôi thắc mắc sao ai cũng cần ánh sáng mà lính đồn Chệt thì không?

Hàng ba nhà bà, không chỉ một mình tôi nhớ. Nhiều lắm những người khách bộ hành xuôi ngược. Người buôn ve chai lông vịt, người đi bán tranh thờ, bán chiếu... Những thợ gặt xuôi về xứ khi lúa hết mùa... Những người đàn bà tan buổi chợ trưa... Người ta nhớ hoài, thương hoài cái hàng ba thơm thảo đó.

Phải đợi lớn lên, tôi mới nhận ra, bà dành cho những người qua đường chúng tôi không chỉ lu nước mưa, cái vạc cau và cây đèn chong. Cái không gian nhỏ nhoi dưới mái hiên đó giống như tổ ấm của mỗi người với đầy đủ nhu cầu tối thiểu, có thức uống, có chỗ nghỉ ngơi, có ánh sáng... Phải đợi về sống nơi phố thị, tôi mới nhận ra, cứ bước chân ra khỏi nhà - công sự của mình (dù có khi chỉ để đi... nhậu) là lòng lại thấy chằng chằng, chơ vơ, không hiểu vì nỗi gì! Nhìn những hàng rào cao ngất, kín bưng bọc lấy những ngôi nhà ở hai bên đường, bỗng thêm được đi qua

xóm cũ, ghé tạt vào cái hàng ba quen thuộc, uống một ngụm nước mưa giữa mùa, ý trời, nó mát thì thôi đi chứ...

Có khi bỏ nón ở đâu không nhớ, bỏ tiền túi nào cũng không nhớ mà lại nhớ mấy chuyện cũ bên trời này, ngặt thiệt.

Ngơ ngác mùa dưa

Văn phòng của Ban quản lý khu quy hoạch nằm giữa xóm đê. Mỗi khi ông già nhìn về phía đó, đều bồn chồn, “Trời ơi, sao mình chạy đi đâu nó cũng rượt theo vậy cà”.

Đất nhà đã đô thị hóa, tro hốc cát bụi với bê tông (nghe đâu chỗ đó người ta sẽ làm sân tennis, uống quá, phải chi xây trường học, ông đỡ xót lòng). Ngặt gió chướng không thương nên đến hen lại rập rờn qua cửa. Ông chạy vào vạt đồng này thuê đất trồng dưa hấu. Năm đầu tiên, ông đột rạ lên, nghe khói trên đất - người - ta cay sè con mắt. Lặng xet, ông tự cười, hai vạt đồng chỉ cách một con mương rộng, có xa đâu, mắc gì mà buồn. Dù thế, tha thần trên đất quê người cảm giác cứ xót xa.

Năm nay, mảnh đất mà ông thuê cũng rục rịch quy hoạch. Người chủ đất ngậm ngùi, “Chắc là sau Tết tui giao giấy đỏ cho người ta, tìm phương kế khác làm ăn, ông cũng đừng có buồn...”. Hôm vác đá ra ruộng để lên giồng, ông thấy giật mình vì đồng vắng tanh, vắng ngắt. Cỏ mọc bít những lối mòn trên bờ ruộng, bông cỏ vượt lên đầu ngọn lúa xanh rờn. Người trong xóm không còn tâm trạng để chăm chút đất đai, họ bồn chồn chạy qua chạy lại nhìn nhau, bồn chồn nói cười, bồn chồn ngó những ô xanh đỏ trên bản đồ quy hoạch, kia, cái siêu thị đó nằm ngay trên đất nhà tui.

Chộn rộn, nôn nả trước cuộc đổi đời, đám bạn rầy của ông quên cả mùa dưa hấu đang tới. Cả ngọn gió chướng liêu xiêu cũng không đủ để nhắc nhớ. Thành ra vạt đồng chỉ còn mình ông. Với một mùa ròng rãi... Tươi dưa xong, ông già ngồi hút thuốc ngó trời, nhớ thằng Bảy Trị, Ba Thám bây giờ người chạy xe ôm, người mở tiệm buôn bán nhỏ, tiệm bi-da, karaôkê hay dạt đến một cánh đồng xa hơn, tiếp tục sống đời nông dân “ăn chắc, mặc bền”.

Tết này, giữa chợ, ông sẽ gặp lại bao nhiêu người trong số đó? Hay cả một vùng dưa nổi tiếng chỉ còn tum hùm đồng dưa của ông?

Năm ngoái, cũng cỡ này, cũng trên cánh đồng này, cả bọn còn uống rượu cùng nhau, thấy thời tiết hanh hao, ngó những trái dưa thắm xanh nằm lẫn lóc trên giồng dây lá dẽm, bàn Tết nay chắc trúng lớn. Đường như, ngay lúc ấy, chắc là đất dự cảm được sự chia lìa, nên dâng hết phù sa. Dưa hấu được mùa, được giá, bọn ông được về nhà trước giao thừa (cái nghề của ông, về trước giao thừa là một niềm hạnh phúc lớn). Phải biết là mùa cuối, thế nào ông cũng rủ cánh trồng dưa tùm lại nhậu một bữa, ca hát tưng bừng, để sau này có chuyện mà nhắc nhớ.

Bây giờ thì ông uống rượu một mình, nghe lạt nhách. Những người khác đã bị (hay được) bút ra khỏi cánh đồng, như chưa từng vui, buồn, chưa từng đắm mồ hôi, chưa từng rơi nước mắt...

Chỉ còn đồng đất điều hiu cây cỏ dại. Và ông. Lâu lâu, có mấy người từ xóm đê chạy túa lên đồng, ông mừng hóm, vừa hay mình thèm người. Họ, cũng có vài thằng bạn rầy của ông, xúm lại coi đá gà bị công an vây bắt, mới vọt ra ruộng thoát thân. Gặp ông, họ bảo “Thấy mấy giồng dưa ngán ngược, nhớ hồi đó cực thấy mồ tở, ham gì mà ngồi thù lù ở đây, anh Hai?” Ông cười, “Ở không buồn tay buồn chân quá, vớ lại...”. Nhưng ông không biết diễn tả làm sao, mười bảy năm nay, ông quen đếm tuổi mình bằng một mùa dưa, đếm ngày qua bằng hai cử tưới, và nhìn những trái dưa hấu nằm cùi cùi, phồng phao trên giồng, ông biết năm sắp qua... Có những cảm giác mà họ vô tình (hay cố tình?) quên, nổi vui nhìn hạt nứt mầm, dây xoải bò đan nhau trên mặt đất, bông rơi từng cánh cho trái thò đầu ra đón nắng, rồi bằng trái chanh, trái cam, bằng trái bóng nhựa, rồi dưa căng mẩy, mong nước trấu trên tay... Hay cái cảm giác đau nhói, rã rời nhìn dưa nứt như pháo nổ khi cận ngày cắt dây lại gặp trận mưa rào... Họ quên rồi.

Họ ngơ ngác sống những tháng ngày mới. Cuộc đổi đời quá nhanh, đến choáng, đến chóng mặt.

Lần đầu tiên họ được cầm món tiền lớn (mà cả đời họ mơ ước). Lớn đến nỗi đủ để người ta quay ngoắt với những ngày tháng đạm bạc cũ. Nói đâu xa, thằng con cũng nổi quạu khi hay ông khấn gói lên đồng, “Tui chạy xe ôm nuôi ba má có đôi ngày nào đâu mà ba lại rước cực vào thân cho mệt”. Ông giận. Rồi nguôi, vì cảm thông, tụi trẻ không yêu đất như mình.

Cả đám bạn rầy đang sống nhàn rỗi (một cách chông chênh) kia, cũng đáng thương. Rủng rỉnh tiền, nhưng không biết ngày mai làm gì, sống bằng gì, tiền sẽ hết, bởi cũng phải ăn, phải tiêu xài. Cái viễn cảnh cánh đồng trở thành đô thị với nhà máy, quán cà phê, quán nhậu, với những cửa hàng sáng choang... còn xa. Nghe đài báo đưa tin về quy hoạch “treo”, quy hoạch “ngâm” mà rầu.

Đồng đất vẫn trống trải, không thấy những chiếc xe tải chở gạch đá xuôi ngược trong bụi mịt mù, cũng chẳng nghe âm thanh nhịp nhàng của mấy chiếc máy đóng cọc... Đô thị chắc còn ỉm mọ tận đàng xa. Nhưng vùng dừa đã mất. Dừa hầu miệt này không đặc sắc như xứ Cái Keo (ở đó người ta bón phân bằng phân tôm, nên dừa đỏ thắm, ngọt lịm), nhưng nhờ lợi thế trồng ở ngoại ô thành phố, tiện chuyên chở, sát Tết mới cắt dây nên giữ được lâu. Cái câu “Dừa để hết Mừng vẫn ngon hết sảy”, xưa rày vẫn giòn giã cửa miệng của những người bán dừa xứ này.

Bây giờ mỗi dịp Tết về, người mua đã tin tưởng, đã trông mong. Nhưng vùng dừa sắp mai một mất rồi. Chỉ còn những người tâm huyết với đất như ông, cố níu...

Mùa sau, có lẽ ông sẽ đạt đến một cánh đồng xa hơn, nơi mà đô thị chưa đuổi kịp. Lại đốt rạ, lại nghe khói trên đồng xứ người cay sè con mắt. Lại dè chừng một văn phòng Ban quản lý dự án nào đó bỗng hiện lên, giữa ruộng...

Nói cho cùng, cái văn phòng ấy không có tội...

Chập chờn lau sậy...

Năm ba lượt chuyển nhà, đếm trên đầu ngón tay những gì của tuổi lên mười, ngạc nhiên vì có mang theo cả cỏ dại và lau sậy.

Những trưa tì mặt vào cửa sổ, ngó ra thênh thang cỏ hoang trước mặt bỗng nhớ những năm tám mười, ba đưa cả nhà về sống ở ngoại ô thị xã. Hai bên đường và trong các mảnh vườn mịt mù lau sậy, ba có chút ngậm ngùi, “Người chưa về thì người khác lại đi...”. Ba nhắc những người lính, những người bỏ đi khỏi vùng giáp ranh tránh đạn lạc, lại nhiều người vượt biển tìm chân trời khác... Dấu chân vừa kịp cũ, thì lau sậy mọc lên, lấp mắt.

Chúng sống mãnh liệt quá, nhiều khi thấy... ghét. Chiều chiều ba cuốc đất đằng trước, anh em tôi lủi thủi theo sau để lượm rễ cây, chỉ cần sót một mẫu bằng ngón tay thôi, ít lâu sau sẽ thấy sậy mọc lẫn trong mớ rau. Chúng cao hơn rau, xanh hơn, mạnh mẽ hơn, mà bán chẳng ai mua, ăn không được. Củ bình bát, so dưa xài không hết, chẳng ai thềm đốn sậy nhóm lửa. Nên cả xóm cứ thênh thang cỏ hoang, lau sậy. Nên cả tuổi thơ cứ thênh thang cỏ hoang, lau sậy. Những mùa khô, tụi nhỏ đi đốt sậy hai bên đường, lúc cháy chúng nổ giòn tan như pháo, tàn tro bay tào tác giữa lưng trời, khói quăng quật giữa gió làm mắt mũi ngứa nào cũng rần rụa.

Gần với con người lắm, lẫn giữa con người, vây bọc con người, nhưng lau sậy thì cực kỳ cô đơn. Mùa nổi mùa chẳng người nào ngó ngang tới. Một năm chỉ một lần, lúc thân sậy già, ngã màu vàng, rậm nắng, mà tôi mới đi lượm đám sậy tốt nhất, chặt về vài bó, dìm dưới ao, đợi sa mưa ôm lên đồng cặm gò sạ lúa. Sậy còn tươi mà đem cặm lên đất thì lúa chưa xanh thân sậy đã mọc nhánh rồi. Cứ sống mãnh liệt vậy, nên những thân sậy người ta dùng dây bện chặt thành những tấm *đăng* rào nhốt gà, vịt hay ven dưới sông đón bắt tôm, cá... cũng chẳng bao lâu đâm nhánh mới, làm thành những viền xanh uốn lượn giữa dòng.

Tha thiết sống, bất chấp yêu ghét, lau sậy cũng trở bông. Bông cũng không níu kéo bất cứ cái nhìn nào. Lơ thơ. Nhọt nhọt. Chỉ trẻ con là chờ đợi mùa bông chín, mùa gió chướng thổi sông, mùa áo mới, mùa Tết. Mảnh mai mình hạc, bông lau vươn cao óng mượt, trắng muốt giữa ngút ngàn bông sậy bạc đầu, chảy thành dòng rập rờn trong gió. Trên cái nền dòng sông bông chín, ông trời mặc sức vẽ gió, vẽ nắng lên.

Bông lau, sậy đẹp nhất là lúc đang tàn, lúc đang phai. Dường như có vài thứ giống vậy, như mùa thu, pháo hoa, giao thừa, tiếng chuông chùa... lúc đẹp là lúc mất. Chẳng hiểu đẹp để mất hay vì biết sẽ mất nên đẹp. Gió chướng thông ngọn thì bông sậy lìa cây, vào khi ngọt ngào và mỹ miều nhất, rút lui, buông bỏ vào lúc vình quang nhất. Nên tôi, trong vai người đứng ngắm phải ngăn ngơ nhớ tiếc. Đôi lúc nghĩ, có người nào dám và được rời đi nhẹ nhõm như cái bông sậy nhỏ nhoi này?

Và có kẻ giang hồ nào lại vào đời lơ đãng, ngơ ngác như bông lau, bông sậy? Tháng Mười mở cửa ra, những cái bông nhỏ rúc bay lạc vào nhà. Ngay lập tức, con người tôi bị chia làm ba làm bảy. Tôi Lãng Mạn mừng quá, nhìn ngược trong vệt nắng xiên vào, thấy bông rơi chậm rãi ngu ngơ, bèn muốn làm thơ. Tôi Osin nổi quạu, bông sậy nhẹ quá, chưa chạm chổi vào chúng lại lững thững bay, muốn quét cũng không được, muốn đuổi không xong. Tôi Hoài Niệm nhớ quay quắt cái xóm cũ, nhà cũ, lau sậy cũ, nhớ ông ngoại lúc giận quá hay nhặt cây sậy gãy đánh cháu. Roi không gây đau, tôi hí hửng nghĩ ông ngoại mắt mờ, lớn lên mới biết chính mình ngày xưa mờ mắt. Tôi Cụ Non ngồi nhìn những bông sậy long đong tình cò kết lại thành chùm, xoay tròn trên nền gạch, thấy buồn, chúng nhỏ nhoi đến mắt thường nhìn còn khó, mà biết tìm kiếm và thương nhau, mà mấy bạn mình cũng long đong xứ khác lại không thềm ngó mặt, mà chính mình cũng đang muốn tránh xa người?!

Cứ vậy, có Tôi Giang Hồ nhìn bông sậy mà nhớ chuyện giang hồ, thì một tôi khác lại yêu tha thiết cái nhà mình đang sống. Bước qua cửa sau đã tới rào, đằng trước chỉ một khoảng sân nhỏ trồng mấy chậu hoa nho nhỏ. Nhưng khu vườn của tôi thì nằm mênh mông tận những chân trời, nơi những cây thốt nốt đứng cô đơn và kiêu hãnh giữa đồng, nơi những cây bằng lăng già nua vất kiệt mình cho những mùa bông tím, nơi những dòng bông sậy chảy phai cả nắng...

Khu vườn đó, tôi vẫn mang theo từ thuở chín, mười...

Sân nhà

Má buồn thiết buồn khi nhắc lại hồi con gái má chừng mười, mười hai tuổi, “Nhà mình nghèo quá, má không lo cho bây được đủ đầy...”.

Tôi cười giòn, trời đất, thiết thòi gì đâu, má quên rồi sao? Những củ khoai lang còn ấm má mang về khi tan chợ, những bộ quần áo mới má thắt thắt chặt mót từng lợn rau, bó cải để sấm cho con, chiếc xe đạp nhỏ - món quà từ tháng lương của ba để con tới trường... Và con có cả một vạt sân vàng nắng...

Tôi nhớ, sân nhà mình chỉ nhỏ bằng hai tầng cây trứng cá. Nó lọt thỏm giữa ngôi nhà xam xám thấp tè và những giồng rau xanh biếc ngoài kia. Phía bìa sân, ba đặt cái bàn thờ Thông Thiên nho nhỏ, bát cắm nhang để giữa hai hũ gạo, muối (hết thấy mấy thứ đó cũng nhỏ xiu), buổi chạng vạng, gió phiêu phiêu mang hương nhang bay lảng đãng trước nhà. Ranh giới giữa sân với vườn rau là những cái mương nhỏ tạo thành do má tôi lấy đất lên giồng. Sát hàng ba có một luống hẹ kiểng, trổ bông tím rập rờn suốt hai mùa nắng, mưa. Nhà tôi nghèo nên trồng loại bông coi cũng bình thường quá đỗi, lúc Tết, cũng chỉ thêm bông vạn thọ, mồng gà. Nhưng tôi chẳng có gì tiếc nuối khi nhà mình chẳng có mai, đào... Vạn thọ cũng có cái vui của vạn thọ (câu này tôi học trong Gala cười 2003: “Bánh giò cũng có cái giá của bánh giò”), bởi những cây hoa bình dị ấy chính tay tôi gieo trồng giáp biên sân. Bữa Hai chín Tết, má phơi lá chuẩn bị gói bánh, tôi ngẩn ngơ nhìn “bức tranh” sân của mình, trời đất, sao mà đẹp dữ ôn vậy không biết, viền quanh những tàu chuối xanh rờn là hàng trăm đóa hoa vàng rực rỡ. Tôi đứng ở đó, tự hào nhìn sự sống nở hoa từ bàn tay nhỏ nhoi, xương xẩu của mình (bàn tay xưa rầy chỉ biết cầm dũa ăn cơm và... chơi chuyền).

Rồi hoa tàn, rồi mùa nắng hết. Mưa bắt đầu xập xoài, báo mùa đang đi tới. Tôi lóp ngóp xách rổ chân bắt mấy con cá rô ôm nhách, dài nhằng, mình đầy nhót xằng xái lóc lên sân. Mặt sân đã ngấm mưa, đất vỡ ra, tràn xuống những chỗ nẻ. Nước lên xầm xấp, ba phải kê đá tảng để có lối đi vào nhà. Không còn chỗ chơi rượt bắt, nhảy dây..., tôi bắc cái ghế ngồi học bài ngoài hàng ba, lâu lâu lại ngóng phía chân trời, coi xuyên qua đám mưa mịt mù kia, có tia nắng nào hừng lên không? Chà chà, chỉ cần đủ ba nắng, sân - thiên - đường của mình lại ráo hoảnh, sạch bong cho mà coi.

Bây giờ nhớ lại, thấy lạ, lạ quá chừng... Sân nhà mình hồi ấy có rộng mấy đâu, chỉ có khoảng trời là lồng lộng phía trên đầu, nhưng đã đi hết cả tuổi thần tiên rồi, sao tôi vẫn còn nhớ tiếc.

Chứ không à? Những đứa bạn dễ thương, những trò chơi tuổi nhỏ, cái xích đu tự tao mắc lên cành cây bằng mấy cọng dây chuối, con đế gáy te te hoài dưới tấm đá chẻ bên góc nhà, tôi nhớ cả tiếng má rầy khi tôi trốn ngủ trưa lén ra sân ạch ị nhảy dây. Suốt một mùa hạn, đám vú sữa đất mọc trên mặt sân chẳng thể nào ra lá mới, coi xo cò, tội nghiệp... (thì có sáng nào, chiều nào mà đám trẻ không chạy nhảy ở đó đâu). Tôi lang thang ngoài sân, vườn nhiều hơn trong nhà, trên mình đầy seo lớn nhỏ (mà, hỏi “lý lịch” của chúng, lắm khi tôi còn không nhớ hết); da vừa đen vừa mốc cời mốc thếch vì lấm lem bụi đất. Lúc tan bạn rồi, còn một mình, tôi vẫn thường thần thơ ở đó, mơ màng nghe bầy chim sâu, chim sẻ riu rít cãi nhau, ngó con bướm nhỏ vỗ cánh thấp tha thấp thỏm... Có bữa thấy tôi bung tồ cơm vắt vẻo ngồi ăn trên chạc ba của cây trứng cá, má bực quá, má rầy, “Con nhỏ này chỉ thiếu nước ôm mùng chiếu ra ngoài sân ngủ”...

Má cũng thường ra sân, nhưng không phải để thanh thoi chơi đùa, không phải để ngắm mặt trời lặn, đón trăng lên... Buổi sớm, má ra quét lá, tiếng chổi xao xác trong tiếng gà. Buổi chiều, má hay ngồi chỗ góc sân, nghe tôi nhảy từ trên cây xuống cái phịch như ai quăng bịch muối, má than (mà cười): “Con nhỏ này chắc mụ bà nắn lộn”... mà tay vẫn thoăn thoắt bó rau chuẩn bị cho buổi chợ sớm mai. Độ gần cuối tháng Mười, lúa về sân, ba má ngồi quây lúa giữa trưa, bóng hai cây trứng cá đã bị tia thừa cành không đủ sức ngăn bớt cái nóng bùng bùng, mồ hôi

chảy dài, bê bết tóc. Mỗi lần giở đệm lúa lên, hơi nước ướt đầm mặt đất, không hiểu sao, tôi cứ tưởng đấy là mồ hôi của má ba mình. Dường như không lần nào đứng trên mảnh sân - thiên - đường của tôi, ba má không tất tả, bận bịu, lo toan...

Nên cái hồi con mười, mười hai tuổi, nhà mình nghèo, má (và cả ba) thiệt thòi nhiều nhất. Còn con lúc ấy giàu có, đầy đủ lắm, má à. Má không tin con sao?

Mưa Vĩnh Hưng

Đám mây đen ướt sũng nước nằm chắn ngang phía con đường đang vút tới, như một cánh cửa đóng sập xuống. Vĩnh Hưng đứng trước. Cột cây số nói vậy. Nhưng sấm chớp th nói đi nữa sẽ gặp mưa ướt mềm, có đáng không?

Bạn đã đối diện với câu hỏi đó hàng trăm lần trong đời, “Có đáng không?”. Gã đó có đáng cho ta ba chấm (...) không, chuyện đổ vỡ nhỏ đó có đáng cho ta buồn không, thất bại đó có đáng cho ta ngã gục không... Và “có đáng không” nhiều lúc được hiểu như “nơi đó có gì hay mà ta phải cực thân dữ vậy?”. Đó là những khi bạn trên đường gió bụi, phải dắt chiếc xe cán đinh thất thểu đi tìm chỗ vá, phải nằm queo trong căn phòng trọ mốc meo không điện, không nước, cửa không chốt gài, phải thấy mình đang ngun ngút bốc hơi trong nắng lửa, và gió cát tạt vào mắt...

Do dự vắn vẹo làm bạn mệt phờ, nó muốn bạn bỏ dở cuộc đi, ru ầu ơ chần gối ấm ví dầu tắm nước nóng... Có khi nó thắng. Cũng có khi bạn kháng cự bằng tất cả những gì bạn có, đây này đòi chè đây này suối nước nóng, và những cánh đồng triền miên hoa cải, nhưng nhiều lúc bạn chỉ có mỗi cái tên, một chấm nhỏ trên bản đồ. Và từng ấy cũng đủ. Những Khâu Bàng, Rừng Lạnh, Khau Phạ, Cành Nàng, Đồng Bụt, Thứ Mười Một... Những cái tên gọi cảm, xa xăm, sâu thẳm như được gọi lên từ một miền trời khác. Những cái tên khiến bạn thèm ăn chúng, hít thở chúng. Những cái tên mời mọc bạn lên đường và giữ bạn trên đường.

Và bạn chưa bao giờ thất vọng, ngay cả nơi đó khô rốc gió Lào, lèo tèo vài hàng quán nhỏ, bụi mù đỏ và không một bóng cây. Có lẽ thất vọng thường đi kèm lời hứa, nhưng bạn hầu như chẳng nhận được lời hứa nào. Chúng chỉ như bảo, tôi đây, đến với tôi đi, tôi có gì á, tới đây rồi biết. Như Vĩnh Hưng, không thể hiện chút gì về mình ngoài cái tên cheo leo nơi biên giới. Ở chỗ cách Vĩnh Hưng bảy cây số, thực sự cái bạn đang có chỉ mưa là mưa. Không, tận hai cơn mưa, chúng kẹp bạn ở giữa. Tạt vô một căn nhà bên đường trốn ướt, bạn vuốt nước mưa trên mặt, thấy Có Đáng Không nhăn nhó chập chờn.

Nhưng nó biến mất tằm, kể từ khi bạn ngó ông già đang nằm ngủ bộ vạc trước nhà. Chân buông thõng xuống, cái quần cộc rộng lồng gió phát phơ, hồn nhiên để lộ những cơ bắp chảy nhão. Ông già ngáy đều, nghe trong mưa có tiếng lật phật của môi. Bộ điệu nhẹ nhõm như thể giấc ngủ đến rất tình cờ, như thể ông già đang ngồi đợi ngắm mưa thì buồn ngủ quá nhẹ nhàng lăn ra vạc, bỏ trời đất bơ vơ.

Cửa nhà mở toang. Ghé đụt mưa cả buổi chỉ có một chị ló đầu ra ngó, cười tươi rồi lại biến mất, bên trong tiếng trẻ con riu ran. Ông già nằm không cục cựa, giấc mơ trưa trôi giữa cơn run rẩy của đất trời. Con chó nằm cạnh cái tủ thờ chỉ ngốc đầu lên ngó rồi gối đầu lên chân lim dim. Mấy cây bàng xòe tán che kín mặt sân, lá rụng chớ mưa xuống đất cho mưa đỡ đau.

Bạn nín thở rón rén bỏ đi. Bạn sợ chút nữa đây con chó sẽ sủa những âm thanh hần học và ông già bị đánh thức, trẻ con trong nhà sẽ ủa ra hỏi hau háu “Ủa dì ở đâu mà đi tới đây, Vĩnh Hưng chán thí mồ mà chơi gì?”. Tụi nhỏ sẽ không bao giờ tin bạn tìm được thiên đường ở đây, ngay nhà chúng.

Tụi nhỏ không bao giờ hiểu cái cảm giác thanh bình này đáng giá bao nhiêu, và bạn phải đi xa bao nhiêu mới gặp. Có những nơi trên dải đất này, nó đẹp không phải vì cảnh đẹp. Bên ngoài thềm nhà đó cũng là xóm làng mênh mông, đi lòng vòng cả buổi bạn không gặp một nét mặt thăm dò, không nhìn thấy sự dè dặt, thù hằn, không có ai dõi mắt theo, không một tiếng động nào chát chúa. Bình yên lẫn khuất trong từng nắm mưa lâm thâm, trong bộ điệu lưng khùng nửa trôi nửa dừng của mấy chiếc tắc ráng giữa sông, trong cái barie chắn vọng gác biên giới được anh lính biên phòng nào lơ đãng kéo chếch lên, như không còn gì ngăn cách ta và bạn, trong mưa này. Vài bà già làm công quả trong chánh điện chùa Nổi đang rì mọ lau mấy cái chân đèn, bỗng có bà dừng tay bồn chồn bói củ tỏi lại búng tóc sương, khi nghe tiếng ho từ ngôi nhà sà bên kia màn mưa - chỗ ông thầy trụ trì chùa đang ở. Chẳng hiểu sao bạn nghĩ tới một mối

tình thâm, man mát, trắc trở. Chắc tại mưa khiến xui...

Lúc trở về ngang qua cái nhà mà mình khi nãy ghé qua, thấy bộ vạc trống trơn. Chắc là ông già nghe lạnh nên tỉnh dậy mất rồi. Vĩnh Hưng như một giấc mơ, chỉ mưa là thật...

Ngủ ở Mũi

Giong ruổi lang thang mãi mình hóa ra người “sành điệu” lúc nào không biết. Tháng Hai quấy túi về đồng, canh trúng mùa dưa, bắt cá lóc ký đốt rơm nướng trui ăn kèm muối ớt, uống rượu nếp than. Dài tới tháng Tư, sa mưa, ra đồng bắt ốc lác luộc với lá sả, lá ổi chấm cơm mẻ chời. Gió chướng về đầm Bà Tường ăn cơm nguội với ghem muối. Tháng Mười trái mấm rụng đầy những sông những rạch ven các cửa biển, mùa săn cá dứa bắt đầu... Ăn “sành điệu” đã đành, lúc ngủ cũng đòi đi về phía biển, để ngủ ngay tại ấp Mũi, một xóm nhỏ ở cuối trời Tổ quốc.

Ở đó có những căn nhà không bao giờ khép cửa. Những căn nhà không cả vách che đàng trước, vì chẳng ai thèm tham lam của ai cái gì. Không cần giới thiệu gì cả, bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà này. Mưa Nam hay mưa Chướng, nhà chỉ treo một cái rèm bằng mấy cái bao bố may ghép lại hoặc bằng lá chằm đóp. Không cái gì cho người ta cái cảm giác thái bình, no ấm như thế, không có gì cho ta sự gần gũi, thân thuộc như thế. Những ngôi nhà rất rộng lòng, mở trong tầm nhìn của ta một chiếc giường, một cái bàn thờ gia tiên, cái bàn trà, một bức màn vải thêu hình hai con chim loan đậu trên cành trúc, thấy nhà nó hợp với con rạch này làm sao đâu, vì khi nước ròng rạch cũng cạn lòng, phơi đáy. Nó hợp với tính cách con người của vùng đất này làm sao đâu, vì người ở đây cũng sống khoáng khoáng, cởi mở, rộng rãi, hào sảng.

Người ấp Mũi ít khi làm buồng để ngủ, buồng chỉ để cho con gái, cho những cặp vợ chồng son, người xứ biển thích ngủ đàng trước nhà, chỉ cần cái mùng, khối chiếu, áp cái lưng trần đỏ au xuống với sàn nhà bằng gỗ đước bóng như gương đồng vậy là được một giấc ngủ ngon. Mà đúng là ngủ ở ngoài này thì thích không chịu được.

Nhà bao nhiêu gian thì bấy nhiêu gian đầy gió. Trong cái mùi biển tanh nồng mơn mõi của những giàn lưới phơi trên giá, trong cái mùi khói ngọt bùng nhùng tỏa ra từ mẻ ung, dường như có nhà ăn cơm chiều trễ, nghe mùi béo ngậy của cá thòi lòi kho với nước cốt dừa. Và đâu đó chắc có vài người chuẩn bị lai rai, rõ ràng là mùi thơm khô mực nướng trên lò than đang tàn.

Ngủ ở ấp Mũi có “quá trình” hẳn hoi. Bao giờ lúc chạng vang ta cũng ngồi với nhau uống vài ly cho ấm bụng, không khô mực thì hầu nướng, sò nướng chấm muối tiêu chanh. Khuya một chút, khi ngà ngà say rồi, người dưới bếp sẽ bung lên một nồi cháo sò huyết. Trời ơi, cái mùi thơm của sò, của tiêu, của mỡ tỏi mới hít vào hơi rượu đã tan đâu hết, còn nói gì tới cảnh xì xụp húp chén cháo nóng, nó không chê vào đâu được. Xong rồi, ta quay lại uống trà.

Trà xứ biển đậm đà, nước vàng quánh, kẹo. Nên lần đầu ngủ ở ấp Mũi hẳn sẽ có người thao thức. Vì trà, vì ngủ trong phòng kín cửa với gió máy điều hòa se se quen rồi, nằm đây ngộp thiệt chớ chơi à. Còn nổi sợ nữa, sợ bóng đêm, sợ mấy anh chàng nằm cạnh giả đồ ngủ say dịch qua để... gác chân ảnh lên chân mình. Thôi, nằm canh chừng cho chắc ăn, má dạn, thân gái dạm trường... (Lạ, ở đây người ta sống chân thật với nhau đến mức để trống cả vách nhà, cửa cái đồ đạc cũng có mất mát gì đâu, vậy thì mắc mớ gì phải dè chừng). Gió vẫn như múa, như ca, như chạy, như nấp bên ngoài cái mùng vải thơm mùi nắng. Những chiếc tàu đánh cá ầm ỉ chạy qua, và tiếng biển, đúng là tiếng biển lướt trên những búp lá dầm sương trong rừng đước, rì rào rất gần. Chỉ có tiếng biển mới mệnh mông một nỗi nhớ bờ như thế.

Nhưng ngôi nhà sàn không cửa lại có cái lý của nó. Để cho tiếng biển thật gần mình, cho người vợ trẻ nghĩ tới chồng đang bữa lưới ngoài khơi, cho những ông già nguôi niềm thương nhớ biển kể từ khi xa những cái đáy hàng khơi, cho những cậu bé đang tuổi nhổ giò mơ một giấc mệnh mông, trông chừng trên chiếc ghe câu giữa bốn bề biển cả.

Có cái gì đó giống như ta đang ngủ ở trong một cái chòi giữ vuông giữa cánh đồng gió toì bời, có cái gì đó như không giống. Phải chăng, ngủ ở đây, gió có vù vụt, còn cào ta cũng không thấy lạnh, bởi đây là nhà, một mái nhà mang đầy đủ ý nghĩa của nó, có khói mẻ ung, có những hơi

thở nhẹ, có con gà đứng trên ngọn cây mắ gáy le te.

Cũng vì vậy mà có cái gì đó giống như ta đang ngủ ở trong một căn chòi ngoài đáy hàng khơi, lại vừa không giống. Vẫn gió mang cái hơi nước mặn mòi, vẫn tiếng biển ì ầm nhưng thiếu cái yên ả, êm đềm thâm nâu của đất.

Hạt gửi mùa sau

Ông già như lật tung cái nhà lên. Ông chui xuống gầm giường, ông thò đầu vào lục lọi trong tủ chén. Đầu vướng đầy mạng nhện, ông cần nhần cử nhử, rõ ràng mình cất ở đây, sao bây giờ nó mất biệt rồi, kỳ quá, kỳ quá. Tụi nhỏ cũng chạy lại, nghiêng chỗ này ngó chỗ kia, cũng nói lạ quá trời, tự nhiên mất vậy cả. Nói mà sợ tím ruột bầm gan, vì cái thứ mà ông già muốn tìm tụi nhỏ đã cương quyết giấu biệt rồi.

Ai mà biết ông già coi trọng mớ bông vụn thọ, mồng gà khô đó dữ vậy, tụi nhỏ chống chế. Nhưng rõ ràng, tụi nhỏ biết. Sống chung một nhà, làm gì mà không rõ mỗi lần chim én bay hấp háy, đầu trên đám chà dưới mé sông, ông già lại đi lật lịch thăm chừng. Một tháng trước Tết, ông vác cuốc ra sân, tụi nhỏ dù muốn dù không cũng phải vác cuốc đi theo, xới như mảnh sân trước nhà, lúi húi tưới nước cho mềm xốp lại. Ông già đi lục lọi mớ bông để giống từ Tết năm ngoái, rải hạt. Kể Tết, lúc ông già đứng tựa lại hàng râm bụt thì bông vụn thọ, mồng gà, sao nhái đã nở rục cả vạt sân. Bông móng tay thấy thân phận nhột nhột của mình, nép thành một hàng dài dọc đường đi. Nghỉ tay, ông đứng chống nạnh, khoan khoái đứng ngắm bông, hết đứng gần rồi lại lùi ra, cười khà khà khà, khoái trá.

Vớ ông, Tết mà không trồng bông thì mất vui đi. Dù cực, dù ngày mấy lượt khệ nệ xách thùng đi tưới. Có cho đi thì mới nhận lại, thử hỏi ba ngày Tết, ngồi khề khà mấy ly trà, ngó ra cái sân vàng rục mênh mông, bông chật ních con mắt, có sướng không? Sướng! Vì vậy mà khi trời bắt đầu trở chướng, ông già thì trở... chứng, không chịu ở trong nhà. Suốt ngày tha thân ngoài sân, sửa sang, uốn lại mấy bụi chum rùm, tỉa hai cây sộp, chăm sóc đám bông... Ông gọi là bông thì tụi nhỏ không được gọi hoa, ông nói hoa là hoa hồng hoa huệ gì đó, còn mồng gà, vụn thọ hay sao nhái thì phải kêu bằng bông, cũng như nùm mỗi mà cứ học đòi nắm mỗi, cái thứ dân dã, mọc vườn hoang phải kêu sao cho dân dã, dễ nghe.

Tụi nhỏ thấy đám bông đúng là mang rắc rối tới cho tụi nó. Mấy bữa ông đi đám giỗ xa, về nhà, thấy bông héo, ông rầy tụi nó cả buổi. Mà, tụi nhỏ thấy bông cũng có ích lợi gì lắm đâu, ừ, có bông thì nhà sẽ đẹp mấy ngày Tết, nhưng mất công. Sau Tết bông tàn, lại phải chọn những bông lớn nhất, đẹp nhất, già nhất đem phơi khô, lại phải nhổ bỏ đám cây rui lá, dọn dẹp cho sạch chuẩn bị sân phơi lúa. Tụi nhỏ nghĩ, đẹp mà không ăn được thì cũng phí.

Một phần, tụi nhỏ thương ông già, cứ lúi húi cho cực thân. Ba năm rồi, đất nhiễm mặn tan hoang, trồng bông cũng không nước tưới. Ngày xưa còn bờ dừa còn liếp chuối, bông trên sân phối hợp với cảnh chung quanh, giờ cây cỏ điêu hiu, cái màu vàng rục lên của sao nhái, vụn thọ càng làm chói gắt con mắt. Cả xóm giờ không còn bao nhiêu nhà chịu khó trồng bông đón Tết, bởi không còn bao nhiêu người già. Một bữa dọn dẹp ổ mối trong tủ, tụi nhỏ lên đem cái gói bông khô giấu trên giàn củi. Và ông già tìm kiếm trong tuyệt vọng.

Không thể tưởng tượng được, Tết này lại không có bông, ông già rầu rĩ, nằm gác tay lên trán. Ngày dài nằm chán, ông già ra đằng trước, nhìn cái sân chang chang nắng, thở dài ứ hự, mắt hoang vắng, thất thần. Tụi nhỏ đã dự tính trước, ông già sẽ buồn, nhưng nghĩ nỗi buồn qua mau, mai mốt ông quên tuốt. Nhưng ngó bộ dạng ông vẫn long đong tìm kiếm, tụi nó hoảng hồn, Tết sau, sau nữa, ông cũng sẽ nhớ hoài mùa bông cũ. Tụi nhỏ nhận ra, ông già trồng bông không hẳn vì chúng đẹp (bởi thật ra chúng đâu có đẹp, thậm chí, bông vụn thọ hôi rình), trồng để thấy tuổi xế bóng còn làm được việc thần kỳ, còn có thể vun đắp sự sống từ bàn tay cứng quèo, gân guốc, trồng bông để nhớ cái thời sạ lúa trên đồng, và bông như một món quà Tết duy nhất ông có thể làm cho con cháu.

Bữa sau, ông tìm được gói bông khô trên cái gióng cá khô treo đầu bếp. Ông mừng quýnh, nói “Kỳ quá, kỳ quá, tao kiếm ở đây nát hết mà không thấy, vậy mà bây giờ tự nhiên nằm chình ình, y như ma giấu”. Tụi nhỏ ngó nhau cười mếu.

Lại phải phụ ông già cuốc đất, lại gieo, lại đeo cây nước bơm từng thùng đem tưới. Bông lại nở

rực trước sân nhà. Và Tết tàn, ông già lại nâng niu đi hái từng bông hoa héo khô, rũ cánh, giữ hạt cho mùa sau. Nghe như một người tàn và bông hoa tàn đang hát thầm bài ca cuộc sống.

Ông già dường như làm điều gì lớn lao hơn là giữ hạt. Giữ cho tội nhỏ không xuề xòa, lười biếng (bệnh này đang lan nhanh dữ dội từ hồi chuyển sang làm ruộng nuôi tôm). Giữ một nếp nhà, giữ phong tục cũ...

Giữ cho cái sân bông rực rỡ, lung linh trong ký ức, của những kẻ xa nhà...

Lục bình

Quán đẹp, tên quán đẹp, ngó ra dòng sông đẹp. Đứng trước người ta quây rào tre giữ lại một đám lục bình đang trổ bông, cũng đẹp. Tôi đứng nhìn mãi những bông hoa tím co ro trong gió, trong chiều nắng tắt, quận lòng, như gặp lại người bạn cũ.

Từ dạo con tôm lên ngôi, dài theo những dòng sông quê xứ đã xa vắng lục bình, mỗi khi có dịp đi đâu đó, gặp loại cỏ thủy sinh ấy, tôi mừng hóm. Có điều, lần này, gặp bạn trong hoàn cảnh trái thường bởi lục bình trong nỗi nhớ, trong giấc mơ tôi lúc nào cũng trôi mênh mang trên một dòng sông nào, xa vắng. Lục bình mà bị cầm tù thì còn gì là lục bình nữa.

Con người ta có tật kỳ cục, chuộng cái đẹp nhưng không biết cách nuôi dưỡng cái đẹp. Hay tại tham lam nên cái gì cũng vơ vào mình. Lục bình, phần nào đó như ngựa ở thảo nguyên, chim trên trời, gió ngoài đồng, hợp với sự hoang dã và tự do. Chỉ long đong cùng sông nước, lục bình mới thể hiện hết bản chất, vẻ đẹp và sức sống của nó. Nên lục bình ở quán bờ sông ấy có lạ, có biếc đến đâu thì cũng không bằng lục bình của những buổi chiều nắng phai, gió cũng phai như nắng. Kẻ ngồi bên sông chờ chờ muốn ứa nước mắt. Một ao lục bình không buồn như vậy, một đám lục bình vương vào đám chà trên sông cũng chưa gọi là buồn, một giề lục bình chậm rãi trôi gọi buồn ít thôi, nhưng bụi lục bình duy nhất, với một nhánh bông duy nhất, liu riu thiu thiu trên mặt sông đầy, thì buồn chết giấc.

Đó là lần đầu tiên tôi phát hiện ra vẻ đẹp của nỗi cô đơn, sưu tập thêm một biểu tượng của cái buồn xứ sở, cùng với khói đốt đồng phơ phất dưới hoàng hôn, cùng với tiếng bìm bịp thăm thẳm theo con nước, bày đom đóm leo lét trên rừng bần. Một vẻ buồn rất lạ, đậm sâu, nhưng không giam hãm con người, không tù đọng, không cùng quẩn. Cái buồn trải dài, thông thoáng, mênh mông, cởi mở...

Những lần qua phà Tắc Cậu, lại gặp lục bình, lần này là ở cửa sông thông ra biển. Nhưng lạ, bày đàn đông đúc, mà có vẻ tan tác cô đơn. Hăm hở trước biển khơi mà như dùng dằng nuối tiếc dòng nước cũ. Lựa chọn nhưng vẫn hoài nghi, hoang mang. Hay lục bình chỉ là lục bình thôi, chỉ tôi gởi tâm trạng của mình vào rồi thấy mình là lục bình trôi ngơ ngác.

Tình cờ tìm tư liệu cũ, thấy họ bảo lục bình được nhập từ Braxin từ những năm 1905, tôi vẫn không nguôi được ý nghĩ trời sinh lục bình từ khi vùng đất này có sông. Lục bình làm sông trở nên dịu dàng, sâu sắc. Dù vậy, nhiều người, trong đó có anh bạn tôi, chê lục bình dở òm, tiêu cực, cảm chịu sống đời lênh đênh vô định, không phương hướng. Anh bạn có tật mắc cười, là hay gán lý tưởng, tính chiến đấu cho bất cứ gì, bất cứ ai, lục bình cũng không ngoại lệ. Buồn miêng, tôi cãi chơi, lục bình đang sống theo lẽ tự nhiên, tại mình dấn thân vào đời, bươn tới những đích nào đó cũng theo lẽ tự nhiên, của con người. Nói đến đó bỗng còn cào nổi hoài nghi, người ta sống với tham vọng chông chênh ngút ngát là thuận theo lẽ trời sao?

Và chiều nay, trong cái quán lạ bên dòng sông xa lạ, tôi hơi đắng đót bởi ý nghĩ, con người ta còn tự cầm tù mình bằng những ảo vọng ngông cuồng được thì sá gì đám lục bình hèn mọn này, sá chi con chim trong lồng kia... Mình cũng bị nhốt giữa những cơn mê, mắc gì tiếc thương cho đám lục bình ấy.

Xóm cũ

Những gương mặt người. Những nóc nhà thưa. Những cây cầu khỉ. Mỗi khi nhớ về xóm cũ, hiện lên ngay trong đầu cái phác họa giản dị đó, cùng những cánh đồng, mảnh vườn xanh xanh đậm nhạt bọc quanh. Một con đường khắp khênh băng qua xóm, bên lối đi lau sậy chập chờn.

Và hai cái ti vi trắng đen, niềm vui, nỗi xao xuyến không tan của đám trẻ con nghèo, khi những cơn mưa rào, ao dề, những trò nghịch trên cây hái trái đã tạm khép cùng ánh sáng mặt trời. Chỉ còn đêm dài lắm. Nhiều lúc ngó mưa sụt sùi như mưa vầy, cũng những tối nhào ướt như vậy, mình ngoi ngóp trèo cao su đi coi ti vi. Lội bộ cũng xa, mò mẫm trong màu trời nhập nhoạng mà hớn hở như đi hội. Tối nào tụi trẻ con trong xóm cũng xúm lại hai nhà giàu sang nhất xóm (vì có... ti vi), dán mắt vào cái ánh sáng trắng lung linh kỳ ảo. Có đứa cứ hết chương trình hoạt họa là ngủ khò, ngáy pho pho mà không đêm nào vắng. Vài đứa khác mơ mộng thật thà, cứ khóc òa khi vở cái lương tới khúc đoạn trường, cô Nguyệt bỗng con tới nhà người yêu cũ. Đường về khuya lơ khuya lắt, bạn bè lần lượt tới nhà, cứ qua mỗi ánh đèn là vắng đi đôi bước chân. Rồi chỉ còn lại một mình, đi qua những lùm trâm bầu, lùm tre hình thù kỳ dị bên đường, tưởng tượng bao nhiêu chuyện ma quái, đêm nào cũng quần đuôi bỏ chạy. Vậy rồi chiều lại, vẫn xao xuyến lặn lội đi hẹn hò với cái... ti vi.

Nên xóm thêm một nóc nhà, trẻ con mừng hơn cả. Đường bớt vắng, thêm một ngọn đèn, thêm bạn, cùng những điều lạ lắm. Dì Tư sinh tổ quẩy thùng kem về xóm, với bảy đứa con gái môi đỏ tóc dài, mớ tiếng Huế rất của nhà dì như mở ra một chân trời mới, cả xóm mừng rơn khi biết *o đi mô*, có nghĩa *cô đi đâu vậy*. Trưa nào dì Tư cũng quẩy thùng kem ngang qua xóm, dì gầy, đi hai hàng, cảm giác nếu chân dì mà thảng thớm, thì sức nặng của thùng kem sẽ khiến dì té nghiêng té ngửa. Cứ xà bát hai hàng, dì rung chuông, sau tiếng chuông rung là tiếng chó sủa giồn tan, tiếng người lớn nạt mấy con chó, tiếng trẻ con xin tiền. Nghe như tiếng chuông của dì chọc nguậy vào một cái chảo âm thanh, khuấy nó lên, đảo đều rộn rã cho tới khi dì đi khuất.

Thêm một tiếng cười, lau sậy cũng bớt dày, đi vắng ba ngày đã thấy bên đường cặm một ngôi nhà mới, thấp tùn. Đất ven đường chỉ cỏ hoang mọc chen trong đá, bỗng thành cái rẫy dưa, bắp xanh rì. Ông Sáu Rẫy lại mở ra chân trời khác, làm bọn trẻ xóm nghèo há hốc với Bến *Te*, con cá *zô* bỏ vô *zô*, nó nhảy nghe *zột zet*. Bà Sáu thì điếc đất, hỏi chiều nay ăn cơm với gì, bà nói *zấy* không trồng khoai mì. Hỏi bà ơi bồ ngót bao nhiêu một bó, bà nói ừ, nhà có nuôi bốn con chó. Ông Sáu cuốc đất ngoài hè, nói vọng vô, “Cái bà này, điếc mà hay nói...”, bà ngón ngoẻn cười, “Tối đầu mà tối, còn mặt *tời* mà...”.

Ngày ông Sáu tới, rồi lại nhờ chòi tha vợ con về xứ, cả xóm vẫn chỉ gọi ông, nhớ ông vận theo nghề rẫy mà gia đình ông gấn bó. Như tên dì Tư gắn với thùng sinh tổ, cà rem. Như quên luôn tên thật của bà Tám Bánh Cam, ông Mười Cốm Bắp. Gọi tên một người xóm cũ là gọi cả hình ảnh bàn chân chai, vết sẹo dài, bàn tay khô, màu da sạm... và tên những đứa trẻ đã theo cha mẹ đến đây, kết bạn kết bè. Bỗng một sáng vài đứa đi mất, mù mịt như chưa từng có ở trên đời.

Cuộc đời lại cặm vào mảnh đất bỏ trống một ngôi nhà mới, những đứa trẻ mới, một số phận mới. Người đàn ông đi chân giả lúc nào cũng bước cậm cúi, thằng bé con chú vác cái bụng to vèo đặng trước, chắc là nó ăn đất quá nhiều. Chiều đi ngang qua gặp nó đang gặm mớ rễ tranh - ba má nó đào bật lên để lên giồng gieo cải. Nó chìa tay ra, khoe “Ngọt lắm!”, sau này nhớ lại, mắc cười, trẻ con có thể tiệc tùng kết bạn từ mớ... rễ cây.

Người lớn chậm rãi hơn, họ sẽ rề rề lại hỏi cư dân mới của xóm, anh thứ mấy, quê quán ở đâu mà tới đây, và ngó cái chân giả cứng đờ, hỏi anh bị thương ở trận nào. Phước Long hả? Tui cũng bị cái theo bụi này, ngay trận đó. Câu chuyện bỗng trở nên ngưng ngập, họ đã từng cầm súng đối mặt nhau, cùng nhau mang về những vết thương, vết thấy được đã lành, vết lòng vẫn rịn máu.

Nhưng người lớn biết cách chữa lành, bằng những điều đơn giản. Đem cho tô chè đậu xanh, nửa mứt măng tre, phụ giúp nhau lợp mái nhà, cất chòi vó, sẻ nhau vài gánh nước mưa uống trong mùa nắng, mớ củi chum qua mùa mưa. Ba của thằng Rể Tranh đã thôi giấu mình trong lùm lủi, ánh mắt không còn ứ đọng cặm xuống chân. Chiều chiều, ông còn vui vẻ tấp tểnh qua bên xóm uống trà.

Con đường xóm lông chông đá, lổn nhổn những ổ gà, hai mươi năm qua với tôi, vẫn là con đường đẹp nhất. Nó đưa đón những bàn chân tàn tạ, nó chứng kiến những tấm lòng thơm thảo. Thỉnh thoảng tôi vẫn để nhớ dặt tay về chỗ ngồi yêu thích, vắt vẻo trên ngọn cây cao, ở

đó, tôi thấy cô bé bung đĩa bánh lá mít chan nước cốt dừa đang đi dưới mưa lất phất, tay nó cầm cái nón nhỏ lông ngóng che đầu thì sợ bánh ướt, che bánh thì ướt đầu, cuối cùng, nó che nửa này nửa kia. Đi một đôi đường, cô gặp một thằng bé khác đang đứng chơi, cô sượng sùng nói, “Má tao cho má mầy bánh”. Ở đó, tôi nhìn thấy chị hai mình, lúp xúp đội thúng rau muống, ngồi gai đi chợ sớm mai, tôi nhận biết từng người quen trong xóm, qua nón, áo, qua cái dáng đi cầm cúi, xấp xải, hót hải, tất tả, hay thông thả...

Họ mới là linh hồn của xóm. Sau này đi đây đó, đôi khi gặp lại vài khung cảnh y hệt như xóm - của - mình, nhưng xúc động chỉ thoáng qua rồi tanh, bởi không có những gương mặt, dáng đi quen.

Bây giờ, xóm còn nguyên chỗ cũ, nhà tôi vẫn còn chỗ cũ, chỉ lán giềng không còn. Người đã dời đi tản mác. Người vẫn ở đó nhưng không phải là người của những năm xưa. Đôi lúc trên đường về, qua những ngôi nhà cao tầng kín cửa, qua những cái cộ đôi co từng tắc đất, qua những bon chen háy nguyệt, bổng nghĩ, nơi đây từng có những người đàn bà, lúc xay bột làm bánh, họ không quên đong thêm vừa gạo để thơm thảo với lán giềng.

Bây giờ họ đã về đâu?

Mưa tháng Mười hai

Những hàng quán phố xá mọc lên bên kia đường đã che lấp mất cánh đồng nằm chèo queo trong khu quy hoạch treo, làm tôi gần như quên tiêu chuc ruộng của ba má. Cuối năm, người mướn đất qua nhà để gửi món tiền nhỏ, tôi kêu thầm “Mèn ơi nhà mình cũng là điền chủ”.

Người mướn đất ở cùng xóm, bạn hàng xáo cũ của má. Mời thím vào nhà ngồi mà thím đòi nấn ná ngoài hàng ba, để tiện coi chừng mấy cục mây đen lớn vờn. “Ông trời thiết kỳ cục, tháng này mà vẫn còn mưa, rầu hết sức”, thím chép miệng than. Thím lo cái rầy dưa của mình sẽ thất bát nếu trời vẫn mưa lất nhắt, dai dẳng kiểu này. Dưa chín mà chưa kịp cắt dây, gặp mưa nứt trái hết.

Cái cách ngó trời dè chừng của thím làm dậy nhớ trong tôi, một thứ ảo ảnh trong vắt, như thể chúng tôi đang ngồi trong một buổi trưa của nhiều năm trước. Thuở tôi còn là con nít và thím chưa già, bọn tôi vẫn hay lảng vảng ngoài sân ngó trời nháo nhác bởi những đám lúa đang phơi sắp lên mầm, nhưng vừa mới nắng ráo tí tẹo đã thấy phía chân trời mây mưa lấp ló. Bọn tôi như mấy con nai nhỏ và cộp beo thì rình rập quanh đây. Những trận mưa cuối năm thường làm cỏ tươi mà lòng nhà nông héo: hoa Tết trở sớm, mai trở chứng ra bông lênh láng, địa tát giữa chừng thì bị chìm, dưa hầu nổ tét lét...

Hồi ấy tôi cũng như những đứa trẻ quê mùa khác, được dạy nhìn trời, nhưng không phải để chiêm ngưỡng sông. Nhìn trời để canh chừng đồng củi đang phơi, sào quần áo, hay chiếc chiếu vắt trên rào. Nhìn trời để kịp đây mấy tàu lá che giàn cải non, cho mưa khỏi làm dập lá. Nhìn trời chuẩn bị máy móc tát nước cứu khát cho đám mạ non. Nhìn trời để biết lúa chín vào quãng nào mà kêu công gặt. “Con nhà nông mà không biết nhìn mây, đoán hướng gió... thì đói”, ngoại tôi vẫn thường nói vậy, khi khum khum tay che mắt ngó xa xôi, giọng như là đang nói chuyện sống còn.

Nên có đêm đầy sao ba má tôi khoan khoái ngủ ngon, cũng có đêm đầy sao in hệt, người này buộc thở dài nối vào thở dài của người kia. Trăng tròn thì nhìn coi quầng hay tán. Màu trời xanh hay tái, trong hay đục. Luộc con gà thì sẫm soi cái chân gà, mưa nắng cũng được đoán định bằng cách ấy, đừng có giỡn.

Cạo phèn trên móng chân cũng lâu rồi, tôi vẫn không biết hưởng thụ vẻ đẹp của những cơn mưa, màu của nắng và hương của gió. Có lần đi chơi, bạn chỉ đám mây vẩy cá trên đầu, kêu đẹp chưa kìa, tôi ngó theo cũng ờ ờ đẹp thiệt, nhưng nhìn xuống đồi cát có đàn cừu ốm đói đang thở khói, nghĩ kiểu này còn lâu mới mưa, những ngày sắp tới vẫn là những ngày nắng cháy, không biết tụi cừu kia có chịu nổi không. Lúc hình dung những xác cừu chết khô, tôi bỗng thấy mình và bạn đúng là đến từ hai thế giới khác. Bạn yêu những đám mây đến mức đem mây rải đầy trong truyện, trở một cửa sổ chỉ để lúc đang viết ngẩng lên sẽ thấy được mây bay. Tôi thì đánh mất khả năng tận hưởng thuần khiết ấy rồi, nghĩ cũng hơi thương.

Nhưng người đàn bà ngồi mân mê vành nón lá rách kia, đã sắp dùng hết quỹ đời của mình, mà đã được ung dung thưởng thức nhan sắc bầu trời đâu, nhất là trong những cái tháng Mười hai kỳ cục kiểu vậy.

Trời dùng đục, đục mù. Gió chướng thổi mà không hong khô được những đám mây trĩu nước. Mùa màng càng ngày càng vô chừng, như chẳng còn ranh giới nào giữa mùa này với mùa kia, chúng cứ chông chênh. Hồi sáng có mấy chị gánh ve chai ghé uống cà phê, tranh thủ mướn cái sân phơi giấy vụn đã bị ướt lúc mắc mưa trên cầu, không thể chạy trốn đâu cho kịp. Họ bị gió chướng đánh lừa, hồi nào giờ nó luôn là dấu hiệu của một mùa khô hanh. Và một đám rước dâu bằng xe mui trần chạy ngang qua nhà cũng bị lạnh đủ. Tôi đã xếp áo mưa cất vào học tủ từ tháng trước, để sáng nay từ chợ về ướt như chuột lột. Nhưng từ khi bỏ đồng ruộng sâu lưng, mưa chỉ làm tôi ướt, chứ không buồn.

Người ở lại thì buồn. Thím đang nhấp nhồm ngồi đây buồn. Vui buồn đời thím đã phải đặt cược vào ông trời, mà ông trời thì cao, thất thường. Thím kể năm ngoái sạ vụ hai, ruộng bị nắng cháy quéo hết. Nay dầy qua trồng dưa hấu, lại bị mưa. Cái kinh nghiệm nhìn trời tích lũy đời này sang đời khác để đoán định mùa màng giờ hụt hơi với sự đỏng đảnh của thời tiết. Chuyện giữa chừng thì thím cấp nống đi nói chắc là mưa, thôi về để coi đám dưa. Tôi nói không đâu thím, ở chơi thêm chút nữa, trời trong veo mà.

Nhưng cơn mưa rào hôm ấy nhanh đến nỗi đuổi kịp thím khi vừa ra khỏi thềm nhà má. Tôi nhận ra cả khả năng nhìn trời đoán nắng mưa của mình cũng bị mai một rồi. Bầu trời giờ có mà như không có.

Những mảnh nhớ cũ

Nằm dưới cái bóng của giấc ngủ vẫn còn đắm rợp, trong cơn chiêm bao mơ màng của thành phố, đôi khi tiếng rao của người sửa bếp ga, mài dao kéo... làm tôi như lại chìm lìm vào một giấc trưa nào đã cũ trên cái vồng giăng bên hè nhà ngoại tôi. Rồi thức dậy với tiếng rao vẳng lại từ doi đất tuốt đằng kia. Không thấy người đâu, chỉ nghe *Ai vá xoong vá chảo không...* là miệng tôi đã ngọt lừ rồi. Ông già đó hôm nào ngang qua cũng cho tôi cục kẹo chanh hay kẹo dừa.

Hồi đó tôi bảy tuổi, được làm bạn với những người dầm dãi rày đây mai đó như ông già vá chảo nhờ khoảng sân nhà ngoại mát rượi bóng cây và gió sông. Bà ngoại còn kê bộ vạc cau ở hàng ba cho người qua đường nghỉ chân, trên đó để sẵn ấm trà, bình thủy nước đãi khách bộ hành. Cả cái khạp nước mưa ngoại đặt sát bên đường nữa, đã làm nên một khung cảnh ấm áp thân tình khiến ai cũng muốn tạt qua nấn lại đôi chân mỏi; làm chỗ gặp nhau của những người hành nghề lang bạt, những anh bán ve chai, cà rem cây, kẹo kéo, cốm ngào đường...

Những câu chuyện góp nhặt từ nơi chốn họ qua đã làm cho cuộc sống thôn quê trở nên sống động. Không cần đi đâu, bà ngoại cũng biết vụ cháy kho xăng, xóm ngoài có vài đám cưới và miệt nào đó xảy ra vụ cướp cô dâu. Những chuyện tào lao theo gió bay đi, đôi khi bà ngoại tôi còn giữ lại được vài bài thuốc hay, vài kinh nghiệm làm ruộng rẫy cũng hay, vài món ăn mới... Trẻ con thì mê những chuyện đường xa ly kỳ kiểu như dừa tám ngọn, rắn hai đầu... mộng giang hồ nhen lên trong trái tim non nớt. Quẩn quanh bên họ riết rồi tôi thuộc lòng luôn giọng của từng người, dù vắt vẻo trên cây khế hay đi thăm lới ngoài vườn, nghe tiếng rao ời hời vẳng lên trên những tầng lá thấp, là biết ai sắp đi ngang nhà, và đôi chân cứng quèo rần rởi đó đã qua khúc quanh nào trong xóm. Tôi không biết họ từ đâu đến, sau lúc nghỉ chân ở thềm nhà mình họ sẽ đi đâu, những đôi chân đó tiếp tục lặn lội đến đồng sâu, đến xóm vắng nào... nhưng tôi hình dung họ đi một vòng tròn xa lắm, để năm mười bữa sau họ lại quay lại, và tôi mừng như những người thân ở xa về. Họ cũng nhận ra tôi trong một chòm con nít đang chơi, để cất tiếng rầy rả, "Ê nhỏ, phơi nắng quá chừng coi chừng bệnh..." hay như ông già vá chảo giả vờ băng quơ, "E hèm, có cục kẹo mà không biết cho ai đây?". Ông chú bán cà rem còn hứa hôm nào đó ông dẫn về Sa Đéc ăn trái cây mệt nghỉ, "Thằng út tao ngon lắm à ghen...".

Giờ nhớ những người cũ bỗng nhớ luôn nghề cũ, phát hiện ra hồi ấy chắc nghèo lắm, nên thứ gì cũng vá. Nên có mấy ông hành nghề vá nồi niêu xoong chảo, vá lu khạp, vá dép, vá chài... Nên bà ngoại thỉnh thoảng lại kêu tôi đón chừng ông Ba, ông Bảy, ông Mười Một để vá vài món trong nhà, đã rách. Đến nỗi cái chum da bò mà cũng vá thì nghèo thiệt, xưa tôi không nhận ra nỗi ấy vì cả xóm ai cũng giống ai, cũng mái lá và áo vải, cũng có vài món rách trong nhà đợi mấy ông thợ ngang qua.

Mùa rách vá nên có những người rách đi vá víu cho người rách. Đồ nghề đa phần là tự chế, lỏng chỏng trong cái bị bàng, một nửa vốn liếng còn lại được góp bằng đôi chân lặn lội dẻo dai. Sinh lầy xóm trên được họ mang đi xóm dưới bằng những kẻ chân trần. Già nửa năm xóm làng bị cô lập vây bủa vì những cơn mưa mùa, một tiếng rao của đội bộ hành bán hàng và vá víu cũng làm xao động bởi cái ý nghĩ, chúng tôi không bị bỏ quên. Chắc cảm kích việc đó, ngoại tôi vẫn thường dúm cho họ nải chuối xiêm, hay trái dừa khô, mớ khế ngọt hái trong vườn, nói "Gởi cho mấy nhỏ ở nhà...".

Tôi chỉ hơi quạu nếu ngoại tặng gì đó cho anh vá dép. Anh này biết bao lần làm tan nát tim tôi. Bằng một cách rất tầm thường: lấy que sắt vùi vào cái lon sữa bò chứa một cục than cháy thiêu thiêu le lói, anh cắt miếng mủ đắp lên chỗ dép đứt rồi dùng sức nóng của que làm miếng mủ tan chảy ra đắp lành một vết thương... và giấc mơ được sắm dép mới của tôi thành mây khói.

Đồ nghề của người ta thì đinh vít, búa, khoan..., anh vá dép hơi khác thường ở cái lon giữ lửa xỏ quai xách trên tay, đi qua bao nhiêu hiu hắt mưa gió. Có lần chơi ác tôi hắt nước cho tắt ngúm, dì ai ngại kêu anh vô bếp trả lại chút tro, than. Chỉ vậy thôi mà anh bồi hồi. Anh luôn đi qua nhà

vào những ban trưa, lúc cơm nước đã xong ngoại và dì hay ra ngoài hiên trước đương rổ, chằm lá, hay sàng gạo... Tạt vào uống nước. Ngồi thật lâu. Ngó thật sâu. Không nói gì. Chừng ngoại đặng hăng người mới dợm bước đi.

Sau hôm đám hỏi dì, có trưa tôi đồng đưa trên võng nghe Lệ Thủy ca thì dì nạt bảo tắt radio đi. “Hình như ai rao vá dép kìa”, dì thảng thốt. Nhưng không có ai hết, ngoài khói nắng gòn gợn. Anh vá dép không đi ngang nhà ngoại nữa vì biết từ giờ người ta không cần những mảnh vá của anh.

Mới đây bấy mỗi trở lên đánh úp từ đáy tủ đã tiêu hóa sạch thời con gái của dì – mấy cái hình trắng đen chụp nghiêng, xoắn tóc. Có nghĩa đã mất luôn bằng chứng cuối cùng rằng bà già kia từng là một mỹ nhân. Tôi bảo không sao, tuổi thanh xuân của người đàn bà thường được lưu giữ trong ký ức của những người đàn ông. Không tin hỏi ông vá dép.

Nhưng biết tìm ở đâu?

Tôi đã về Sa Đéc ăn trái cây trừ cơm, nhưng không phải với ông chú bán cà rem có cái vai lệch đi vì quảy nặng, có thằng con “ngon lành” trạc tuổi tôi. Đứa - bé - tôi đã làm mất biệt những người bạn giang hồ ngày trước, không dấu vết, dường như không có cuộc chia tay chính thức, không một hẹn hò nào. Mỗi lần về ngoại ngồi ở thềm trước lại nhớ họ từng ở đây cho đỡ đôi chân mỏi, họ cho mình kẹo, họ gãi lưng xoắn tai cho, họ thắt cào cào chim sâu bằng lá dừa, chép bài ca vọng cổ tặng mình...

Giờ có đi ngang mặt nhau hay đứng cạnh những người bạn đó, chắc tôi không còn nhớ. Chút manh mối chỉ còn ở một tiếng rao, *ai... vá... không*. Nhưng từ tôi không rách nữa, những người vá vúi của một thời vá vúi, đã xa.

Và tiếng rao của anh sửa bếp ga, ông già mài dao kéo dao... của trưa nay một ngày nào đó không còn nữa, chẳng biết sẽ có tiếng rao nào khác để đánh thức ký ức tôi, về những người xa, những nghề xa đã từng đi qua đời mình...

Rơm rạ xốn xang

Tôi đã sống trọn một ngày ở thành phố xa lạ đó. Một ngày, đủ để tôi không còn bất ngờ nếu thấy giữa những tòa cao ốc bỗng có mấy ngôi nhà kiểu cổ với những diềm mái cong lên, không ngạc nhiên khi đang đi trên con đường xe cộ tuôn trào gầm gào bất chợt rẽ vào ngõ hẻm, bất chợt vắng lặng, hanh hao với những hàng rào gỗ, những dây leo, bầy chim sẻ ríu ran trên mái rêu. Đủ bình thản cho tôi, khi ngồi nhìn mấy cậu nhóc nhảy loi choi đọc Rap trong buổi tưởng niệm một nhà thơ nổi tiếng, sau tiết mục ngâm thơ, biểu diễn đàn gayageum... Cả khi lần theo những bậc thang gỗ từ căn phòng lưu giữ những kỷ vật, bút tích của nhà thơ xuống một không gian tưởng niệm khác, dường như tôi đã rất dừng dừng. Nhưng không hiểu sao tôi lại thảng thốt, “Má ơi! Rơm rạ!” khi đẩy cửa bước vào.

Trong cái khoảnh khắc đó, tôi quên mình đã ra khỏi biên giới hàng vạn dặm, quê nhà đã quá xa. Không cầm lòng được, bởi vẻ đẹp của những sản phẩm, mô hình tinh xảo được làm bằng cọng rạ sợi rơm được trưng bày ở đây. Những đàn trâu, bầy khỉ, em bé, cụ già, ngôi nhà, đôi giày nhỏ... nằm ngồi lữ lượt trong những gian tủ kính lấp lánh ánh đèn. Không cầm lòng được, vì rơm rạ quê mùa quá đẹp, nhưng ráo hoảnh, buồn thiu.

Nơi này khác với cái bảo tàng rạ rơm mà tôi đã từng đi qua, là cả một cánh đồng thênh thang gió nắng. Một cái xóm nhỏ ngó ra con kinh nghiêng chắt nước lên đồng. Không gian sống động đến nỗi có thể cảm nhận được mùi hương của bông súng nở trong đĩa, tiếng con chim tu hú gọi bầy tao tác, cá quẫy dưới vầng bèo. Trên bờ vườn, dưới ao, mấy bầy gà, bầy vịt ta thông dong bới tìm mồi trong rào sậy. Những con vịt ơ hồ, lười nhác, hay co một chân lên ngủ vật ngủ vờ, bỗng một bữa lẳng xằng kêu hoai, chúng cảm giác mình sắp được tự do ngoi quẫy trên đồng, bên những chân rạ còn ứa nhựa, sắp được vục cái mỏ dài vào những ụ rơm tươi. Mùa gặt.

Mùa máy suốt lúa được đẩy xùng xèng dài theo xóm. Nó cắc có thổi rơm vương những nhánh cây, tạo thành những cái hốc, làm chỗ cho đám con nít chui ra chui vô. Nơi đó ấm áp, thơm tho đến nỗi có bữa một đứa ngủ quên, báo hại cả nhà nó phải nhảy xuống ao mò kiếm xác, có bữa đang chiêm bao, bỗng dựng nghe lưng áo ướt đầm, thức dậy mới hay cái ụ rơm bị tuột xuống mé kinh, dập dềnh. Thì có sao, đứa nhỏ nín thở mấy bụi cỏ ống, lớp ngóp lội lên.

Đứa trẻ đó không bao giờ lớn, cũng chẳng đi đâu, cứ quanh quẩn trên những đồng rơm mùa hạ cùng với bầy trẻ khác. Chúng nhào lộn, chúng nhảy từ trên đỉnh xuống bãi rơm nằm tràn ra đường đi, chúng phủ rơm lên người nhau, nói cười nắc nẻ... Lúc nào đi qua miền thương tưởng rạ rơm, cũng thấy tụi con nít với cuộc chơi không bao giờ chấm dứt. Cuối Chạp, những cây rơm đã dễ dặt, xạm màu nắng, không còn hấp dẫn nữa, đám trẻ kéo ra đồng, chạy nhảy cuồng nhiệt trong những cơn gió trời cuồng nhiệt. Buổi xế tắt vũng kiếm cá, đào hang bắt chuột, cuối chiều thả diều trên những chỗ ruộng gò, nước đã kiệt chỉ còn tro chân rạ. Tôi ngồi ở một bờ mầu nào đó, bấp chân nhột ran vì những cọng rạ chọc ngoáy, nhìn theo một đứa giống hệt tôi hồi nhỏ, cả nước da đen, cái xương vai nhô lên bén ngót, gầy guộc, cả cái tính mau nước mắt khi điều đứt dây bằng xuống chân trời.

Tôi đã gặp đứa bé đó suốt miền rơm rạ, những chiều nó lẳng xằng rải rơm đầy giồng cải mới gieo, những khuya gặp nó đi coi ti vi ké ở nhà hàng xóm về, một mình trên con đường rập rờn cỏ hoa và bóng tối, con cúi vắn bằng rơm trên tay đỏ rực, những tàn đóm lóe lên rồi hui hút bay trước khi lịm tắt đi. Có lần tôi thấy nó đứng kể bên một chị con gái tóc dài đang ngồi dõng dãi lựa những cọng rơm dài, nó cứ kéo tay chị, òn ỉ, “Làm cho con cây chổi nhỏ đi, đi mà, Út!”. Tôi ngó người đó cấn cọng dây giữa cặp môi buồn để riết chặt cái cán chổi, thấy chị sao mà giống một người thân, buột miệng kêu “Dì! Dì ơi!”. Nhưng tiếng kêu tôi đã bị tiếng reo của đứa bé đang chầu hầu ngồi chờ làm bật mất, cây chổi nhỏ xíu đã được bó xong rồi. Ngay lập tức, nó

hơn hờ xách đi quét bộ ván ngựa, vài hạt lúa lép trên cái chổi mới vương lại lỗ thủng chỗ một ăn.

Người con gái, bộ ván, vách bếp treo một hàng chổi rơm đều tắp... cho tôi một cảm giác kỳ lạ, như thể tôi chính là đứa bé kia, như thể tôi đang sống ở đó. Không có một chi tiết giả nào trong không gian thương nhớ rơm rạ này. Tinh tế đến mức, qua một ngày nắng gió, những sợi rơm lại se khô một chút, lại vàng sẫm hơn một chút, lại giòn hơn một chút. Sang tháng Ba thì rạ ngoài đồng đã khô quéo cong, đứa bé kia lúp xúp theo cha nó đi đốt đồng. Ngọn lửa nhỏ run rẩy trong tay, chẳng mấy chốc cơn lửa chạy lan đi. Khói từng bầy dùng dằng tan tác trong những cơn gió rồi bờ cõi mùa. Đứa bé đang thắc thỏm cho mấy con dế than dế lửa không biết có chạy kịp không thì đám bạn nó ở ruộng bên kia réo qua ăn chuột đồng nướng rạ.

Mưa đầu mùa ào tới khi khói vẫn còn vương vất trên những thửa ruộng khô. Sa mưa, rạ rơm sống một cuộc đời khác, của những hóa thân. Rạ hòa trộn vào bùn nhão nuôi dưỡng những mầm lúa xanh muốt. Bầy gà tìm trùn đất, bươi đồng rơm ướt vung vãi ra sân. Đồng lúa lép, bụi nhùi mấy con vịt xiêm đã sục sạo suốt một mùa gió chướng, bỗng mọc lên mấy chòm lúa mỏng mảnh, xanh xao. Tôi lại thấy đứa bé có khuôn mặt quen trốn ngủ dầm mưa hái những cái nắm mọc theo mảng rơm mục rã. Những cái nắm còn tròn như trứng chim, chỉ qua một đêm đã giương chiếc dù nhỏ xíu, thấp tè.

Giữa mùa mưa, những bãi rơm đã ngả màu của đất, hoặc chúng hóa thân vào đất. Nhưng tôi vẫn nhìn thấy sức sống của rơm rạ trong cái nách lúa đã trở đồng đồng, trong giồng gừng, giồng bạc hà mướt lá... Cái màu vàng ngày cũ đã tự cháy để tái sinh vào màu xanh rươi của cỏ cây. Tôi không mấy may tiếc, vì biết khi những ngọn gió ráo tạnh trở về cái xóm nhỏ này, lại một mùa rơm rạ mới.

Tôi lại ngồi ở chỗ bờ đất tươi thơm, lại gặp những người quen đi lại thẩn thơ. Có anh Kim Ba ngồi ở bộ vạt cau trước nhà ai run rẩy viết mấy câu thơ *"Mẹ xin rơm gánh về phơi nắng. Phơi nỗi lo trong rừng rục trưa nồng..."*, đi một quãng gặp ông già Bắc Sơn râu tóc trắng gồ đưa lên miệng chén ca *"Nắng hạ đi, mây trôi lang thang cho hạ buồn coi khói đốt đồng để ngậm ngùi chim nhớ lá rừng..."*, và một chiều tôi bờ cõi khói rạ, người đàn ông đứng cạnh tôi đọc khẽ mấy câu thơ *"Gió phóng túng thổi trên đồng bát ngát. Gốc rạ phơi vàng nghệ giữa trời..."* Tôi hỏi ông tên gì, ông cười, Diệp Minh Tuyên. Qua cái bờ tre cong muốn vẹo lòng, gặp một người đang cúi lạy trước rơm, hỏi sao làm chuyện kỳ cục vậy, người này cười, "Cả đời tôi muốn được sống thanh thản mà mãi liệt hết mình như rơm rạ...", định hỏi tên thì người bỗng hát vống lên bằng cái giọng tẻ dễ sợ, *"Em là tôi mà tôi cũng là em"*. Và trên những con đường, mé mương, bờ ruộng, tôi thường gặp lại những người bạn thuở thiếu thời, ai cũng thơ thẩn theo chân một đứa bé giống hệt mình, hồi nhỏ.

Họ cũng tới miền rơm rạ bằng một sân ga bí mật nào đó giống như cái ga Chín – Ba Phần Tư trong thiên truyện Harry Potter, như tôi. Đưa tôi đi đôi khi là một cơn gió chướng lạc bầy se sắt lạnh, đôi khi là mấy cái nắm rơm nằm héo hon trong rổ nơi góc chợ, có khi là bà già bán dạo chổi rơm đi liêu xiêu trong khói nắng... Một bữa đón con ở trường về, đi qua cây so đũa rụng bông trắng xóa ở góc đường báo tin mùa rơm mới, tôi buồn bã nhận ra không một sân ga, chuyến tàu, cánh cửa nào cho thằng con mình đi đến cánh đồng tháng Chín xôn xao rơm rạ cùng mình.

Con tôi chỉ có thể loanh quanh trong căn phòng chật, mòn quần với đồng đồ chơi nhựa, với câu chuyện cổ tích tôi gửi lại. Quá nhiều cổ tích, về miền rạ rơm đã mất, những mảnh đất, vùng trời đã mất, những người anh hùng đã mất...

Ý nghĩ đó làm tôi muốn khóc.

Mùa phơi sân trước

Hồi con nít thích đi xe đạp về nhà ngoại bằng con đường xóm cặp mé sông Rạch Rập. Đường đất dầm dãi suốt một mùa mưa, chừng gió chướng thổi về mới ráo tạnh bùn lầy. Đến Chạp thì những chân trâu cũng bị bồi xóa hết, có thể đạp xe thông dong mà đã đời nghiêng ngó.

Mùa Chạp đi bảy cây số không nghe mỏi. Gió chướng khoác lên làng mạc một vẻ mơ màng, đường uốn lượn theo sông, và dòng chảy đỏ thắm suốt thoắt ẩn thoắt hiện sau những lùm cây hoang dại. Dọc đường thấy Tết lấp ló khắp nơi, trên sân nhà người, trên những giàn phơi.

Người nhà quê hồi mình con nít toàn người nghèo, sân nhà quê hồi ấy cũng rất sân đất, nên nhà nào cũng cắm cái giàn trước nhà, suốt sáu tháng mưa sân chìm trong nước cũng có chỗ mà đem phơi củi, hay gối, chiếu. Những ngày hừng nắng trên giàn luôn có thứ gì đó ngóng nắng, khi cắm mốc, khi thì mớ bột gạo thừa trong lúc làm bánh, khi thì mớ cơm nguội hay mớ lá dứa khô dùng để nhen lửa, mấy trái đậu bắp già làm giống cho mùa sau... Phơi trên giàn mọi thứ khô mau, vì nắng ngun ngút trên mặt, gió lộng phía lưng. Những nhà có sân rộng người ta còn phơi lúa trên giàn, lúa khô đem vô bồ được mấy hôm đã thấy trên mặt sân xấp xỉ nước lúa rày đã lấm tấm xanh. Qua nhà nào có trẻ nhỏ gặp những tấm chiếu manh con con nằm uống nắng.

Càng gần về cuối năm giàn phơi càng bận rộn. Dầu dãi oằn mình suốt năm, giờ trên giàn bày ra những món ngon chuẩn bị cho cuộc hội hè. Bánh phồng vừa quét xong, củ kiệu mới trộn đường xong, mứt gừng mới ngào nửa lửa... thứ nào cũng ưa nắng. Nhưng cá khô mới là ưa nắng nhứt hạng, mới cần thứ nắng rờn rờn như thấp lửa, thứ nắng như cháy trên đầu. Mùa Chạp cá làm đĩa người ta lớp rong lớp làm mắm để ăn dần dần cho tới mùa lúa sau, mớ xẻ làm khô ăn Tết. Mùa đĩa kéo dài cả tháng nghĩa là lúc nào giàn phơi cũng đầy những con cá nằm nhuộm nắng cho đỏ au da thịt.

Mùa Chạp thể nào cũng gặp người ta ép chuối khô. Chuối xiêm chín cây sẵn ngoài vườn, lột vỏ phơi một nắng, rồi đem ép mỏng. Không như cá khô rủ rê bọ ruồi nhặng đến mức phải đốt nắm nhang cắm nơi đầu gió để xua đuổi chúng, mật chuối thơm ướt rượt chỉ mê du quyền rũ lũ ong. Kéo tới dập dìu, lảo đảo bay đậu như say, những con ong sa đà ở giàn phơi cho đến khi những miếng chuối ép mỏng bắt đầu khô quắt, vàng óng như vừa nướng trên than hồng. Chuối phơi đủ nắng có thể ăn tới ra Giêng, mật lặn vào trong vừa ăn vừa tợp miếng trà, hoặc ngào qua với khóm, me... đem dầm nước đá uống cũng ngon thấu trời.

Vậy là nước miếng mình ứa ra, trên từng mét đường về nhà ngoại. Tâm hồn mệt nhoài với những món ăn cực kỳ mời gọi trong sân thiên hạ. Đang thèm tô cơm nguội chan nước dừa ăn với khô lóc nướng thì bỗng nghĩ giờ phải có thịt kho Tàu để ăn với dưa kiệu nhà kia, rồi cái hủ mắm tép dầm nắng sát hàng rào làm mình nhớ nhung chuối chát, khế chua cùng với gừng xắt mịn thì mâm mứt tắc đỏ au đằng kia làm mình lịm chết một cách lìm dim như tội kiến.

Chân rõ ràng không mỏi, nhưng tâm rã rời, cứ chạy theo đeo đuổi miết trên những giàn phơi. Hụt hơi, chơi vơi. Có lần về nhà kêu má Tết này làm những món này này, những món mà mình nhìn thấy mang theo trên suốt chặng đường từ nhà ngoại về. Má cười, “Người ta có đâu có nghĩa là mình phải có”.

Mình dại hơn cả tuổi mười ba, không hiểu câu đó mấy, nên vẫn muốn má bày thật nhiều thứ trên giàn phơi nhà mình, chớ không phải còm nhom chút dưa kiệu, dưa hành, chút chuối khô... Nên Chạp sau mình vẫn nhắc, má lại nói ta đâu cần phải có cái mà người ta có.

Cũng may qua mỗi Chạp mỗi mùa phơi mình mỗi lớn, bài học của người của ta má không nhắc

nữa, mình bồng bâng quơ nhớ. Nhận ra trên giàn cũng phơi những thân phận người. Ngó qua khoảng sân đã rợp những cây mồng gà, vạn thọ biết ai ăn Tết lớn ai chịu đìu hiu, như ngó qua cái sào phơi quần áo biết nhà ai đông nhà ai đơn chiếc, ai khá giả ai nghèo. Nắng gió khiến mọi niềm vui nỗi buồn bày ra như một cuộc diễu hành, không che giấu khách qua đường. Căn chòi của bà già chèo đò hay chở mình qua sông trống mải, cho đến ngày cuối Chạp bồng trên đồng củi có phơi vài tàu lá chuối, biết tối nay trên sân nhỏ bà sẽ ngồi canh nồi bánh tét đến giao thừa. Mình bồng nghe nhẹ nhõm khi nhìn theo bóng nhỏ đưa chiếc đò về bên kia sông.

Chật vật mấy, cuối Chạp cũng có cái đem phơi, đem nhuộm nắng, cũng có bụi bông vạn thọ, và bông trang, bông lồng đèn nở rực rỡ trên rào...

Sa mưa

Không khí ướt đầm vì mưa suốt đêm qua. Chợ xem xếp nước. Người mua vắng ngắt. Kẻ bán trùm cao su im lìm như tượng trong làn mưa mờ đục. Gió như tiếng thở dài.

Út Chín vẫn ngồi nép bên hông tường của quán cà phê, ngay đầu hẻm. Gối ép vào ngực, tay bâng quơ ngắt lá rau úa. Dáng ngồi không đổi, hết như lần đầu tiên chị gặp nó, ở chỗ này. Chị nhớ, lúc đó, chị mừng quýnh, kêu giật giọng, “Ê, Út Chín!”. Con nhỏ thẳng thốt quay nhìn. Và sự ngỡ ngàng, vui sướng trong mắt vụt tắt, nó cụp xuống, nói chị lầm rồi, tuí không phải Út Chín.

Không, dù con bạn bây giờ gầy gò quay quắt, dù khuôn mặt đã đen đúa sứt sẹo, dù nó không nhìn nhận, chị chắc chắn nó là Út Chín. Con nhỏ ở trong xóm ngoại chị ngày xưa, đã cùng chị rong ruổi qua miền thơ dại. Đã cùng chị hái trái ô rô, đước, hái bông tra, bông lồng đèn... để chơi nhà chòi. Buổi trưa hai đứa trốn ngủ chém vè ra nhà xuống búng thun. Có dạo hai đứa bỗng dựng mọc ghề, bị cạo đầu trọc lóc, cứ nhìn nhau hết khóc rồi cười. Có lần hai đứa đi kéo tép ở hào ranh sau vườn, xón xác không thấy ổ ong đeo trên nhánh bình bát, Út Chín bị ong nghệ tủa ra bu vàng đầu, chị nhào lại dìm nó xuống nước, kéo chạy lên bờ. Bút cọng môn nước chấm vào những chỗ ong chích để lấy nọc, con bạn khóc vì đau, chị khóc, cũng vì đau.

Nhưng giờ Út Chín cúi đầu chối phắt, chị đành quay đi. Bỗng chị nhìn mình, thấy ngọt nhạt vì đôi giày cao gót, quần màu kem sang trọng làm nổi bật chiếc áo hồng. Chân bước chần chừ, chị nghe loáng thoáng tiếng Út Chín, như đang phân bua với mấy chị bạn hàng, “Em nghèo quá...”. Chị nghe ruột xót cồn cào. Chị quay lại chỗ Út Chín, mua bó rau, ngổn ngoen nói mình lầm. Chị sầm soi chẻ rau xấu rau già, chị cò cưa mặc cả.

Buộc lòng. Để Út Chín có thể còn ngồi bán ở chợ này. Để mỗi ngày, chị được nhìn thấy bạn. Để đau lòng nhận ra, nó nghèo thật, nghèo quá (Có lẽ con nhỏ vẫn nghèo y như hồi cùng chơi chung, nhưng chị thì đã khác xưa rồi). Cái áo khoác ngoài lấm lem mủ chuối, đôi bàn tay gân guốc, những đầu móng tay còi cọc đen thui vì nhựa rau muống, bàn chân nhọt nhọt, tái xanh trên đôi dép Lào mòn vệt dềng gót. Tất cả những cái đó nói chung một thứ ngôn ngữ: “Tôi nghèo!”.

Và trên chiếc thúng đựng rau bung vành, cái cân giá đã mòn khía... một cuộc mưu sinh tần tảo ngày ngày thầm lặng đi qua. Nửa đầu mùa hạn thì mớ rau đắng đất, lộn rau muống chị mua còn xanh, sau đi qua Út Chín thấy mặt bạn trĩu lo âu bên mớ rau già, teo ngắt, đỏ au, nách lá ra bông. Chị biết, để tìm hái mớ rau đó, Út Chín đã rong ruổi cả vạt đồng, tìm những đợt rau ấy mọc len trong cỏ ống, theo bờ mương, bờ ruộng đã sắp khô. Quá nửa mùa, Út Chín bán những con cá giăng lưới hay câu được, rồi sau chỉ thấy trong thau chắt những con chuột đồng đã được lột da. Chị biết ao, vũng ở quê đã kiệt nước rồi.

Điều đó có nghĩa việc kiếm sống của Út Chín nhọc nhằn hơn. Có những bữa đi làm về, chị thấy nhỏ bạn vẫn còn nấn ná bên mớ bắp chuối, năm ba trái bình bát chín dưới nắng trưa đỏ lửa. Chợ tan rồi. Mà chị thì chẳng thể làm gì, chỉ có thể diễn mặt lạnh tanh, nhón ngón tay lặn tới lui mấy cái bắp chuối con con. Thoáng thấy cái nhìn tần ngần, day dứt, lăm lũi của bạn, chị bậm bụng hỏi, “Bớt không? Năm bắp bốn ngàn nghen?”

Rồi mùa hạn nặng nề đi qua. Sớm nay sa mưa. Chị xách giỏ qua chợ, ngó Út Chín bỗng nhớ nao nao Út Chín. Nhớ cũng quang này, hai mươi năm trước, chị với Út Chín rủ nhau đi mò rau muống chìm đĩa, những cọng rau nằm dán dưới đáy ao, nước lên rau cũng cố vượt lên theo, cọng non nhứt, trụi lủi, chẳng cái lá xanh nào. Nhớ hai đứa đi chặn bắt những con cá rô ốm nhằng mình đầy nhọt đi loăn quăn trên liếp chuối. Nhớ cùng nhau đi bắt ốc lác trên đồng, ướt đầm đĩa dưới mưa nhưng nụ cười vẫn nhoen ra trên đôi môi tái nhợt, cái cười ảm như than đang bắt lửa...

Sớm nay, vẫn dầm chung cơn mưa, nhưng chỉ thấy trong nhau những bề bàng. Có một khoảng

cách vô hình không với tới được...

Chợ nhóm bên đường

Giống như đồng lửa rơm nghi ngút khói bên đường, những cái chợ nhỏ làm ấm lòng kẻ rong ruổi trên những con đường đầy bụi và sương, nắng và gió.

Chợ lúc nào cũng nhóm ngay đầu cầu, trước cơ quan xã hay đầu cổng đá vào xóm kinh. Như người phụ nữ chân quê, chợ nhỏ nhoi, hiền hậu, trầm tính dịu dàng. Mấy rổ hàng con con, mười người phụ nữ tay lấm áo lem ngồi với nhau là thành chợ, đông nữa, hai ba mươi người cũng gọi chợ. Không cần lặn lội khuya lơ khuya lắc như đi chợ thị xã, cứ chờ cho sáng ra, bắc nồi cơm lên bếp cái đã, rồi đứng đỉnh xách hàng ra chợ. Đã hiểu nhau về hết thấy nỗi nhọc nhằn nên người mua không nặng nề mặc cả bon chen, người bán cũng chẳng đánh đá chua ngoa như kẻ chợ, hình như chợ họp chỉ để trao đổi, san sẻ với nhau những gì mình có. Bán đi những trái dưa khô để mua lại mớ rau càng cua về trộn dầu giấm chấm mắm kho, bán mấy trái khế qua đấng để mua ít đỉnh cải bẹ xanh về nấu với mớ cá rô mề mới giăng lưới được sáng nay. Cả cá, cả rau, cả trái đều bán theo mớ, hiếm hoi lắm có dĩa có được cây cân đòn loại nhỏ, trái cân lò dò đặt trên cái đòn đã mòn những khía, tổ con mắt cũng không biết số ký nằm đâu. Ôi, có hề gì chuyện nặng nhẹ đồng đo, lòng người ta tin nhau đầy ắp kia mà. Buổi sáng sao mà dậy mùi thơm nồng hăng của rau húng lủi, húng cây, rau cần nước, cần rừng. Bày ra đó, không phải chăm chăm trông chừng hàng hóa, chị em chụm lại rôm rả với nhau chuyện chồng con, chuyện làng xóm, ruộng lúa, vườn cây... (chuyện xóm quê mà, nói biết chừng nào cho hết). Thành ra chợ không chỉ bán gà, bán cá, bán rau củ trong vườn nhà mà còn gửi gắm thông tin cho nhau nên chợ ít người mà vui, mà thấm đượm nghĩa tình cũng vì lẽ đó.

Chợ không chỉ độc đáo vì cái bản sắc bình dị, nó còn độc đáo ở những mặt hàng mà nó bày ra. Thì mớ tép rong ôm một bụng trứng xanh rờn còn ướt rượt nước mới cất vó từ dưới kinh lên đó, thì mớ cá lòng tong, lìm kìm, cá mè con con nhảy tung nhảy tóe, nhảy đến tróc lớp vảy óng ánh ra, thì kìa, rổ trái giác trái tròn tròn, bóng mẩy như viên đạn cu ly, rồi những cong nằng trắng muốt thơm ngai ngái mùi bùn, mùi nước trên đồng... Những thứ này, ở thành phố có thềm cũng chịu thua, có lang thang hết chợ này sang chợ khác tìm kiếm tảo tần chưa chắc có.

Trên những con đường mới mở còn lơ thơ nhà, lơ thơ hàng quán, đi một đoạn xa ời là xa, thềm hơi người thì gặp chợ, hỏi làm sao không vui. Qua chợ bên đường, lòng nghĩ, thôi, làm như mình chưa biết gì về luật giao thông, không nhóm chợ nơi đây thì nhóm ở đâu bây giờ, đường sá chờ mấy mươi năm mới có, phải kéo nhau ra đó ngồi buôn bán, phô bày bộ mặt tươi mới của nông thôn, tiện thể dòm xe qua xe lại cho vui chớ. Bây giờ có kéo nhau xuống đập dưới kia mà nhóm chợ, anh bạn mình làm sao mà trông được cái cổ cao cao, cái cười giòn tan, tươi tắn của cô nhỏ bán hàng, rồi nhớ hoài, nghe ngọt ngào hoài? Thì ra giữa những quãng đường xa ngái, chợ còn có nhiệm vụ là nhóm lên một bếp lửa đời, cho cuộc hành trình bớt xa đi.

Tôi lần nào qua chợ cũng giật mình, làm như gặp lại người nào đó, mà lâu lắm rất quen nhau. Hình như má, hình như chị, mà hình như giống hệt mình đang ngồi đó, quanh mình ngọt ngào buổi sớm mai trong.

Gió mùa thao thức

Những ngọn gió tháng Mười ráo khan đã thổi về rạch Mồ Côi. Không ngủ được, má dậy sớm nấu ấm trà mang ra chòi vuông cho ba. Má biết, cứ này ba cũng đang thao thức.

Thức, vì đêm nay kỷ niệm chợt theo gió về kinh hải. Nghe gió, tưởng bên ngoài cửa chòi, lũ cá rô đang đớp mống dưới trăng giật mình quẫy chum. Nghe như tiếng những cây dao yếm mần

cá chặt đều trên mặt thớt mù u. Nghe phảng phất mùi tanh tanh của khạp cá muối chưa chao nước mắm... Tháng này năm ngoái, rạch Mồ Côi vào mùa đìa, mùa thu hoạch cá đồng lớn nhất trong năm.

Ừ, năm ngoái, cũng gió này, nước trên đồng cạn dần, cá nhà ta già từ hết mùa mưa rày đây mai đó, già từ những bữa ăn ngon trên chân ruộng, chân rừng, buồn tình rút xuống mương, đìa, ca “la la la, ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục cũng ao nhà...”. Thấy cá ục sôi dưới đìa, mắc nôn nao trong ruột. Hai ông bà không ngủ được, nghe cá lóc táp phập trên mặt nước, tiếng gợn hồ như dừa rụng, ba nói, “Con này cả kỷ lô ghen, bà”. Má cãi, “Hong tới đâu đó ông ơi, chừng nửa kỷ là cùng, cá lóc táp nghe hờm vậy chứ”. Ba cười, “Già đầu rồi, hong lẽ tui cãi qua cãi lại với bà như con nít”. Rồi má châm một bình trà đậm, bùng lại chỗ cửa sau, rủ ba ra ngồi. Vừa tráng nước nóng mấy cái ly, má hỏi, năm nay ông tính cỡ nào thì xuống lưới?

Thấy đằng xóm làm đìa, má nôn nên hỏi vậy, chớ má biết, năm nào cũng chờ cận Tết, chờ đám con cháu về đủ. Chúng nó bôn ba thành thị, chen chúc nhọc nhằn ở đó cả năm rồi, chừng về, phải đãi cho tụi nó mấy bữa cá đã đời.

Ba má làm nông dân cả đời, nghèo lắm, chỉ có chút này làm niềm vui lớn cho con. Ở thành phố, đám con cũng đủ đầy, nhưng chẳng bao giờ được sống đầm ấm như vậy, được đứng ngồi quây quần, rồi rít với nhau ngoài bờ chuối, bờ dừa mát rượi, khói tỏa quanh, nồng nàn, khung cảnh vẫn như ngày chúng lên tám lên mười. Coi cái cách ăn của con, ba má mừng chúng vẫn chưa thay đổi, tánh ý hồi nhỏ sao giờ vậy. Thăng Hai với con Năm mê cá lóc, khoái thấu trời món cá nướng rơm chấm muối ớt kèm rau húng lủi, bắp chuối non. Hai đứa nói với nhau, “Trời ơi, mùi khói này nó thơm, ngọt làm sao đâu á, nghe như đang ở giữa đồng lúa quê mình, như hồi còn đi dân cù bắt chuột hén anh”. Thăng Ba ngồi ở một góc khác lặng lẽ, chắt lưỡi hít hà với mấy con cá trê vàng nướng, nó ngồi trở cá, mắt lom lom vô con cá bóng nhẫy, mỡ nhỏ xèo xèo trên bếp lửa, tô nước mắm gừng để tum hum trong lòng. Con Tư chê cá rô, cá trê, ghét cá lóc (hồi năm tuổi, nó nhào vô cái lu đang rọng cá nên bị cá lóc phóng trúng, con mắt sưng như trái ổi, xanh dờn), nó lằng xằng làm cá sặc nấu cơm mẻ, nó nói cái tạng nó nghèo khó, nhần nhó nên chỉ hợp với cá sặc thôi. Anh chi nó cười ha ha ha, ui cha, ba má ơi, nó nói vậy chớ ở thành phố bây giờ ăn cá sặc là sành điệu lắm, nhiều bữa, muốn ăn cá sặc kho sả ớt mà kiếm không ra, thèm muốn rót nước mắt luôn vậy đó. Má ngồi nhìn con cháu đang cười đùa ăn uống, nhớ thằng Út vừa vào bộ đội, cỡ này, ở đơn vị, nó có biết gió về không, có thèm không một nồi canh chua cá rô đồng bông so đũa?

Má khum tay che cho khỏi chói, ngược lên nhìn bông so đũa nở trắng xóa trên đầu. Những thứ bông rau đồng cũng như có hẹn với mùa đìa. Đám con má chỉ cần với một chút là hái được những đọt chùm ruột trên đầu, những đọt sung hơi chát, nhưng cặp với cá lóc nướng rơm thì ngon không biết tả vào đâu. Rồi mớ rau đắng đất ngoài bãi lá vào thời non lấy bấy, gừng thì đang già, đang vào độ nồng nàn, trái dắc treo từng chùm xanh xanh trên lùm lức. Đất quê nhà cũng thương những đứa con xa như tình thương của ba má vậy.

Nhưng năm nay bông so đũa đã nở trắng bờ rạch, bờ mương, mùa cá cũ thôi không còn nữa. Ba nhìn ra cánh đồng sâu hút, tối mênh mông, gió mênh mông, nghe lạnh lòng quá, mới nhắc, “Năm ngoái, cỡ này, mình nhậu mệt nghỉ bà hén”. Má cười, ờ ờ.

Má nhớ bữa làm đìa nhà Tư Nổ, má với mấy “nít”, mấy “chị sui” xỉn quá trời đất. Nghĩ, đàn bà con gái xứ này thiệt hết biết, uống rượu còn hơn đàn ông, nhậu xình xang còn bày đặt nhảy nhót cà dựng (chớ có biết Rumba, Chachacha... gì đâu). Nhắc lại còn nghe mắc cỡ quá chừng, hôm đó, mặt mày má đỏ gay, đầu tóc đầy vảy cá, già thở không ra hơi mà ca vọng cổ ngồi ngời. Ra về ba còn chọc, “Tui thấy bữa nay bà đẹp hơn mọi bữa à đa”. Má cười, “Ông già quý...”.

Nhắc lại, ba nói mùa đìa năm ngoái là mùa vui nhất mà cũng buồn nhất, vì đó là mùa đìa cuối cùng. Bà con bàn rạn chuyện năm tới rạch Mồ Côi chuyển qua nuôi tôm, nghe nói người ta bên Năm Căn, Ngọc Hiển nuôi tôm ai cũng cất nhà tường. Xóm Rạch mình còn nghèo quá, chỉ hai vụ lúa với một mùa đìa, ai có vườn rộng trồng cải trồng bầu, được thêm chút tiền huê lợi, nhưng

đầu vô đó hết, sống đắp đổi, không dư, bây giờ nhà nước cho nuôi tôm thì mừng chứ. Hôm đó, chỉ có ba má là bản thân, hồi nào giờ cây lúa cũng chung thủy với mình, bây giờ quay mặt với nó, không lẽ tẻ vậy. Má nói, “Vậy rồi năm tới mình có tụ lại vui như vầy không”. “Được chứ”, Tư Nổ cười khà khà khà, “nghe nói nuôi tôm một năm bằng chục năm làm ruộng đó, năm tới tui xây nhà lầu, bà con kéo nhau lên sân thượng nhậu tép luộc mát trời. Mà, hông chừng tui còn sắm ti vi màu, đầu máy di déo, sắm điện thoại di động”, Tư Nổ ngẩn ra, nước miếng chảy xuống chỗ môi chẻ thâm sì, “tướng tui mà cầm điện thoại di động coi sang lắm ghen”.

Ba nhớ lời của Tư Nổ hoài, vì anh đã vẽ bức tranh tôm mù mịt thành những điều rất thật, thật như đang rờ đụng vậy. Vậy mà... Đêm hôm qua, ba rượt Tư Nổ qua mấy cái bờ mới túm được anh, cả hai loi ngoi ướn, ngồi trên bờ, tay vẫn còn nắm cái áo rách te tua của anh Tư, ba nhắc câu nói xưa của anh, không sai một chữ. Anh bật khóc, khóc vì cùng đường đi đổ lú trộm tôm vuông ba, bị ba rình bắt, hay khóc vì thương tiếc mùa xưa. Rồi vợ Tư Nổ chạy lại, chỉ biết lí nhí xin tha cho chồng, chị nói “Hồi này tôm tép không có, tui con khổ quá, bần cùng quá, chú thím ơi...” Má ngậm ngùi, người phụ nữ này, năm trước một tay câu eo ếch má, còn tay kia cầm cây chổi nhảy cà tung. Sao tới nông nỗi vầy... Bốn người ngồi với nhau, lặng lẽ, hồi lâu, day qua chị Tư Nổ, má nói “Thôi, coi như là lá lành đùm lá rách, rách ít đùm rách nhiều, rách nhiều đùm rách nát, bây biết mà, tao cũng nghèo”. Rồi má trút mớ cá phi rọng trong xô ra giỏ, giúi vào tay chị, biểu chị đưa chồng về, kiếm đồ khô mà thay, để vầy cảm lạnh chết.

Lúc vô nhà thấy cửa mở toang hoang, cái lư hương không cánh mà bay mất. Ba má tỉnh rụi, không phải hô hoán lên làm chi, hôm rồi mất ông Tà ngoài miếu, hôm trước nữa thì mất cái lòn cắm nhang trên bàn thông thiên. Ba cười buồn, “Mai là tui nó trả lại, tui nó mượn để cầu số chớ đâu”. Tôm chết hoài cũng buồn, nên rủ nhau đánh số đề chơi, may ra... Nhưng may thì ra, rủi lại vào, xóm Rạch Mồ Côi vừa tiền đưa một gia đình ly xú. Chú thím Chín bên kia rạch thua sạch nhà cửa đất vườn, xuống ghe bắt đầu một cuộc nổi trôi, hôm ra bến, chú mếu máo nắm tay ba, bảo “Biết chừng nào vợ chồng tui mới gặp lại ‘anh chị sui’, để tui mình nhậu với nhau tối trời đất”. Phải hôm đó có mưa là cảnh mủi lòng y hệt trong phim. Bây giờ, ba vẫn thường đứng nhìn phía nền nhà của bạn, cái nền phèn vằng trắng, xộp như nước đá bào, bên phải vẫn còn nguyên chỗ cầu ao, nước mặn ngấm vào, nước trong thấy đáy, chẳng có bông súng nào mọc ở đó, chỉ thấy rong nhớt xanh dòn, trôi lênh phình.

Xóm Rạch bây giờ buồn, chẳng có cái gì để vui chung với nhau như hết mùa lúa, như xong hội đìa, như năm cũ. Người trúng tôm thì lẳng lặng không dám khoe (vì sợ trộm), người không có trao tráo khấn vái trời. Hể mười vuông thì thất bát hết bảy vuông, vì không ai hiểu rành con tôm hết, không ai biết con tôm nó đồng đánh cỡ nào, vậy mới khổ. Nước mặn thấm vào, vườn tược trụi lơ, xơ xác hết như vừa qua bão, cây trái teo héo, chặt năm trái dừa mới được một ca nước, cọng cải lá rau, trái ớt, trái bầu... cũng phải mua. Nửa đêm nằm nghe người nào đó ca văng vẳng ở mấy chòi trên, giọng sao buồn rượi vậy. Quê xứ như cô con gái trót lỡ “khôn ba năm, đại một giờ”, bắt đầu nhớ tiếc vì mình đã đứng núi này trông núi nọ. Ba nhìn má qua ánh đèn chông leo lét, chợt giật mình, đôi gò má của người vợ hiền năm ngoái còn hồng vì rượu, nay đã se sắt quắt queo vì trơ trọi dưới nắng và gió trời. Hồi lâu ba nói, “Tiền bán tôm mót hổng rày được bao nhiêu bà? Sớm mai này bà ra chợ huyện, lựa mua một ít cá rô mề, mốt là thăng Út về phép, nấu cho con nó nôi canh chua cá rô bông so đũa, tội nó...”.

Má gặt đầu, khẽ hóp một ngum trà, thương đặng đốt đám con xa nhà, Tết này, ừ Tết này con của má về, mà, má ba chẳng có gì cho tui nó.

Sớm nay, trà vẫn pha nửa vốc tay như mọi bữa sao mà nghe đặng quá vậy nè?

Cuộc diễu hành lặng lẽ

Tôi cũng như những đứa trẻ nhà quê lớn lên ở xóm Bà Bèo, mỗi khi nghe hỏi tới tiệm tạp hóa của chú Mười Ba, là nghĩ ngay tới hai chữ: thiên đường. Cục kẹo đầu tiên tôi được ăn, cái kẹp tóc đầu tiên tôi được diện, cây viết chì đầu tiên tôi được chạm tay vào... đều được mua từ đây.

Tiệm mà cũng là nhà, vừa chật vừa tối, đồ đạc lộn xộn chen chúc chồng chất lên nhau, giắt trên vách, treo dòng dừa trên dây. Cần gì cũng có hỏi gì cũng thấy. Dù nhỏ xíu như cục đá lửa gắt trong ống quẹt, cây kim may tay hay những món năm khi mười họa mới có người mua như cối xay bột, lu sành... Ở nhà thiếu gì người ta chạy lại tiệm chú Mười Ba. Lúa ngoài đồng cần gì người ta cũng chạy lại tiệm chú Mười Ba. Tiệm tạp hóa có một đời sống mãnh liệt không hẳn vì xứ này xa chợ, mà người ta tìm thấy một nơi nương tựa. Mấy cụ già ghiền trà tới tiệm tìm vôi; đàn ông nghiện thuốc lị lại kiếm thuốc gò, giấy quuyến; đàn bà con gái quây quần quanh bếp núc cũng mua ở tiệm những thứ gia vị nêm đậm đà cho hai bữa cơm canh. Trẻ con thì khỏi phải nói, mỗi khi nghĩ tới, ngang qua hay bước vào tiệm chú đều cảm giác mùi vị ngọt ngào, béo ngậy của những bịch cốm ngào, kẹo dừa ứa ra trên đầu lưỡi.

Hồi nhỏ, được người lớn sai đi tiệm là quá chừng hạnh phúc, may còn chút tiền thừa mua mấy cục kẹo sừng rợn, còn không thì nhìn hũ kẹo chép miệng chẹp chẹp cũng phần nào thỏa mãn. Lớn lên mới biết cái việc nhỏ nhỏ niềm vui cón con đó đôi khi là... sứ mạng, nhất là vào mùa giáp hạt.

Mùa những bồ lúa trống trơn. Mùa mua chịu. Tiệm chú Mười Ba dường như chỉ có trẻ con lai vãng. Trẻ con không biết mắc cỡ khi đi mua chút dầu hôi nước mắm bằng tay không, bằng một lời hẹn mù khơi, "Nội con năn chú ráng chờ tới gặt...". Trẻ con không bị tổn thương nhiều bởi túng quẫn, không quá mặc cảm bởi cái nghèo (thường kèm theo chữ hèn), tui nó không cảm thấy ngượng ngập khi nhìn tên nhà mình được ghi trên cánh cửa tiệm trong mùa - bán - chịu.

Cánh cửa được ghép lại bằng mấy mảnh ván được bào láng, để mộc không sơn, lúc nào cũng chỉ chít những chữ số viết bằng phấn trắng. Mùa giáp hạt danh sách nợ nần nhiều thêm, cánh cửa trở nên quá chật, thím Mười Ba ghi tràn ra mấy thanh đồ của cái kệ gỗ. Không biết do tiện đâu ghi đó, hay cố ý ghi ở chỗ dễ thấy dễ nhắc nhở, mà chú thím làm nên cuộc trình diễn câm lặng của những người nghèo, thiếu trước hụt sau, đắp bề nào cũng hở. Những chữ số cứ ngày ngày tháng tháng diễu hành trên cánh cửa. Mùa gặt còn xa.

Mùa gặt người ta chở lúa mới qua con đập trước nhà chú Mười Ba, trên chiếc xuồng khảm lừ có phần dùng để thanh toán nợ nần cho chủ. Người ta bán lúa ngay khi chúng vừa phơi đủ nắng, còn nằm ngoài sân. Đống lúa hót bao nhiêu thì trong lòng họ như bị đéo khuyết đi bấy nhiêu. Chữ trên cánh cửa tiệm tạp hóa đôi ba dòng được bôi xóa vội bằng tay, để lại những quãng phấn dùng đục. Buổi chiều Ba mươi Tết, cánh cửa được lau bằng giẻ ướt, sạch bong, nghe đâu đó có những cái thở phào nhẹ nhõm, thanh thản. Cũng có Tết, cửa tiệm chú Mười Ba còn sót lại vài cái tên vài con số, nom rã rời rất xót, trong xóm có nhà ăn Tết bằng từng lát thở dài, trong xóm có vài đứa trẻ không có áo mới để khoe.

Cánh cửa được ghép lại bằng mấy mảnh ván được bào láng, để mộc không sơn xanh đỏ, lại ám ảnh đeo đẳng, lại đồng hành với những thân phận nông dân cay đắng và bi tráng của cái xóm nghèo.

Xứ Bà Bèo mười sáu năm sau, khi tôi quay về, tiệm tạp hóa chú Mười Ba dỡ ra cất lại vài ba bận, cánh cửa xưa không còn. Chú giao tiệm cho con trai là Tư Giàu, cũng là thằng bạn cùng lứa với tôi. Xóm chuyển qua nuôi tôm, hàng hóa trong tiệm cũng thay đổi, ngoài vuông cần bắt cứ thứ gì tiệm nó cũng có. Cái tiệm cũng như cư dân xóm, trở xoay chóng mặt để nuôi chiều con tôm đồng đánh.

Ngồi chơi thấy nhiều đứa con nít hăm hở chạy lại mua đồ, một nửa trong số chúng mua bằng

tay trắng và lời hứa, “Má con nói con nước tới sẽ trả đủ cho cậu”... Giờ người ta nín thở theo trắng, không còn thất thểu bởi mưa mùa, gió mùa. Chỉ có tụi con nít là còn giữ nguyên niềm vui bé mọn, còn hồn nhiên làm một sứ mạng con con: đi tiệm. Đám con nít đó cũng là con của bạn bè xưa, những đứa đã không đi cùng chữ nghĩa như tôi mà ở lại với ruộng đồng. Ở lại để mười sáu năm sau, tụi nó dường như vẫn còn chưa rời khỏi nơi cái nghèo điều hành trên cánh cửa.

Thằng Tư Giàu làm một chuyện mà tôi khen là nhân bản, kín đáo ghi nợ vào cuốn sổ học trò trăm trang quăn queo góc. Nó cười khì, nói “Khỉ họ, tại bây giờ dân xóm mình đông, đâu có cánh cửa nào chứa nổi”... Tôi cụt hứng nín thinh. Mười sáu năm, tôi từ đứa con nít hôi nặng hôi sinh đã thành kẻ chợ, xóm Bà Bèo xanh rờn cây cỏ trở thành những trắng nước trắng dờ, nhưng nổi chua xót đắng cay giât gấu vá vai trình diễn trên cánh cửa tiệm tạp hóa chú Mười Ba vùng vẫy kiểu gì, vượt thoát kiểu gì mà lại tiếp tục điều hành trong cuốn sổ của tiệm tạp hóa Tư Giàu. Cuốn sổ ngoài bìa ghi: Sổ nợ. Bằng mực đỏ. Như vết xước.

Khép sổ học trò lại rồi mà tiếng thở dài còn vang...

Những chân trời khép

Qua sông rồi Thổ Công cứ liên tục làm tôi ui da xuýt xoa. Anh nói trước ở xóm này có cả mấy vạt đồng trồng toàn rau nhút. Anh nói ở đây xưa người ta trồng dâu nuôi tằm dệt ra thứ lụa Tân Châu nổi tiếng, và hỏi tôi đã bao giờ nhìn thấy trái mận nửa dùng để nhuộm lẫn Mỹ A chưa? Anh nói chỗ này năm ba mùa lũ trước nước lên lé mé mặt lộ, người ta đánh bắt cá linh còn đông hơn đi coi hát ngoài đình...

Nhưng cánh đồng trước mắt tôi chỉ xăm xấp nước, xơ rơ lúa chết. Một mùa lũ thất bát, Thổ Công chếp miệng tiếc rẻ. Cho tôi. Những ký ức quê xứ mà anh vừa đi đường vừa chia sẻ đã rớt lộp độp giã chết dưới vòng bánh xe quay. Có lẽ san sát ký ức với người không cùng ký ức là một điều vô vọng. Tôi chỉ nhìn thấy vài vạt rau nhút đang độ trở bông, ít vạt ấu bị trĩ núa vào ruộng cạn... thành ra xách hai từ “mệnh mông” đi cả buổi không biết gắn vô đâu. Lụa đi vắng, kêu mận nửa ơi lâu lắm mới thấy ló đầu ra cho khách xa coi mặt.

Đất đai tôi bằng những vẻ đẹp khác đủ xài. Mấy cái cộ chất ngun ngút cỏ non nằm bên mé lộ, chờ vợ bố trâu đi đâu. Những chiếc xuồng con nằm ngủ trưa dưới mé kinh, tắm đầm đĩa trong bóng tre bóng trúc. Những ngôi nhà sàn bấm bần nhón chân sẵn sàng bước qua lũ, vẻ cương nghị ẩn trong dáng gầy guộc khẳng khiu. Những ông bà cụ ngồi im lìm nơi cửa trước ngó mông lung, không làm gì mà như đang nhen ấm áp. Và nắng trưa bỗng dịu trên tôi mỗi khi đi ngang qua những khạp da lươn đựng nước mưa đặt bên đường để đãi khách bộ hành...

Ở xứ mình giờ không còn cái hình ảnh thơm thảo đó. Ý nghĩ đó làm tôi nao nức, muốn sờ tay vào, muốn chụp ảnh, muốn uống ừng ực những ngụm nước mát, để nước chảy ròng xuống áo, muốn cúi lạy người đã đặt khạp nước ở đây, đã giữ cho tôi chút này, cái mà tôi đã mất.

Nhưng chủ nhân của khạp nước ven đường chỉ thản nhiên cười bới lại mớ tóc sương bảo, “Lớn lên đã thấy cha mẹ tui đặt khạp nước ở đây, nên tui cũng làm theo y vậy, chỉ dám trẻ cự nự, tui nó nói má làm chuyện tào lao, thời buổi này rồi...”.

Bà già cho tôi uống ca nước mát pha với cả mấy ngậm ngùi. Lên xe rồi tôi hay bồn chồn ngoái lại phía sau. Cảm giác như tôi vừa đi khỏi thì những khạp nước bên đường cũng không còn nữa. Chúng tan biến theo bà cụ đã sắp gần đất xa trời, theo con đường ngày càng vắng khách bộ hành, chỉ những chiếc xe máy vụt ào qua và cơn khát đã được những hàng quán ve vãn.

Anh Thổ Công nãy giờ chẳng uống ngụm nước nào, nhưng trong gió có ngậm ngùi chẳng mà giọng cũng nhuốm, nói ra đúng như cảm giác của tôi, “Chừng vài năm nữa biết mấy khạp nước đó còn không nữa?”.

Cũng như nước lũ, cũng như lụa, cũng như những cây cỏ bên đường... đã biến mất không chờ tôi tới. Những chân trời khép lại ngay trước mặt, ở sau lưng.

Mùa sau trở lại, biết đâu tôi đi cùng một ban đường ngo ngoác khác, và tôi đóng vai Thổ Công bắt đắc dĩ, đi qua cái xóm nhỏ đó, nói chỗ này trước người ta đặt nhiều khạp nước bên đường, là thứ gần như cuối cùng của nền văn minh thơm thảo, ha ha...

Tôi vẫn thường phải cười suốt những lúc làm Thổ Công khi bạn tới chơi ở xứ mình, ha ha và ha ha. Để đè nén một nỗi gì như mất mát, khi nói về con đường làng quanh quẹo nhấm dẫu chân trâu, những hội ba khía hội cá đường, những lò cốm lò rèn lò đường nằm rải rác ven sông,

Dặn lòng thôi đừng có tiếc những thứ không phải của mình, thuộc về mình, nhưng vẫn ngần ngại... Nên tôi biết anh Thổ Công đằng trước chắc cũng lén thở dài. Anh nghĩ quê mình chẳng còn mấy vẻ đẹp để khoe với tôi. Chợt nhớ câu thơ “*những lời ca chưa qua môi đã tan như khói trời*” ...

Ông Cà Bi ở Xẻo Quao

Cái nửa giống chòi nửa giống nhà chỉ có hai tấm vách. Cột cắm vào đất liêu xiêu như hết thấy mọi thứ trong nhà cũng liêu xiêu, chỉ cái bàn nhỏ mạ được trưng dụng làm bàn thờ là đứng vững. Lại gần hóa ra cái bàn thờ cũng bị một ăn rách vụn. Ngồi dưới vỏ lãi ngó lên nghĩ nhà ông Cà Bi này nghèo quá xá, càng tới gần càng nhận ra chẳng những nghèo mà là nghèo thứ thiệt, nghèo tận mạng, tới cái vồng ông già nằm ngủ trưa cũng te tua.

Đoàn thiện nguyện ai nấy đều ái ngại xót xa. Mấy năm nay rủ nhau đi làm từ thiện, cảnh nghèo gì cũng thấy qua nhưng nghèo kiểu ông Cà Bi thì lâu lâu mới gặp. Trong nhà không thấy món đồ nào đáng giá chừng hai mươi ngàn, đến mừng ngủ mà chỉ có nửa cái. Có người mò vô bếp thấy cơm cháy trong cái nồi móp méo với hai con cá sặc kho khô quắt. Ông già Cà Bi đứng dựng ngó khách lục lọi nhà mình, ngồi uống trà khà khà. Chẳng nhận ra ở ông chút tủi buồn nào. Hỏi ông sống bằng gì, ông nói cầm câu, mần mươn, ai kêu gì cũng mần. Hỏi nhà chỉ có hai vách thì ăn ở sao, ông nói “Mùa này nắng nôi, qua để trống vách cho mát. Chừng nào mưa tính tiếp.”. Ai đó rung rung chỉ cái nóc nhà thừa thấu trời lồng lộng, ông già cười, “Chỗ ngủ với bàn thờ vợ qua có che ni lông rồi, chỉ cần không ướt hai chỗ đó...”. Hỏi trong túi có tiền không, ông nói tiền để rải rác trong xóm. Anh thanh niên địa phương dẫn đường sợ khách xa không hiểu, giải thích, “Ý ông là ông sẽ có tiền khi người ta muốn sên đất, dọn dĩa, hay đắp bờ lên liếp...”.

Lúc ngồi dưới vỏ thì anh thanh niên tả sơ sơ chân dung ông Cà Bi. Anh nói ông này làm buổi sáng đủ tiền nhậu thì chiều không làm nữa. Có khi làm suốt tuần bỗng nghỉ ngang, ăn xài hết phần tiền đó rồi lại vác dĩa đi lang thang kiếm việc. Một năm nhà ông Cà Bi ăn tới bốn cái Tết, mỗi Tết ít nhất cũng mười ngày. Có tiền trong túi đồng nghĩa với hội hè, ông Cà Bi ta sẽ đứng đỉnh rong chơi. “Chơi kiểu đó ông nghèo là phải...”, anh thanh niên dường như giận.

Giận là phải. Khách cũng thấy hơi giận. Ông già có vẻ tự hào về việc ham chơi dẫn đến “vô sản” của mình. Thay vì ne nép trước nhà giàu, ông già ngồi trên bộ vạc cau (cũng) rách mà điệu bộ khoan thai khoái chí như đang tiếp khách ở... dinh Độc Lập. Vợ chết, ba đứa con đã dựng vợ gả chồng làm ăn xứ khác, ông già kiếm sống một mình. Ông treo vồng trên mấy cái cây trồng quanh nhà, nắng sớm nằm dòng dừa bên vách Tây, chiều ngủ khò bên vách Đông tránh mặt trời. *Quõn* thì cuốc bộ đi chùa, cách đây chừng mười cây số. Nhà không điện, nước sạch, không tivi, radio cũng không và tất nhiên là không cửa (đâu có cần thiết).

Vậy mà lúc anh giám đốc ngân hàng thay mặt đoàn thiện nguyện tặng ông già phần tiền an ủi đời nghèo, ông già chỉ giữ lấy một tờ giấy bạc năm mươi ngàn, còn bao nhiêu đưa trả lại. “Nhiều đây đủ cho qua rồi. Mua gạo ăn tới ngày mốt, dư ra chút đỉnh đóng rượu nhâm nhi chơi. Ít bữa nữa đi sên đũa cho bên xóm là qua có tiền. Phần còn lại này chú em đem cho thằng Tám bên sông giùm, con nó bệnh nặng dữ lắm” – Nói rồi ông Cà Bi lỏn lỏn nhét tiền vô túi cười phơ ra ba cái răng xếu xáo, mặt tỉnh rụi “Có tiền nhiều giống như có con vợ đẹp, mắc công giữ...”.

Anh chủ nhà máy gạch bất mãn, anh có tiền tỉ mà còn chưa thấy đủ kìa, sá gì ít chục ngàn... Anh nói “Cũng phải để dành tiền phòng khi đau bệnh chớ chú, mà không lẽ chú ăn cơm không, phải có thịt thà cá mắm...”. Ông già Cà Bi vịn cái quần cộc nhuộm mủ chuối lem luốc, chờ qua cơn ghen nước trà mới khề khà bảo “Đau yếu sơ sơ thì uống thuốc nam, cây cỏ ở đất Xẻo Quao này nhiều thứ nên thuốc lắm. Đau nặng nữa thì bất quá chết, có tiền cũng chết mà. Còn cá mắm hủ, chặc, cần thì chống xuống qua Trảng Sen thiếu cha gì. Mà, mấy chú có qua Trảng Sen chơi chưa?” – Ông già bất ngờ hỏi.

Chưa. Sáng nay họ đã tính đi tặng quà cho bà con nghèo xong sẽ ra Trảng Sen chơi, nghe khen chỗ đó còn đẹp và hoang sơ lắm, nhưng ai cũng sợ chiều không về kịp, mà một số người còn phải đi suốt đêm nay để về lại Sài Gòn, nhiều công việc, nhiều tiệc tùng, hò hẹn, nhiều hợp đồng làm ăn quan trọng đang đợi. Ông Cà Bi nghe qua chặc lưỡi lắc đầu chua xót nói, “Tội nghiệp không!”.

Ngũ điệu của ông già làm khách giận lắm, xuống võ chạy đi xa rồi mà còn giận. Chúng tôi đây không lười biếng ham chơi, đầu tắt mặt tối làm ăn kiếm tiền để cuối năm đi thong thả với người nghèo như vậy là quá tốt, ông già nói tội nghiệp là tội nghiệp gì?! Anh thanh niên địa phương xoa dịu nói ông già đó tưởng đâu ai cũng ham chơi như ông.

Nhưng khách còn giận ông Cà Bi, tới mức quyết định ra... Trảng Sen chơi. Cái ông già nghèo xác xơ đó có gì mà lại thương hại cho tụi ta chứ...

Xe đêm....

Má dẫn , đi xe nhớ đừng ngồi trước, phía trước nguy hiểm lắm, nhưng cũng đừng ngồi tốt đằng sau, cũng... ghê. Đã biết trời kêu ai nấy dạ, nhưng mình phải tránh cái chỗ ông trời hay kêu chó.

Vậy thì ngồi giữa. Có một chỗ núp ông trời nên chịu cực tí, chân không duỗi thẳng được, băng ghế chưa đến một sải tay nhưng chen chúc đến bốn người. Một bà già, một chị phụ nữ dẫn theo đứa con chừng mười tuổi dồn người thứ tư ép sát vào thành xe. Mỗi khi muốn xoay trở, người thứ tư xếp vai mình ra đằng trước. Chị ta ghét cái chỗ ngồi này, như ghét những chuyến xe đêm, ghét trạng thái mù mịt, vật vờ, tối tăm của nó.

Ngó ra những ngọn đèn mê mải bên đường, người thứ tư xem đồng hồ. Đoạn đường tỉnh lẻ - Sài Gòn xa khủng khiếp. Đứa bé tựa vào vai mẹ, ngủ ngon lành. Phía sau lặng ngắt, không phải vì tất cả đã ngủ mà họ đang vật vã với cơn say xe. Trong cái vũng đêm chênh chao, nghe tiếng mấy cái túi ni lông cứ sột soạt, mùi nôn ọe chua khẳm, mùi dầu gió hăng nồng, và khói thuốc lá bắt đầu trộn lẫn các thứ mùi với nhau, sánh đặc. Anh tài xế chống lại cơn buồn ngủ bằng một thứ được gọi là nhạc trẻ, kiểu như “ *Không yêu đừng nói lời cay đắng* ”... Loại này chống buồn ngủ hiệu quả, vì không gây tức anh ách, cũng khiến người ta phì cười.

Nhưng hai người phụ nữ ngồi bên cạnh thì chẳng tức, chẳng cười, cũng chẳng quan tâm không khí quẩn mùi. Họ đang nói, và lúc này đây nói cũng là một cách thiền, bỏ sự đời qua một bên. Giọng bà già giòn tan, chị phụ nữ thì ngập ngừng, day diết. Trong những câu nói qua nói lại, lúc nhát gừng, ngắn ngủn, lúc chảy tràn, họ nhắc tới bệnh viện, và bệnh ung thư. Chị phụ nữ lo lắng, giọng nói đôi khi hụt đi khi nhắc tới những từ như: “xét nghiệm”, “đơn thuốc”, “hóa trị”. Bà già gạt đi, tay cứ xua xua như có con muỗi vo ve trước mặt, cuối mỗi câu, bà già hay đệm mấy chữ, “*Hồng sao. Đừng lo. Dễ ợt...*”. Bà nói bà ra vô bệnh viện như cơm bữa, bà rành sáu câu, bà nuôi bệnh ung thư trong mình nè, nhưng sống *phẻ re* , bà đi hóa trị như đi du lịch. Nhưng giọng chị phụ nữ cứ như tái đại đi, yếu ớt, nghe như tuyệt vọng, “*Con cái còn nhỏ quá, dì Sáu à, con sợ...*”.

Đâu đó nghe tiếng thở dài. Xe đêm thường chở theo nó những tiếng thở dài, những người sắp, đã và đang đối đầu với bệnh tật. “*Cô bác xuống bệnh viện nào?*” luôn là câu hỏi của nhiều tài xế chạy đêm, họ biết con đường nào ngắn nhất, tiện nhất để đưa khách đến đó. Thường, khách có nhu cầu khám và chữa bệnh nhiều khi chiếm hơn một nửa chuyến xe, còn lại là những người buôn bán, về quê hay đi học... Ít có ai đi công cán mà chung chạ xe đêm. Chỉ những con bệnh tỉnh lẻ tối tối chảy trôi về thành phố, để sớm hôm sau họ có mặt ở các bệnh viện, phòng khám thật sớm, vạ vật chờ mở cửa, vạ vật chờ lấy được toa thuốc, kịp về chuyển xe tối lại, ở thêm một bữa, là gánh nặng tiền trọ, tiền ăn...

Những chuyến xe ngược về tỉnh lẻ lại xốn xang những tiếng thở dài, ai vừa phát hiện ra bệnh mới, ai vừa qua cuộc điều trị rã rời, ai còn lơ lửng chờ kết quả xét nghiệm cuối cùng...

Và bà già tươi giòn kia, chắc chắn bà không kịp về chuyển xe tối mai, vì phải nằm lại trong căn phòng trắng toát, vật vã, héo rũ sau đợt hóa trị. Người thứ tư nhìn bà đã bắt đầu thiêu thiêu ngủ, nghĩ thầm. Nghe có chút đau nhói. Chị ta ghét đi xe đêm, ghét sự thao thức, ghét người bạn đường đang sắp ngã đầu vào vai mình, tóc bà rủ vào cổ mình, nhờn nhột. Một mái tóc kỳ lạ, đen rợn, lúc ghé quán ăn khuya bên đường, đi ngang qua chỗ bà ngồi, người thứ tư không thể gỡ cái nhìn của mình ra khỏi màu tóc đó. Tự hỏi, ở tuổi này, người ta còn gì để nắm níu, để tha thiết mà phải dùng tóc giả che giấu đi mái đầu đã xác xơ vì chống chọi cùng căn bệnh hiểm nghèo?

Tự hỏi, bên bờ sống – chết, bà làm đẹp để làm gì và để cho ai? Tự hỏi và tự trả lời, người thứ tư biến thao thức của mình thành một trò chơi trên ti vi. Chắc bên sông còn ông già người yêu cũ, bà muốn giữ hình ảnh mình đẹp mãi trong ông; chắc hồi trẻ bà có theo đoàn văn công; chắc bà không muốn nhớ tới tình trạng bệnh tật của mình, khi mỗi ngày nhìn tóc rơi xuống đất. Hay bà mặc cảm xấu xí, người thứ tư nghĩ tới điều đó khi mớ tóc giả của bà già trong cơn gà gật, đã

tuột xuống tay chị ta. Những ánh đèn bên đường quét qua khuôn mặt mệt mỏi xanh xao, lướt nhanh trên mái đầu hiu hắt chỉ còn dăm ba sợi tóc của bà. Người thứ tư xếp vai mình, xoay người, tràm lại tóc cho người bạn đường. Thương, mà vẫn ước một tấm khăn vấn đầu, đỡ phần cảm hơn nhiều. Vô tình chạm tay, bà già giật mình, thẳng thốt, ngồi thẳng dậy, người thứ tư nói khẽ, “Tóc của dì tuột ra, còn sửa...”. Bà gật đầu, không còn chút ngái ngủ nào (chuyện tóc tai quan trọng đến thế sao, người thứ tư lại tự hỏi), ngó qua người phụ nữ đang thở đều, bà thì thầm, “Con nhỏ có thấy... không?” Người thứ tư lắc đầu, “Không đâu”. Bà già cười một cái xào, tuồng như nhẹ nhõm lắm, nhưng giọng càng về cuối càng chua xót, ngậm ngùi, “Sợ con nhỏ thấy, rồi nó lo. Tội nghiệp, ở cùng xóm với dì mà, hiền lắm. Cô coi, bệnh tật nó đâu có chữa ai. Con nhỏ trẻ vậy...”.

Người thứ tư nghe một cơn lạnh buốt phà vào mặt, chị ta dựng cái áo khoác ngang mày. Nhưng tối như vậy, có rung nước mắt thì cũng đâu ai thấy, chề chi mắc công.

Chị ta so vai lại. Chỗ ngồi bỗng rộng thênh thang, bởi có người thấy mình nhỏ bé.

Nhớ đất

Nửa đời xiêu lạc, thím về. Hỏi thím đã đi đâu, thím đi nhiều lắm, tới biển, tới rừng, qua biết bao con sông, nhìn biết bao là cảnh đẹp... Nhưng sao lại về? Nhớ đất. Trời, đất mà nhớ gì, ai để ý đâu mà nhớ.

Vậy thì nhỏ có bao giờ lên đèn trên chợ nổi quê mình chưa? Những buổi chiều tà, chợ nổi đầu hiu hắt, hết một vạt áo nắng vàng hoe hoe, đỏ hoe hoe. Những người đàn bà cúi đầu ngó chăm chăm xới nồi cơm nghi ngút khói, những người đàn ông xếp bằng ngồi trên mũi ghe vãn những chiếc thuốc to dùng bằng đầu ngón chân cái, phì phà nhả khói lên trời. Những đứa trẻ con ngồi trên mũi ghe câu cá chốt, cá mè.

Nhỏ phải sống trên ghe thím vài năm mới được, sống trên chiếc ghe dài bảy thước ngang hai thước mới thấy buồn chán. Nhỏ phải coi mấy đứa con nít dưới ghe, mỗi lần ghé bến tại nó lại chạy te te lên bờ, cuống quýt rượt đuổi nhau, những đôi chân trần trụi thoăn thoắt nhảy trên cái bến gồ ghề đất. “Mày phải biết cái cảnh trồng nộm nịu ít bụi họ, ít cây rau thơm, vài cây ớt ồm nom trong cái khạp bể mới hiểu thím nhớ đất cỡ nào.”

Thím biết biển rồi, trời ơi, biển rộng hời hợt luôn. Thím cũng biết rừng, đâu phải đám dừa nước có chút tản này đâu, rừng đước, rừng tràm kia con ơi, ở trong đó có khỉ nè, có cọp nè, có chim về làm tổ sát dưới đất. Nhưng thím lại thêm nhiều thứ lắm, thêm cái hơi ẩm khi đi ngang qua bờ lúa (cái thời thím nhỏ xíu, thím chuyên chui vô kẹt bờ lúa ngủ trốn đòn), thím thêm cái mùi nước đá của con kiến vàng mỗi lần ra mé ao hái chanh, hái tắc, rồi đám mừng tôi bỏ ộp trên mái lá lộp che hàng lơn nước, khoảng sân cá rô lóc lác lác khi bắt đầu mùa mưa tới, bày con nít nhà thím dọc sông lắm lắm đi bắt cá lên, và những hạt lúa còn sót lại hồi mùa trước ỉn nứt mầm, chen đất lên xanh muốt? Nhỏ nói thím sướng là đứng núi này trông núi nọ, là mơ thấy đang chèo mũi trên một chiếc ghe đi trong đầm đìa sương sớm. Còn thím, hồi ở dưới ghe thím lúc nào cũng chiêm bao thấy lớn tồng ngồng rồi mà còn chạy xấp xải trên cánh đồng, tay kéo con điều lộng gió.

Con không biết sao, những ai sinh ra lớn lên, lấy vợ, lấy chồng trên ghe mới quen, mới không nhớ đất, chớ thím từ đất ra đi mà, thím không thêm, không nhớ sao được.

Nhưng sống trên chợ nổi lâu vậy lên bờ cũng nhớ, con người ta kỳ cục thiệt. Những âm thanh ồn ả buổi sớm, đầu hiu buổi chiều. Tiếng ti vi ghe này đồn “bông hoa nhỏ”, trên chiếc ghe khác, ai đó dò cái đài khọt khẹt tìm chương trình ca cải lương. Vợ chồng cãi nhau, trẻ nít xúm lại đánh bài tiến lên, đứa ngồi đứa quỳ, mặt đầy lọ nghe. Gia đình này gia đình kia sao gần gũi như ở chung nhà vậy. Bên này ăn cơm với mắm chung nghe rõ ràng ghe bên kia mùi cá chốt kho sả ớt, bữa cơm tự nhiên ngon kỳ cục. Đám đàn ông bên những bữa rượu sương sương tùm trên mũi ghe ca vọng cổ. Gió đàn lời ca vừa buồn vừa mát, trong lao động có nghĩ ngơi, trong nổi cơ cực cũng có khi vui sướng, nhưng không hiểu làm sao thím vẫn nghĩ về đất, con à.

Bây giờ thím lên bờ thiệt, thím làm gì hả, thím vét lục bình dưới mấy cái đĩa để cho cá vô ở, thím vừa đào thêm mấy cái hòng ao để mưa xấp xoài vầy, cá từ ruộng lóc vô cho dễ. Thím xin rơm về trồng rau, đó, mấy luống bạc hà vừa bắt rễ, coi ngon lành hôn? Bạc hà bắt phân rơm như thím bắt vô đất, tươi tốt bắt ham. Thím vừa ngâm giống xong, chà, hôm rồi nghe mưa đầu mùa gõ tinh tang xuống cái máng xối, thím không ngủ được, lòng nó bồi hồi làm sao đâu á, như hồi xưa, thím năm tính coi khoảng mấy trận mưa nữa thì giục giống cho kịp xuống đồng đất vừa chớm dề. Chỉ chừng năm bảy ngày nữa, ra sau vườn thím coi, lúa nó lên nhu nhú xanh cái màu đẹp dễ sợ luôn cho mà thấy. Rồi tự nhiên trong thím có lại cái cảm giác tim đập thình thịch mỗi lần nghe giá lúa lên xuống, vậy là thím quen được rồi, quen với đất được rồi. Thím còn tính lên giống trồng đu đủ với gừng, Tết tới sẵn của nhà thím chia cho hàng xóm ngào mút dẻo ăn lấy thảo...

Con nghe thím nói con ngán quá trời. Có đất cực thân thêm chớ sướng gì thím?

Trời, nói tới cỡ đó mà con còn chưa hiểu, thím bịnh mà, bịnh “mê đất”, hiểu hông? Không hiểu hả, vậy thì thím nói câu này cho gọn, cả đời thím chỉ thềm cái hời nằm xuống, thím được nhắm mắt bình yên trong mảnh - đất - của - mình.

Xa đầm Thị Tường

Mình ngờ ngợ là mình đã quên cái gì nơi ấy.

Lục lại thì đúng là mình có bỏ lại cây bàn chải đánh răng. Nghĩ lại, cây bàn chải đánh răng thì nhằm nhò gì, mà mình bứt rứt khó chịu như vậy. Mình vẫn còn cảm thấy bỏ lại một cái gì đó, khác hơn và lớn hơn, sâu đậm hơn nhiều.

Vậy thì có phải mình để lại Thị Tường một mùa gió chướng không?

Là vì mình về Thị Tường ngay đầu mùa gió. Chướng về lặng lẽ, nửa đêm nghe hây hây trên da, trên tóc. Nằm trong căn chòi giữ lú giữa đầm nghe gió lạc xạc trên nóc. Mấy cái đuôi lá xao xác, nước biển như chỉ chờ có vậy, chạy từ cửa sông ông Đốc qua kinh xáng Bà Kẹo, le liếm lan vào dòng ngọt. Thức dậy ngâm một ngum đã nghe mặn cứng môi, vậy mà hôm qua mình còn lấy gáo múc lên rửa mặt. Nước đang lợn cợn đục bồng trong vắt, phớt đỏ, người ta chếp miệng, “Mới đây là nước ‘chè chè’ rồi”. Chim én không biết về trước gió hay sau gió mà đậu chiu chít trên mấy đồng chà. Nghe gió về, người Thị Tường hy vọng rất nhiều, rất nhiều mùa tôm cá đang đi tới.

Người đầm Thị Tường làm lúa suốt năm nhưng trúng mùa nhất là vào giờ này. Lúa ngoài đồng sau đang xanh lá, có vạt trổ đồng đồng đất, chờ ngọn gió lao rao lạnh là đổ tre xuống lú. Miếng lú rộng tròn như miếng thúng, rộng hơn một tí, bao quanh bằng lưới. Lú giăng ngang đầm, miếng nằm giữa hai cái ven lú nào cũng hướng xuôi theo con nước đón luồng tôm. Con tôm ngộ lắm, tui nó lội ngược, thấy ánh đèn treo trên đầu lú, tôm de dít vô. Không thể đếm có bao nhiêu ngọn đèn trên đầm vào mùa này. Nhưng người Thị Tường biết rành lắm kìa, ngọn đèn kia là của một đôi vợ chồng son, đem theo là để xem lại album ảnh cưới, và tối nay đã có một vạt đèn vừa tắt ngấm của một cụ già nhất xóm chiều hôm qua đi vào cõi vĩnh hằng. Thị Tường trút bỏ vẻ lãnh đạm, ơ thờ ban ngày để trở thành một thành phố đêm rực rỡ. Thành phố của những người làm nghề hạ bạc. Những ngọn đèn chong mắt thức sáng đêm. Những ngọn đèn đứng yên mà như hấp háy trời mãi, trời mãi. Ưng mờ mờ những khuôn mặt người nhòe trong bóng nước. Thất tình cũng không thêm buồn. Cuộc sống đẹp thế, vui thế cơ mà.

Mình tiếc sao năm ngoái, không về mùa này, về ngay gió này. Khi đêm hoa đăng không mặc cảm với trăng đã từ từ giăng giăng sáng mặt đầm. Mình thả xuống ra đó chơi.

Ra đầm, mình sẽ thấy mùa xuân đang tiến đến gần hơn bao giờ hết. Bờ lá dừa nước xa xa, mờ mờ sẫm. Bầu trời xa lắm. Mặt nước mênh mông. Mình cứ nắm xoắn chân, tay gối đầu lên sạp xuống, cần gì khua đầm, gió đẩy mình đi, linh đình trong lòng nước. Sóng vỗ lóc bóc vô mũi xuống. Dạt xa bờ, gió không khuất rặng dừa nước dày bịt, nên sóng cồn cào, nằm trên sạp đóng bằng gỗ cau lão, nghe sóng nhảy nhót hấp háy be xuống. Đầm Thị Tường bao đời nay không sâu lắm, nước có chỗ lẹ đế ngực, có chỗ chỉ đến lưng quần, tại gió thổi mà hôm qua chiếc xuống buộc ngang hông chòi, bị sóng đánh đập chĩa một hồi, chìm lỉm, còn dây buộc vướng lại nên cái mũi ngóc lên trời.

Tại gió mà có nhiều đêm không đốt đèn được, gió thổi phù phù. Gió giật hiu hút. Gió tháng Ba mang hương cà bắp, mùi hương dân dã bay ra từ bờ lá đang trổ rộ lưỡi mè phèn. Gió tháng Sáu mang từ trong xóm quê mùi rạ tươi thơm, mùi rơm giòn đượm. Gió tháng Chạp bát ngát hương nếp mới, nghe rõ ràng nhịp chày hì hục quết bánh phồng, những nhịp chày rỗng rã. Những chiếc đệm, chiếc chiếu trải rộng trước sân nhà, dưới nắng phơi bánh phồng vàng óng màu mật ong.

Tại gió này nước cũng ngập ghé lên. Không sôi réo ồn ào mà lặng lẽ. Rất lặng lẽ. Đêm ấy, nằm

chò co trong chòi mà đang mơ thấy một người, nghe lưng dựng không lạnh ngắt. Lớng ngó bờ dậu thì nước lên đã ướt đầm lưng rồi. Cái cà ràng chị mình để trên sàn đang nấu cơm buổi sớm ngập nước rã ra làm ba mảnh. Chị mình buồn lắm, không biết có phải tại cả nhà bữa này ăn nời cơm nửa sống nửa chín hay tại thương cho số phận ba ông Táo, nông nổi như vậy mà còn phải chia xa.

Nhưng mình vẫn còn quên cái gì ở đó?

Không, mình có đem về quà xứ đầm. Mình nhớ lời chị bạn nói hôm trước. Chị ngồi tả, vừa tả vừa chắt lưỡi ngọt xót: “Trời ơi, giữa trưa mà ăn cơm nguội với ghem muối còn gì bằng, mà phải muối cho thật mặn nghe, (chắt lưỡi), ăn đã dữ lắm. Còn mắm thì làm hai món: nấu ninh lược nước làm lẫu, ăn với cá rô, cá phổi, khổ qua, rau thì có rau đắng đất, cải xanh... mắm chua thì ăn sống. Mắm cá nâu ác bóng nhỏ tẩn mẩn để nguyên con, trộn gừng, đường cát, vắt tí chanh. Gắp một con mắm cặp với chuối chát, khế xắt lát mỏng dính mà ăn, (chắt lưỡi), nó ngon hông biết làm sao mà nói. Vừa chua vừa ngọt, vừa chát vừa cay, tả một hồi bắt thèm”.

Mình nghe chị tả, hiểu lòng chị, xách về khệ nệ nào mắm, nào ghem. Ở đầm, vào mỗi con nước rằm hay ba mươi, ghem nhiều vô số. Lốp vô lú, lốp bu đầy bập dừa thả lênh bênh ngấm trời chơi. Ở đầm người ta cầu kỳ ghê lắm, muối toàn là ghem cái, loại nhiều gạch nhất, ăn vừa mặn lưỡi vừa béo ngậy. Rồi hỏi về mắm, dù mùa cá hồi đã qua lâu lắm rồi nhưng nhà nào cũng còn hũ mắm chưa giở, chỉ cần hé cái nắp đây một chút đã nghe thơm lừng lừng mũi. Cái xứ ngọ, con người nhiệt tình, chưa kịp nói gièm thì đã dúi vào giỏ biểu mang về rồi. Tình thật, mình muốn mang về đâu phải bao nhiêu đó. Một buồng dừa nước cơm thơm, con cua gạch son, một mớ tôm bạc, tôm càng, một con cá dứa... cho bạn bè mình biết cái xứ mình hào phóng cỡ nào. Cho những người xa đầm Thị Tường nhớ đến ứa nước mắt khi nhìn lại những món ngon năm cũ.

Có rất nhiều người từ đầm Thị Tường ra đi. Đây Tân Phong, Đất Cháy, Kinh Một, Hai, Ba, Tư, Vĩnh Dừa, Giáp Nước, Bà Ký, Thọ Mai, Vĩnh Trăn, Mũi Mắm... những cái xóm nhỏ bình thường, cái tên cũng bình thường nhưng là vùng căn cứ nổi tiếng thời chống Pháp, Mỹ. Xứ ủy Nam kỳ ở đây, Tỉnh ủy nằm ở đây, các báo kháng chiến nằm ở đây, xóm làng che chở. Trục thẳng, máy bay địch không biết bắn phá ở đâu chiều về quẹo lại đầm xả bom đạn chơi vậy, cũng không cần mục tiêu gì, bỏ xuống cho nhẹ lái, vì khát máu nên họ thấy cái đẹp mà không biết nâng niu, cảm nhận.

Hồi đó sao người ta thêm nhiều chuyện “độc” vậy không biết. Thêm buổi sáng ngấm mặt trời mọc từ đầm, buổi chiều khắp khựng úp mặt về mũi mắm cuối đầm, thêm nhìn một bầu trời tinh tươm không bóng bầy ác diệu đen xì. Thêm thả xuống ra đầm, mang theo một ít ghem muối nguyên con, thịt non mềm, một tay cầm củ gừng một tay cầm con mắm cứ cắn gừng một miếng, cắn mắm một miếng mà lai rai dưới trăng. Có cầu kỳ gì đâu, có đòi hỏi gì cao sang đâu mà vì bom đạn chiến tranh vẫn không làm được.

Bây giờ những người từ đầm Thị Tường ra đi có còn nhớ không? Đất và những con người hào sảng đậm chất Nam bộ. Đàn ông nhậu một mâm thì đàn bà cũng một mâm. Đàn ông say thì ca vọng cổ (đôi khi cũng buồn tình đập chén, đánh vợ không kể), đàn bà say chỉ nhảy múa cho vui hơi rượu đi. Người dân móc ruột mình ra mà nuôi cán bộ, sống chết với cách mạng. Không đếm được bao nhiêu hy sinh mất mát của người dân xứ đầm. Rồi có còn nhớ không những cơn gió?

Mình vẫn còn thấy quên, thấy xon xót trong lòng, có phải vì một bờ lá ven đầm bắt đầu nham nhở... Đứng bên này bờ Đất Cháy đã nhìn thấy lồng lộng những mái nhà trắng xám phía bên kia Phú Mỹ. Người dân phá lá ngoài đầm, phá vườn trồng xóm làm ruộng, nuôi tôm. Những rặng dừa nước giao ngon, âm u hoang sơ ngày xưa đã mất. Mình đứng tiếc. Có phải vì mình “văn nghệ” quá không? Có phải mình phi thực tế không?

Đầm Thị Tường vẫn là vùng nước mênh mông, vẫn như trái tim nổi những mạch máu kinh rạch đi trăm ngả. Ừ, nhìn qua thì cũng như ngày xưa. Nhưng không, ngày ấy ông cố mình sinh ra mười người con, ông ra đầm cắm dăng đặt đó, vậy mà thanh thoi, mười anh em của ông nội

mình cùi cùi khôn lớn, dựng vợ gả chồng và mỗi người lại sinh ra một đàn con khác. Ông nội mình lại ra đầm, bắt đầu đầm dãi, nhọc nhằn. Đến đời bà mình thì không còn những mẻ tôm năng kỷ. Chuyện cá tôm nhiều vô kể quanh năm, chuyện một chiếc xuồng con với vài tay lưới có thể nuôi cả nhà đã quá xa vời. Chuyện xuồng đi tới đâu, đàn cá nước đuổi theo đến đấy, dường như chỉ là cổ tích.

Ngày trước cứ năm trăm mét là một hàng lú, bây giờ là một trăm, những nò, những chà,... lưới chỉ chít mắt đầm như một ma trận. Tôm cá thiên nhiên cạn kiệt. Mình xin mọi người đừng trách cứ Thị Tường ở bạc. Chúng mình thở gió đầm, ăn con tôm, con cá trong đầm, mặc cái quần, cái áo, từ đầm mà lớn lên. Mai mốt này chúng mình lại vất kiệt sức thiên nhiên để nuôi đám con chúng mình khôn lớn y như vậy.

Mình sợ ngày ấy, Thị Tường sẽ khác bây giờ. Nuôi tôm có thể nhiều nhà ngói, nhà lầu, có thể nhiều tiện nghi hơn bây giờ. Và vườn dừa cao vợi trong xóm không còn nữa, rặng dừa nước bao bọc ôm ấp con đầm, nơi con cá kéo chạy giỡn rượt nhau, con tôm bạc ẩn mình... không còn nữa. Con người tự bào chữa, trấn an mình, tại không sống được vào nó nữa rồi chớ nào muốn làm cho vùng đầm đánh mất nét duyên dẻ bao đời.

Mình sẽ trở lại Thị Tường, đứng bên bờ xáng, nơi có bụi ô rô lá võ vàng. Mình đứng đó trong lồng lộng gió, gió không hương. Mình đứng đó trong vàng dãi nắng, nắng cô hồn.

Mình sợ phải nhìn thấy đầm Thị Tường vốn từng nhớ thương sâu sắc trong lòng đưa tay vẫy cái chào xa mãi.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>